

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
BIÊN ĐẠO MÚA**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 10 - 2023

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
BIÊN ĐẠO MÚA**

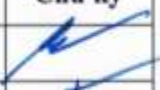
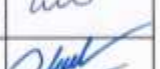
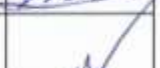
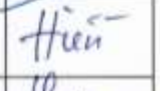
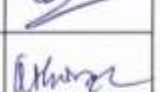
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

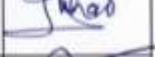
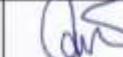
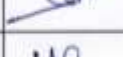
Hà Nội, tháng 10 - 2023

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH BIÊN ĐẠO MÚA

(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Phạm Đức Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Phùng Quang Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Thư ký	
5	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản. Đại diện Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
9	Chế Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên	
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
12	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên	
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên	
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
16	Hoàng Kim Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Thành viên	

17	Lưu Thị Thu Lan	NSUT.ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên	
18	Nguyễn Thị Thùy Châu	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên	
19	Phạm Anh Phương	TS.NSND. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên	
20	Nguyễn Công Nhạc	CN. NSND. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên	
21	Trần Quốc Tuấn	TS. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên	
22	Phùng Văn Khải	ThS. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên	
23	Lê Trần Thảo Nhi	Sinh viên lớp Biên đạo múa K40	Thành viên	

(Danh sách gồm có 23 người)

MỤC LỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ	1
MỤC LỤC	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BẢNG BIỂU	8
PHẦN I. KHÁI QUÁT	9
1. Đặt vấn đề	9
2. Tổng quan chung	11
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	17
Tiêu chuẩn 1	17
Mở đầu.....	17
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	20
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	21
Tiêu chuẩn 2.....	21
Mở đầu	21
Tiêu chí 2.1	22
Tiêu chí 2.2	23
Tiêu chí 2.3	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	24
Tiêu chuẩn 3.....	25
Mở đầu.....	25
Tiêu chí 3.1.....	25
Tiêu chí 3.2	27
Tiêu chí 3.3	28
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	29
Tiêu chuẩn 4.....	30
Mở đầu	30
Tiêu chí 4.1.....	30
Tiêu chí 4.2	30
Tiêu chí: 4.3.....	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	35

Tiêu chuẩn 5	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 5.1.....	36
Tiêu chí 5.2	38
Tiêu chí 5.3	39
Tiêu chí 5.4	41
Tiêu chí 5.5	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	43
Tiêu chuẩn 6.....	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 6.1	44
Tiêu chí 6.2	45
Tiêu chí 6.3.....	47
Tiêu chí 6.4.....	49
Tiêu chí 6.5	51
Tiêu chí 6.6.....	52
Tiêu chí 6.7	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	55
Tiêu chuẩn 7.....	55
Mở đầu.....	55
Tiêu chí 7.1	55
Tiêu chí 7.2	57
Tiêu chí 7.3.....	58
Tiêu chí 7.4	59
Tiêu chí 7.5.....	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	61
Tiêu chuẩn 8.....	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 8.1	62
Tiêu chí 8.2	63
Tiêu chí 8.3	65
Tiêu chí 8.4.....	67
Tiêu chí 8.5.....	69
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	71

Tiêu chuẩn 9	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 9.1.....	72
Tiêu chí 9.2	73
Tiêu chí 9.3.....	75
Tiêu chí 9.4	78
Tiêu chí 9.5	80
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	82
Tiêu chuẩn 10.....	83
Mở đầu	83
Tiêu chí 10.1	83
Tiêu chí 10.2	84
Tiêu chí 10.3.....	86
Tiêu chí 10.4	87
Tiêu chí 10.5	90
Tiêu chí 10.6	92
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	94
Tiêu chuẩn 11	94
Mở đầu	94
Tiêu chí 11.1	95
Tiêu chí 11.2	97
Tiêu chí 11.3	99
Tiêu chí 11.4	100
Tiêu chí 11.5.....	102
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	104
PHẦN III. KẾT LUẬN	105
PHẦN IV. PHỤ LỤC	110

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BDM	Biên đạo múa
2	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	BLQ	Bên liên quan
4	BGH	Ban Giám hiệu
5	BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch
6	CBCCVC	Cán bộ, công chức, viên chức
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	CĐR	Chuẩn đầu ra
9	CNBDM	Chuyên ngành Biên đạo múa
10	CTHSSV	Công tác học sinh, sinh viên
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CSGD	Cơ sở giáo dục
13	CSVC	Cơ sở vật chất
14	DGDT	Dân gian dân tộc
15	ĐCCT	Đề cương chi tiết
16	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
17	ĐH	Đại học
18	ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
19	ĐTN	Đoàn thanh niên
20	ĐT,QLKH&HTQT	Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
21	ĐNNV	Đội ngũ nhân viên
22	GV	Giảng viên
23	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
24	HCTH (TCCB)	Hành chính, Tổng hợp (Tổ chức cán bộ)
25	HP	Học phần
26	HĐ	Hội đồng
27	KCMCĐCA	Kết cấu múa cổ điển châu Âu

28	KCMDGDT	Kết cấu múa dân gian dân tộc
29	KQHT	Kết quả học tập
30	KH	Kế hoạch
31	KM	Khoa Múa
32	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
33	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34	NH	Người học
35	NTD	Nhà tuyển dụng
36	NTBD	Nghệ thuật biên đạo
37	NV	Nhân viên
38	NGND	Nhà giáo Nhân dân
39	NSND	Nghệ sĩ Nhân dân
40	NSUT	Nghệ sĩ ưu tú
41	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
42	PPGD	Phương pháp giảng dạy
43	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
44	PGS	Phó Giáo sư
45	QĐ	Quyết định
46	SKĐA	Sân khấu điện ảnh
47	SV	Sinh viên
48	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
49	TCCB	Tổ chức cán bộ
50	TS	Tiến sĩ
51	ThS	Thạc sĩ
52	TB	Thông báo
53	TTTTTV	Trung tâm Thông tin, Thư viện
54	VSKĐA	Viện Sân khấu – Điện ảnh

DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. Bảng 1: Mục tiêu chương trình đào tạo (CTĐT) các năm.....	133
2. Bảng 2: Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT	134
3. Bảng 3: CDR CTĐT ngành BDM các năm	134
4. Bảng 4: Đối sánh CDR các năm	139
5. Bảng 5: Đối sánh về Bản mô tả CTĐT ngành BDM.....	140
6. Bảng 6: Cấu trúc ĐCCT học phần được thể hiện qua CTĐT BDM của các năm 2018 và 2023	144
7. Bảng 7: Đánh giá của cựu NH về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2018	144
8. Bảng 8: Đánh giá của người học (NH) về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2018, 2023	145
9. Bảng 9: Đánh giá của GV về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2023	146
10. Bảng 10: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của SV sau khi tốt nghiệp	147
11. Bảng 11: Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp (SVTN)	147
12. Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT BDM áp dụng từ khóa năm 2018-2019	149
13. Bảng 13: Đánh giá của NH về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong ĐCCT học phần và CTĐT ngành BDM năm học 2022 (cho Khoa chọn ít nhất 1 năm học)	149
14. Bảng 14: Thống kê tình hình nhập học của NH năm thứ nhất (từ năm 2018 đến 2023).....	150
15. Bảng 15: Thống kê số NH đang học CTĐT ngành BDM (từ năm 2018 đến năm 2023).....	150
16. Bảng 16: Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSKĐAHN.....	151
17. Bảng 17: Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV ngành BDM từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023.....	151
18. Bảng 18: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT	151
19. Bảng 19: Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi	152
20. Bảng 20: Tỷ lệ GV/SV của ngành BDM	152
21. Bảng 21: Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa Múa (2018-2023) ...	153
22. Bảng 22: Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Múa (2018 - 2023).....	153
23. Bảng 23: Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Múa (2018 - 2023)	153
24. Bảng 24: Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Múa	154

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Xây dựng thương hiệu và giữ gìn thương hiệu là một trong những vấn đề quan trọng, then chốt để thúc đẩy sự phát triển mang tính bền vững, với ý thức nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định, là động lực cho sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (ĐHSKĐAHN). Trong quá trình trưởng thành và phát triển, Nhà trường đã luôn coi trọng việc đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, trong đó có hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT). Để nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới đạt yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, đạt được mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) và trước xã hội, Trường ĐHSKĐAHN tiến hành thực hiện quy trình đánh giá CTĐT một số ngành trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành BDM (BDM).

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Múa, trình độ đại học ngành BDM. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành BDM căn cứ các tiêu chuẩn và mốc chuẩn đánh giá chất lượng của BGD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành BDM để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành BDM được thành lập theo Quyết định số (357/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023) của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN bao gồm 23 thành viên và Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 07 thành viên. Trong đó, PGS.TS.NGND. Nguyễn Đình Thi, Bí thư Đảng ủy Hiệu Trưởng Nhà Trường - Chủ tịch Hội đồng; TS. Phạm Đức Thi - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch HĐ; ThS. Nguyễn Thị Thanh Quế, Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch HĐ; ThS. Phùng Quang Minh, Phó Trưởng Khoa Múa - Thư ký. Các thành viên còn lại trong Hội đồng và Ban Thư ký đến từ tất cả các phòng chức năng liên quan (Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế (Phòng ĐTQLKH&HTQT); Phòng Hành chính tổng hợp (Phòng HCTH); Phòng Công tác học sinh, SV (Phòng CTHSSV); Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (Phòng KT&ĐBCLGD), Viện Sân khấu - Điện ảnh (VSKĐA), Trung tâm Thông tin, Thư viện (TTTTTV), Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTNCSHCM)) và Khoa Múa .

Mục đích tự đánh giá CTĐT nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT ngành BDM, Khoa Múa của Trường ĐHSKĐAHN. Nâng cao chất lượng CTĐT ngành BDM thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

CTĐT ngành BDM; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDDĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và công văn 744/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Bản “Báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành BDM” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành BDM, Khoa Múa theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của BGD&ĐT (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT). Bản báo cáo gồm 4 phần chính: Khái quát; Đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Kết luận và Phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo, trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược

về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 5/7.

2. Tổng quan chung

Trường ĐHSKĐAHN (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL); BGD&ĐT. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: *“Trường ĐHSKĐAHN có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình; thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; quan tâm, thúc đẩy các hoạt động kết nối và PVCD; phát huy tinh thần, bản sắc văn hóa Việt Nam trong hội nhập quốc tế”*.

Tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN là: *“Trường ĐHSKĐAHN sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các cơ sở đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khu vực châu Á”*. (Ban hành kèm theo Quyết định số 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN). Tầm nhìn này sẽ giúp Nhà trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế.

Vào năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN được công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đạt được là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của Nhà trường. Những mục

tiêu đó được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã được tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường ĐHKĐAHN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035” ghi rõ mục tiêu: “Xây dựng Trường ĐHKĐAHN thành Trường trọng điểm của quốc gia về đào tạo các ngành nghề phù hợp, gắn với đòi hỏi của thực tiễn xã hội; hệ thống chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, tiếp cận chuẩn mực quốc tế; phương pháp đào tạo đa dạng, huy động được nguồn lực của toàn xã hội; đội ngũ GV, cán bộ quản lý giỏi, có phẩm chất chính trị, đủ năng lực và tiêu chuẩn tương đương trình độ quốc tế; cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, gắn với đặc thù từng ngành học; quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng; phương pháp quản lý và mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiệu quả, đạt các chuẩn mực khu vực và quốc tế. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị viên chức, người lao động của Trường; “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của Trường; sổ tay sinh viên (SV); hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, đoàn thể. Các đơn vị trực thuộc Trường hằng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để những mục tiêu đề ra đạt được hiệu quả, Nhà trường có những chính sách nhằm nâng cao và bảo đảm chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường. Những văn bản này đều được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử eoffice, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của Khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của Nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của Khoa, phòng, Trường ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên (GV) và nhân viên. Sự phân công này được công bố công khai trên web của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các

đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì, phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, ĐTNCSHCM đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức, người lao động. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai, quán triệt chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi bảo đảm công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

ĐTNCSHCM của Trường đã tổ chức được nhiều phong trào cho thanh niên SV rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Bên cạnh việc chú trọng bảo đảm hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, Nhà trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mạng đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2014, Trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCLGD. Công tác của Phòng là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kỳ thi... Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 đã giới thiệu khái quát giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2025 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hằng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ, Ban

Thanh tra nhân dân... Ban Giám hiệu (BGH) trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành BDM là Khoa Múa. Đồng hành với Trường từ thuở sơ khai, quá trình phát triển của Khoa Múa trải dài hơn 40 năm lịch sử, là cơ sở đầu tiên của cả nước đào tạo về ngành BDM - bậc đại học. Năm 1980, để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội Chính phủ đã ban hành Quyết định số 372/CP ngày 17/12/1980 của Hội đồng Chính Phủ về việc thành lập Trường ĐHSKĐAHN với Hiệu trưởng là Giáo sư (GS), Tiến sĩ (TS), Nghệ sĩ Nhân dân (NSND), Đạo diễn sân khấu Đình Quang. Nhà trường đã quy tụ được đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, GV, nghệ sĩ chuyên ngành Điện ảnh và Sân khấu bậc nhất của cả nước về làm việc và giảng dạy tại Trường. GV, Nghệ sĩ ưu tú (NSUT) Ngân Quý giữ chức vụ chủ nhiệm đầu tiên của Khoa Múa, đảm nhận giảng dạy bộ môn Phương pháp Huấn luyện múa Dân gian dân tộc. Nhà giáo ưu tú (NGUT) Trương Lê Giáp tốt nghiệp Trường Ghichit (Liên Xô cũ) đảm nhận giảng dạy bộ môn Phương pháp Huấn luyện múa Cổ điển Châu Âu. PGS.TS.NSND. Nguyễn Thị Hiền và NSUT. Trần Đình Quý đảm nhận giảng dạy bộ môn Kết cấu múa Cổ điển Châu Âu và Nghệ thuật Biên đạo, GV Cao Năng Dũng giảng dạy bộ môn múa Di sản sân khấu truyền thống Việt Nam...

Trải qua hơn 40 năm đào tạo liên tục, khoa Múa đã đào tạo khoảng 200 cử nhân ngành BDM. Có 70 - 80% SV được đào tạo từ ngành BDM hiện nay là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cơ sở đào tạo, các nhà hát, các đoàn nghệ thuật trên cả nước. Họ góp phần làm nên diện mạo của nền nghệ thuật múa Việt Nam thời kỳ đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay, với những tên tuổi như: NSND. Nguyễn Văn Quang; NSND. Lê Ngọc Anh; NSND. Đỗ Tiến Định; NSND. Nguyễn Minh Thông; NSND. Hà Kim Chung; NSND. Lữ Kiều Lê; NSND. Nguyễn Hương Thơm; NSUT. Lê Khánh Toàn; NSUT. Tạ Xuân Chiến; NSUT. Đồng Thị Tâm; NSUT. Phan Thị Thúy Hằng...

Hiện nay, đội ngũ giảng dạy của Khoa có 08 GV (GV) (06 - Thạc sĩ, 02 - Cử nhân), độ tuổi trung bình của GV khoảng 39 tuổi. Khoa thường xuyên mời những chuyên gia đầu ngành có nhiều thành tựu và bề dày kinh nghiệm giảng dạy như: NSND. Nguyễn Công Nhạc, NSND.TS. Ứng Duy Thịnh; NSND.TS. Phạm Anh Phương; NSND.TS. Nguyễn Thu Hà; NSUT. Nguyễn Thị Hiền Trang; TS. Trần Quốc Tuấn... để nối tiếp truyền thống phát triển của khoa đồng thời thế hệ GV trẻ có cơ hội kế thừa những phương pháp giảng dạy truyền thống và ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN) để tìm ra phương pháp giảng dạy tiên tiến phù hợp với giai đoạn mới, giai đoạn phát triển công nghệ, số hóa...

SV Khoa Múa năng động và sáng tạo, dẫn đầu các nhóm của Nhà trường khi tham gia các hội thi Liên hoan Hội diễn Ca Múa Nhạc chuyên nghiệp, Hội diễn toàn quân, Liên hoan Hội diễn Tài năng SV các trường văn hóa nghệ thuật toàn quốc...

Khoa có mối quan hệ tốt với các NTD nên tạo được nhiều cơ hội cho SV đi thực tập, làm việc tại các nhà hát, các trung tâm văn hóa thể thao & du lịch, cơ sở đào tạo múa để nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ xát thử thách nghiệp vụ sáng tạo ở tại các nhà hát: Nhà hát Nhạc Vũ kịch Việt Nam, Nhà hát đương đại, Nhà hát Ca Múa

nhạc Quân Đội, Nhà hát Ca Múa nhạc Việt Bắc, Đoàn nghệ thuật Dân tộc Lào Cai, Đoàn nghệ thuật Ca Múa nhạc Yên Bái, Trung tâm văn hóa thể thao - du lịch Thái Nguyên. GV và SV Khoa Múa có truyền thống tinh thần tương thân tương ái, các cựu SV, GV của Khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các SV điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Mục tiêu đào tạo của Khoa cũng chính là Sứ mạng của Trường, đó là đào tạo nguồn nhân tài có kiến thức, kỹ năng, sáng tạo. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm đào tạo cử nhân chính quy ngành BDM, Huấn luyện múa, BDM đại chúng, Lý luận và Phê bình múa.

Khoa Múa đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy Trường, Chi bộ Sân khấu, cán bộ, viên chức, SV của Khoa luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, NH, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường/ Khoa ngày càng vững mạnh.

Công tác SV; công tác đoàn thể được Khoa quan tâm, chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn và liên chi hội SV tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho NH thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của SV và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nên móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ GV được đào tạo; được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước: NGUT. Trương Lê Giáp tốt nghiệp Trường Ghichit (Liên Xô cũ), NSUT. Lưu Thị Thu Lan được đào tạo tại Trường Múa quốc gia Kiev (Liên Xô cũ). GV của Khoa tích cực tham gia các lớp học bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn và công tác quản lý như: Lớp bồi dưỡng ngạch GV chính, Trung cấp Lý luận chính trị, Tin học cơ bản theo Thông tư 03, Chứng chỉ tiếng Anh B1, A2...

GV nhiệt tình tham gia các chương trình, hội thảo của Hội nghệ sĩ múa Việt Nam tổ chức, đi sưu tầm điền dã để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và các thủ pháp sáng tạo. Hằng năm, các GV trong Khoa đều có công trình nghiên cứu khoa học, xây dựng các giáo trình giảng dạy cho các bộ môn, viết nhiều bài báo, bài tham luận gửi đến các tạp chí chuyên ngành trong nước. Những nghiên cứu khoa học đó làm phong phú thêm tư liệu, tài liệu tham khảo trong giảng dạy và học tập.

Công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. CTĐT của Khoa thường xuyên được cập nhật và chỉnh sửa, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Khoa rất chú trọng công tác NCKH, bổ sung các đầu sách chuyên ngành, tài liệu tham khảo. Thư viện clip của Khoa luôn cập nhật các chương trình thi học kỳ, thi tốt nghiệp được đánh giá cao, thành công về mặt chất lượng đào tạo, phương pháp, thủ pháp và các hình thức sáng tạo để các GV cùng phân tích, thảo luận và sử dụng trong các bài giảng. Đặc biệt, các chuyên đề mới luôn được tổ chức, mời các nhà BDM có nhiều tác phẩm thành công, chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong sáng tạo để các GV và SV có được những giao lưu thực sự cần thiết.

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể bảo đảm chất lượng của Trường và Khoa. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách quản lý thiết bị của Khoa có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng tập thực hành và các thiết bị tại văn phòng. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy định của Khoa. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20-11, Tết âm lịch. Ngoài ra, đơn vị còn tổ chức đi du lịch cho toàn thể cán bộ trong các dịp hè, thăm hỏi, động viên cán bộ và thân nhân khi có việc hiếu, hỷ, ốm, đau. Công tác thăm hỏi cựu GV luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc bảo đảm và phát huy chất lượng giáo dục của Trường từ khi thành lập Khoa Múa năm 1980 đến nay Khoa Múa luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo ngành BDM uy tín trong cả nước, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT (CTĐT) trình độ đại học ngành BDM được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) quy định trong luật GDĐH. Trên cơ sở mục tiêu này, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân BDM được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành BDM được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học [H1.01.01.01]; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.02]. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành BDM có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng tư duy biên đạo, có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thủ pháp sáng tạo, xây dựng chương trình nghệ thuật, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến BDM nói riêng và ngành múa nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H1.01.01.03].

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT ngành BDM phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Để đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập Quốc tế, từ năm 2009 Khoa Múa đã đưa vào giảng dạy môn Kết cấu múa hiện đại; bộ môn đã được phát triển bài bản đáp ứng được CĐR của CTĐT, cũng như thực hành thể loại múa đang được quan tâm và thịnh hành trên sân khấu trong nước và quốc tế [H1.01.01.05].

Năm 2018, lấy ý kiến đóng góp từ phía SV và chuyên gia, Khoa Múa điều chỉnh đơn vị học trình để đi sâu vào thực hành các môn chuyên ngành, nhằm đào tạo vững chắc cử nhân BDM với chiều sâu từ tư duy tới lý thuyết đến thực hành trực tiếp. Điều này được minh chứng bởi chất lượng SV tốt nghiệp ngành BDM, sau khi tốt nghiệp luôn tiếp cận được với việc làm, đúng ngành, đúng nghề, nhận được sự hài lòng của NTD. [H1.01.01.06]. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CĐR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của

Nhà trường **[H1.01.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành BDM được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT ngành BDM chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Hội đồng KHĐT của Khoa Múa tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN, với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới. (Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với các tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các BLQ về mục tiêu của CTĐT ngành BDM định kỳ 2 năm một lần.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ cử nhân ngành BDM được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2018 theo một quy trình thống nhất **[H1.01.02.01]**. CĐR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV dễ dàng xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy **[H1.01.02.02]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

a. Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành BDM SV hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về múa và BDM, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm

bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành BDM: hệ thống những kiến thức kỹ năng về sáng tạo, phương pháp tư duy và các thủ pháp sáng tạo, phương pháp xử lý không gian sân khấu, phương pháp xử lý đạo cụ, xây dựng được hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa... với đầy đủ các hình thức, nội dung, thể loại vào nghiên cứu và ứng dụng cũng như phát triển hoạt động nghề nghiệp.

b. Về mặt kỹ năng: Khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT có thể lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CDR ngành BDM xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp SV đạt được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có kỹ năng sáng tạo múa. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm, trao đổi kiến thức và học hỏi kinh nghiệm cũng được chú trọng trong CDR ngành BDM. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp CTĐT BDM SV có thể cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CDR ngành BDM cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật trong sáng tạo nghề nghiệp BDM.

c. Về mức tự chủ và trách nhiệm: CDR cuối cùng SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành BDM, xác định được tác động giữa người sáng tạo các tác phẩm múa là 1 hoạt động nghề nghiệp nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. CDR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CDR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

d. Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM SV có thể đảm nhận công việc sáng tạo các tác phẩm múa cho mọi lứa tuổi và đối tượng. Nhờ vào độ thực tiễn của CTĐT, SV có thể nhanh chóng từng bước tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp; chịu được áp lực công việc, có khả năng làm việc độc lập tại các trung tâm đào tạo múa hay các nhà hát, đoàn nghệ thuật, trung tâm văn hóa thể thao & du lịch.

CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực

của SV giải quyết các bài tập thực hành, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu [H1.01.02.04]. Bên cạnh đó, Khoa Múa còn thực hiện việc khảo sát NTD, các GV là các nhà chuyên môn, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT bảo đảm được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo đó là trang bị cho NH các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ của NH giúp NH giải quyết tình huống thực tiễn tốt hơn từ đó giúp cho SV có nhiều cơ hội về việc làm, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Phòng ĐTQLKH&HTQT giám sát việc Khoa Múa tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho SV theo CĐR đã xây dựng.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Phòng ĐT, QLKH&HTQT (Bộ phận Đào tạo, Quản lý khoa học), Phòng KT&ĐBCLGD, Khoa Múa phối hợp tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CĐR.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM phản ánh được yêu cầu của các BLQ. CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được xây dựng từ năm 2018, được rà soát, chỉnh sửa bổ sung năm 2023. Căn cứ vào hướng dẫn xây dựng CĐR được Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các BLQ, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, Khoa Múa đã tiến hành họp xây dựng và thống nhất CĐR [H1.01.03.01]. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các BLQ nên CĐR của CTĐT cử nhân ngành BDM ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp các SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2018, đến năm 2019, Phòng ĐTQLKH&HTQT phối hợp với Khoa Múa đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT các chuyên ngành thuộc Khoa Múa trong đó có ngành BDM. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Đầu tiên

là lấy ý kiến đánh giá của NH các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động [H1.01.03.02], tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị trường [H1.01.03.03]. Sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan, Khoa tiến hành phân tích và so sánh mức độ hiệu quả và đưa ra đánh giá tổng hợp và điều chỉnh bổ sung, việc điều chỉnh bổ sung CĐR sẽ được áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được công bố công khai, rộng rãi thông qua các kênh truyền thông của Trường, Khoa Múa; giúp GV; NH; các BLQ dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ cử nhân ngành BDM [H1.01.03.06].

2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ về CĐR chưa rộng rãi và thường xuyên. Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các BLQ chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Khoa Múa phối hợp các phòng chức năng (Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng CTHSSV) tiếp tục truyền thông đến các BLQ về nội dung CĐR thông qua các kênh website, thông báo tuyển sinh, sổ tay SV và rà soát cập nhật CĐR của chương trình.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2024, Khoa Múa, Phòng CTHSSV chủ động thành lập Ban liên lạc cựu SV để có thêm kênh thông tin liên lạc. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp (trường nghệ thuật, nhà hát, trung tâm nghệ thuật, trung tâm văn hoá...) để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

* *Điểm mạnh nổi bật:* Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, phản ánh được yêu cầu của các BLQ.

* *Điểm tồn tại cơ bản:* Số lượng NTD, nhà chuyên môn tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CĐR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

* *Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 1:* Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí đạt, trong đó có 2 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành BDM được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường/Bộ GD &ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành BDM cung cấp các thông tin về chương trình, KQHT dự kiến, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân ngành BDM có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT ngành BDM được cập nhật, điều chỉnh và đến đầu năm 2022 Khoa Múa đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập nhật **[H2.02.01.01]**.

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ các nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CDR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của chương trình; bản mô tả các học phần. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GDĐT, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CDR, cấu trúc khóa học, số đơn vị học phần (số tín chỉ tương đương), nội dung học phần giúp NH có cái nhìn tổng quát về CTĐT **[H2.02.01. 02]**.

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất có liên quan của CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng NH đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV; cựu SV; NTD; nhà quản lý nhằm bảo đảm chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các BLQ. Ma trận CDR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết (ĐCCT) của từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa và Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CDR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ma trận CDR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa , PĐTQLKH&

HTQT, Phòng CTHSSV phối hợp mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các BLQ.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương học phần của CTĐT được Khoa Múa xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN [H2.02.02.01]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần [H2.02.02.02].

Đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên GV đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo [H2.02.02.03].

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV; SV năm cuối; cựu SV; các nhà quản lý và các NTD lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.01.04].

2. Điểm mạnh

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và liên tục được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá SV còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể. Thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá SV còn đơn giản, chưa cập nhật các nội dung liên quan đến dạy, học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT căn cứ vào việc điều chỉnh, rà soát CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT- BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, Khoa thực hiện chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần theo mẫu mới và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT yêu cầu các GV rà soát đề cương học phần (ĐCHP), diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá NH.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương môn học/học phần ngành BDM được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để đối tượng liên quan dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa Múa đăng tải thông tin liên quan đến CTĐT lên trang website của Nhà trường [H2.02.03.01]. Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ, GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật tới các phòng ban liên quan của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.02].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.03]. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các NTD, cựu SV, SV năm cuối [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2023-2024, Trường/Khoa Múa công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT và đề cương học phần lên website của trường, trên các trang thông tin của Khoa Múa, triển khai đa dạng cách thức công khai để tạo điều kiện cho BLQ dễ dàng tiếp cận; tham gia thực hiện các khảo sát, đánh giá CTĐT và đề cương học phần.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp các phòng chức năng xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ, sau đó tổ chức đánh giá.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

* ***Điểm mạnh nổi bật:*** CTĐT trình độ đại học ngành BDM có bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật định kỳ và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực nghệ thuật múa nói chung và ngành BDM nói riêng. Thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy

đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGD&ĐT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, GV, đơn vị tuyển dụng, nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong đề cương các học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

** Điểm tồn tại cơ bản:* Việc khảo sát các BLQ khi thực hiện CTĐT mặc dù đã có nhưng chưa rộng và cần xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các BLQ.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 2: Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm và hai tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CĐR trong CTĐT trình độ đại học ngành BDM.

Cấu trúc, trình tự của các học phần ngành BDM được thiết kế hợp lý và có hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành BDM, hướng đến thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, bảo đảm tính hợp lý và logic đồng thời bảo đảm mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CĐR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp đến cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT nhằm bảo đảm tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bắt đầu từ năm 2015, CTDH đại học ngành BDM được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH trong CTDH là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể:

CTDH của ngành BDM được thiết kế dựa trên yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa **[H3.03.01.01]**, kết quả phản hồi của các BLQ **[H3.03.01.02]** để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR. CTDH (CTDH) bảo đảm việc đạt được CDR của ngành BDM thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần **[H3.03.01.03]**, ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng **[H3.03.01.04]** và mô tả CDR của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; CDR của ngành và CDR của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá NH và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

CTDH phù hợp với mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Bảo đảm các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CDR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của ngành BDM hiện nay được thiết kế gồm 30 đầu môn học và chương trình thực tập, tốt nghiệp, trên tổng số 148 tín chỉ (tương đương 2960 tiết), tập trung vào các khối kiến thức chung đại cương 14 môn, khối kiến thức chung gồm các môn học bắt buộc khối sân khấu 3 môn; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thuộc kiến thức cơ sở ngành 5 môn, kiến thức ngành 6 môn, chuyên đề và đồ án tốt nghiệp (bao gồm khoá luận và chương trình thực hành BDM). Chủ đề của CDR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp **[H3.03.01.05]**.

Việc xác định tổ hợp phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của NH trong CTĐT ngành BDM phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT và bản mô tả học phần **[H3.03.01.06]**. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH **[H3.03.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của CTDH trình độ đại học ngành kiến thức cơ sở ngành được thiết kế bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CDR. ĐCCT trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy - học và đánh giá để đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

CTĐT được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ nhưng chưa thực hiện việc đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. Việc lấy ý kiến phản hồi về CTDH chưa được rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Trường/Khoa Múa tăng cường công tác dự giờ, dự thi, tổ chức hoạt động thi tài năng cấp Khoa và bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần. Khoa Múa chủ động thực hiện định kỳ rà soát cấu trúc CTDH hợp lý hơn nữa để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy - học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với PĐTQLKH&HTQT thường xuyên kết hợp với các nhà chuyên môn, các nghệ sĩ có tên tuổi, GV, các NTD và cựu SV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng CTDH được hoàn thiện hơn. Đồng thời, thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

100% môn học, học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để bảo đảm việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT [H3.03.02.01].

Mặt khác, 100% môn học, học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR, cụ thể: Các học phần trong CTĐT đều có ĐCCT, do GV (GV) của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H3.03.02.02]. Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của các SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, chứng tỏ mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình [H3.03.02.03]. Tuy nhiên, việc lấy ý

kiến phản hồi của BLQ, nhất là ý kiến của các đơn vị tuyển dụng về CĐR và CTDH đạt CĐR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác bảo đảm quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CĐR của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt ý kiến của các nhà hát, cơ quan nghệ thuật thực hiện chưa thường xuyên. CTĐT ngành BDM chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa và Phòng ĐTQLKH&HTQT xây dựng kế hoạch cải tiến CTDH thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện hơn nữa phương pháp đánh giá nhằm bảo đảm quá trình dạy - học đạt được mục tiêu đề ra.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐTQLKH & HTQT, Phòng CTHSSV, Viện SKĐA tổ chức lấy ý kiến các BLQ trong việc hoàn thiện chương trình. Mỗi năm 1 lần, Khoa Múa chủ trì tổ chức ít nhất 01 đề tài KH&CN hoặc hội thảo cấp Khoa/Trường về đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục (PPGD) và kiểm tra đánh giá (KTĐG) đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành BDM.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành BDM được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018 - 2019, CTDH ngành BDM có 215 đơn vị học trình (tương đương 154 tín chỉ) trên tổng số 215 đơn vị học trình, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 72 học phần tương đương 48 tín chỉ, chiếm 33,5% tổng số học trình tương đương tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 34 học phần tương đương 23 tín chỉ, chiếm 15,8%; kiến thức ngành gồm 109 học phần tương đương 83 tín chỉ, chiếm 50,7%; các học phần thuộc

khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII bảo đảm tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VIII. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.03.03.01].

100% các môn học, học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) [H3.03.03.02].

CTDH ngành BDM được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2014, năm 2018 tiếp tục được rà soát và điều chỉnh [H3.03.03.03].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành BDM có cấu trúc bảo đảm sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTĐT ngành BDM.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Ban chủ nhiệm Khoa chỉ đạo GV thực hiện CTDH thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CĐR CTĐT.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng KT&ĐBCLGD, PCTHSSV xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH ngành BDM để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

**Điểm mạnh nổi bật:* CTDH xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của học phần theo các nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình. Đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của Trường ĐHSKĐAHN.

**Điểm tồn tại cơ bản:* Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 1 tiêu chí đạt mức 5/7 và 2 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

*Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. Ngành BDM cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong Trường ĐHSKĐAHN chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2020 - 2025, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành BDM cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hằng năm. Năm 2022, Trường ĐHSKĐAHN tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, ngành BDM nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu mạnh những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, hướng đến việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo các nhóm mục tiêu chính: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức.*

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2018 - 2019, CTĐT của ngành BDM được rà soát, các nội dung cơ bản của triết lý giáo dục Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT ngành BDM [H4.04.01.01]; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02].

Khoa Múa đã xây dựng mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và NTD trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Triết lý giáo dục được tuyên bố trong CĐR của CTĐT

ngành BDM, được cụ thể hóa trong từng ĐCCT học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, GV, SV, NTD và toàn xã hội **[H4.04.01.05]**.

Đối với GV, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT bảo đảm tính logic của những học phần bắt buộc **[H4.04.01.06]**.

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành BDM cho SV của Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập **[H4.04.01.07]**.

Hằng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV cũng như việc lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng **[H4.04.01.08]**. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy và học của GV và SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, sổ tay SV, v.v., đồng thời có khảo sát ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục/mục tiêu của CTĐT được công bố cho các NTD, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số đơn vị (NTD chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của đông đảo các NTD trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Trường giao Khoa Múa phối hợp phòng chức năng duy trì các hoạt động nhằm công khai, phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với VSKĐA định kỳ 02 năm một lần tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với các NTD để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình CDR CTĐT sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp yêu cầu của các NTD.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả thực trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR đã công bố, các hoạt động đào tạo của Khoa Múa được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá KQHT (KQHT) theo quy chế của BGD&ĐT. Khoa Múa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học **[H4.04.02.01]**.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, CTĐT được Hội đồng KHĐT của Khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của NH và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước **[H4.04.02.02]**. Từ năm học 2018-2019, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành nghiêm túc, có tính cập nhật, đổi mới **[H4.04.02.03]**.

Từ năm 2022, Bản mô tả CTĐT ngành BDM được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của NH **[H4.04.02.04]**. Theo đó, CĐR CTĐT ngành BDM chú trọng nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H4.04.02.05]**.

Để hoạt động dạy học đạt hiệu quả, mang lại lợi ích lớn nhất cho SV, Khoa Múa đã bố trí GV trong việc giảng dạy môn chuyên ngành, cơ sở ngành, chẳng hạn: Trong môn Nghệ thuật biên đạo, Kết cấu múa CĐCẢ; môn Kết cấu múa DGDT..., đó là sự kết hợp giảng dạy của GV trẻ được đào tạo chuyên sâu với độ tuổi từ 30-40 và GV giàu kinh nghiệm được đúc kết qua nửa thế kỷ làm nghề. Bên cạnh đó, sự đánh giá của hai đối tượng GV giúp cho SV nhìn đa chiều hơn về quan điểm nghề nghiệp và thẩm mỹ **[H4.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, môn học cơ sở ngành được bố trí song song với môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này SV các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các SV cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các SV khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H4.04.02.07]**.

Cách thức GV hướng dẫn NH được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm SV. Chẳng hạn, trong giảng dạy môn chuyên ngành (thực hành chính) GV luôn phối hợp tác dụng của các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, đàm thoại, tạo tình huống học tập ...), họ đề cao việc hướng dẫn NH làm việc theo nhóm, để phát huy tốt nhất sở trường của mỗi SV. Chẳng hạn, trong môn Nghệ thuật

biên đạo hay môn Kết cấu múa CDCÂ; Kết cấu múa DGDТ, một nhóm 3, 4 SV được GV phân công theo sở trường để đảm nhận vai trò, vị trí một biên đạo dàn dựng bài thi của mình. Trong quá trình học, khi làm bài tập đến thi hết môn, các SV được trải nghiệm qua vai trò biên đạo ở cả ba bộ môn trên [H4.04.02.08]. Tỷ lệ 88-92% SV hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR [H4.04.02.09]. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.10].

Hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. NH được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR [H4.04.02.11]. Hoạt động thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 10 đơn vị học trình. SV được cử đến thực tập tại các trường đào tạo múa chuyên nghiệp trên cả nước, các nhà hát, các tổ chức để thực hành vai trò biên đạo, xây dựng chương trình biểu diễn, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ, cách ứng xử tích cực đối với nghề nghiệp.

Hằng năm, Khoa Múa tổ chức Hội thi tài năng SV nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành BĐM đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số SV đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (giải thưởng sáng tác, biểu diễn và giảng dạy) [H4.04.02.12].

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong SV chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học ngành BĐM kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Hoạt động dạy và học giúp NH lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong SV còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho SV thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH & HTQT; VSKĐA phối hợp tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các BLQ, chú trọng đến phương thức thực tập nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV, tập huấn cho GV, có nhiều chính

sách hơn nữa để GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2024, Khoa Múa, PKT&ĐBCLGD, PCTHSSV phối hợp khảo sát mức độ hài lòng của NH với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Xây dựng quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của NH. ĐCCT của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của SV. Trên đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT ngành BDM. Chẳng hạn, kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: kỹ năng biên đạo, các thủ pháp dàn dựng, truyền đạt, kỹ năng quan sát; kỹ năng kiểm tra và đánh giá; thực hành biên dựng các bài tập múa theo mục tiêu học phần. Kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm như: kỹ năng tổ chức một chương trình biểu diễn, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Tất cả ĐCCT môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, GV giới thiệu và cung cấp cho SV đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho SV sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, SV chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực hiện mục tiêu của môn học [H4.04.03.02].

Trong bài giảng, GV đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của SV, giúp SV tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của Khoa Múa đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, SV thuyết trình, đứng lớp trực tiếp tại các tiết học kỹ năng dàn dựng của ngành BDM đại chúng để việc học của SV không bị nhàm chán, mệt mỏi, còn phát huy khả năng tổ chức, biên đạo, dàn dựng và truyền đạt của NH [H4.04.03.03].

Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn TNCSHCM Trường ĐHSKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.04].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hằng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học **[H4.04.03.05]**. Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa Múa hằng năm tổ chức hội thi Tài năng SV, tham gia các Liên hoan tài năng học sinh SV toàn quốc do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức. Khoa Múa yêu cầu, tổ chức và cử SV tham gia để các em có cơ hội học hỏi, trau dồi kiến thức **[H4.04.03.06]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của SV về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV khá cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.07]**. Ngoài ra, khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành BDM do Trường và Khoa tiến hành cho thấy tỷ lệ SV ra trường có việc làm khá cao **[H4.04.03.08]**.

2. Điểm mạnh

100% ĐCCT môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp PPGD và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của NH hiệu quả.

GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tốt các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ NH rèn luyện và nâng cao kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của nghề biên đạo đòi hỏi người GV phải có kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế, nhất là phải có những thành tích trong nghề, có các tác phẩm múa được giải thưởng trong và ngoài nước, được hội nghề nghiệp chuyên môn công nhận và được cộng đồng biết đến. Tỷ lệ GV trẻ của Khoa Múa vừa là một điểm mạnh nhưng đồng thời cũng là điểm ảnh hưởng đến hiệu quả khích lệ SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2023-2024, Trường/Khoa Múa tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các PPGD, học tập để nâng cao kỹ năng cho NH.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2023, Khoa Múa, xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tham mưu cho Nhà trường trong việc bồi dưỡng GV trẻ của Khoa, đồng thời đề xuất với Nhà trường có chính sách thu hút, sử dụng GV có kinh nghiệm, có thành tích được cộng đồng ghi nhận, có tầm ảnh hưởng về nghề nghiệp (nhưng vướng những quy định về bằng cấp).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

* *Điểm mạnh nổi bật:* Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến

tới các BLQ. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Bên cạnh đó, vẫn còn những tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, SV tốt nghiệp không thể ngay một ngày hai trở thành những BDM giỏi, họ phải tự học tập và trải nghiệm thực tế rất nhiều.

** Điểm tồn tại cơ bản:* Hoạt động đào tạo thực hành gặp trở ngại lớn về đội ngũ GV, người có kinh nghiệm trong nghề, có nhiều thành tích được cộng đồng công nhận lại bị vướng vào quy định về bằng cấp, những GV lớn tuổi dành phần lớn thời gian vào làm nghề, trải nghiệm và có thành tích lại không thể đủ thời gian hoàn thành bằng cấp, chứng chỉ. Thêm nữa, thù lao nghề nghiệp giảng dạy thấp hơn việc hoạt động nghề thuật ngoài thị trường, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực GV có kinh nghiệm trong Khoa Múa thời gian tới.

Kết luận đánh giá về Tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các BLQ về mức độ đạt được của NH so với CĐR của CTĐT. Việc đánh giá KQHT của SV ngành BDM được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực NH đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá bảo đảm sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời KQHT, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá KQHT của NH là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu bảo đảm CĐR cho NH, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá KQHT của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường ĐHSKĐAHN thực hiện đánh giá đầu vào đối với NH ngành BDM theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển

sinh **[H5.05.01.01]**, đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, SV học ngành (văn bằng) 2 tuyển sinh đào tạo hệ chất lượng cao **[H5.05.01.02]**.

Quy trình kiểm tra đánh giá KQHT SV ngành BDM được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học SKĐAHN **[H5.05.01.03]**.

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có ĐCCT quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) **[H5.05.01.04]**.

Trường Đại học SKĐAHN/Khoa Múa có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.01.05]**.

Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của ngành BDM.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của NH. Về cơ bản các phương pháp đánh giá học phần đều hướng đến đạt CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra - thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức độ đạt được CDR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa có bộ môn phụ trách học phần thuộc CTĐT ngành BDM rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CDR, đồng thời phân tích đánh giá KQHT của NH để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra thi của NH để chính xác hơn KQHT của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của NH ngành BDM được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo (Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng BGD&ĐT) và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hình thức niên chế và đến năm học 2023-2024 chuyển sang hình thức tín chỉ của Nhà trường **[H5.05.02.01]**. Giai đoạn 2018-2023, phương pháp đánh giá KQHT của NH gồm đánh giá mức độ chuyên cần của NH trên lớp (10%), kiểm tra giữa học phần (30%) và thi kết thúc học phần (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 25 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; **[H5.05.02.02]**.

Hoạt động đào tạo ngành BDM là một hoạt động đặc thù, chuyên biệt, do đó các phương pháp đánh giá cũng rất đặc thù và đa dạng. Với công việc chuyên môn của một BDM là người sáng tạo ra các tác phẩm múa, tác phẩm múa ngắn, thơ múa, tổ khúc múa, kịch múa. Có nhiều thang bậc đánh giá (đó là quá trình học tập trong suốt 4 năm học) với 8 học kỳ, khối lượng kiến thức, kỹ năng, thái độ cụ thể, rõ ràng được thể hiện ở CDR các môn học/học phần để đánh giá kết quả của từng học phần, có nhiều kiến thức tích lũy được thể hiện qua CDR của từng môn học/học phần CLOs đối chứng với CDR của CTĐT được thể hiện PLOs: (1) Có những kiến thức sáng tác, câu múa, đoạn múa, tạo hình múa với hình thức múa ít người; (2) Có những kiến thức, kỹ năng sáng tác hình thức múa đông người (tập thể); (3) Trang bị hệ thống những phương pháp: phương pháp tư duy sáng tạo, phương pháp tưởng tượng logic, xây dựng ý tưởng, cấu trúc đề tài, xây dựng nhân vật trong tác phẩm; (4) Phương pháp xử lý đạo cụ, phương pháp xử lý âm nhạc (vai trò của âm nhạc trong sáng tạo tác phẩm múa), thủ pháp dàn dựng không gian và thời gian sân khấu; (5) Nắm vững các nguyên tắc sáng tạo, cách xây dựng hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa... GV truyền đạt lượng thông tin, kiến thức, thông qua các bài giảng lý thuyết và thực hành đan xen để SV thực hiện được từng kỹ năng sáng tạo phù hợp với từng mục tiêu, thủ pháp sáng tạo. Thông qua phương pháp kiểm tra, đánh giá, đáp án. Kết quả và mức độ đạt được của từng SV để làm cơ sở chấm điểm. Tại Khoa Múa, SV biết được mục tiêu cụ thể của từng học phần, thời gian thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ (bài thi điều kiện) và bài thi kết thúc học kỳ. Để SV chủ động sắp xếp thời gian học tập và thực hành cũng như tiếp cận với môn học bằng nhiều hình thức, học và tự học, nắm bắt và chủ động về tài chính của bản thân SV, điều này giúp cho nội dung các bài giảng của GV suốt học kỳ luôn bám sát và cung cấp kiến thức cũng như kỹ năng thực hành cần thiết cho SV để SV thực hành làm bài tập cuối kỳ với hiệu quả cao nhất. Phương pháp kiểm tra đánh

giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần **[H5.05.02.03]**.

SV được cung cấp sổ tay SV từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra **[H5.05.02.04]**. Ngoài ra, SV ngành BDM được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý Khoa và GV chủ nhiệm của Khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học **[H5.05.02.05]**.

Trường có đầy đủ các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho NH trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành BDM là rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá KQHT của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với P.Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình về đánh giá KQHT của NH và công khai cho SV.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa và Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD tăng cường kênh thông tin đến SV và xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV.

5.Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp NH nhận thức đúng đắn về KQHT của bản thân, tạo điều kiện tối đa cho NH phát huy kỹ năng, kiến thức, phương pháp đánh giá KQHT đối với SV BDM được xây dựng đa dạng, bảo đảm giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy chế đào tạo; quy định về khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN **[H5.05.03.01]**.

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế, thực hành trên lớp. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn để thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập biên dựng cho các lớp BDM đại chúng, viết báo cáo, tiểu luận và có tiêu chí đánh giá cụ thể, logic, bám sát CDR học phần và CTĐT **[H5.05.03.02]**. Thi kết thúc học phần theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này.

Về độ giá trị, đề thi được GV trực tiếp giảng dạy biên soạn, tùy đặc điểm của môn học. Hầu hết, trong các chương trình thi, báo cáo bài tập của SV mùa, các GV đều mời các GV trong tổ bộ môn, Khoa và các SV cùng chuyên ngành của toàn Khoa tham dự, điều này có tác dụng trong việc tạo dựng được không khí tốt, môi trường giao lưu học hỏi giữa các SV trong Khoa... qua đó, các SV của 3 chuyên ngành Huấn luyện múa, BDM và BDM đại chúng có thể tìm thấy mối quan hệ cộng tác trong học tập và xây dựng các bài thi mùa của học kỳ sau. Các bài tập thi thực hành, kết thúc học phần đều được Khoa Múa lưu trữ.

Đối với những môn học có phần thi lý thuyết và thực hành, GV biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để bảo đảm từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học **[H5.05.03.03]**, được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng **[H5.05.03.04]**.

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi câu hỏi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để bảo đảm tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc học phần của Trường **[H5.05.03.05]**.

Ngoài ra, để đánh giá KQHT được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai GV chuyên môn dưới sự giám sát của Phòng ĐTQLKH&HTQT để bảo đảm độ tin cậy và sự công bằng đối với NH, bên cạnh đó Trường ban hành quy định về khảo thí nhằm bảo đảm đánh giá đúng kiến thức NH với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật bảo đảm công bằng cho NH **[H5.05.03.06]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá KQHT của NH từ các BLQ chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của NH), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả NH.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại, phản nản bằng văn bản chính

thức về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy và chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng DTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá kết quả của NH.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Trường, Khoa Múa, VSKĐA tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho NH nhanh chóng biết được kết quả đánh giá KQHT để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của NH về kết quả đánh giá **[H5.05.04.01]**. Điểm đánh giá ý thức học tập và điểm đánh giá giữa học phần phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm (GVCN), trên bảng thông báo tại văn phòng qua và công khai trên website, fanpage của Khoa/Trường **[H5.05.04.02]**.

NH nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi KQHT và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra KQHT thông qua Sổ tay SV và quy chế khảo thí **[H5.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa học phần được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến KQHT. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi KQHT cho NH theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của GV **[H5.05.04.04]**.

Phòng KT&ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa Múa tổ chức khảo sát lấy ý kiến của NH về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về KQHT và hoạt động hỗ trợ NH của GV. Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh

đạo Khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn **[H5.05.04.05]**.

2. Điểm mạnh

KQHT được thông báo kịp thời đến NH và công bố công khai theo thời gian quy định, giúp NH có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của NH cũng như các BLQ (cựu SV) về cách thức; thời gian phản hồi KQHT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD tiếp tục thực hiện và rà soát quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng KT&ĐBCLGD; Phòng ĐTQLKH&HTQT tần suất 2 lần/năm, định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH, cựu NH về cách thức; thời gian phản hồi KQHT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.5: NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học SKĐAHN có quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của NH và được công bố công khai **[H5.05.05.01]**. Quy định về quy trình khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay SV **[H5.05.05.02]**, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến giáo viên chủ nhiệm, Khoa chuyên môn và phòng đào tạo. Sau khi nhận được đơn, giáo viên chủ nhiệm, Khoa chuyên môn và phòng đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về KQHT. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên Chủ nhiệm Khoa hoặc Trưởng phòng KT&ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Chủ nhiệm Khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV... bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.04.03]**.

Tuy nhiên, từ năm 2018 đến 2023, ngành BDM, Khoa Múa chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về KQHT.

2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về KQHT. Trong giai đoạn 2018-2023, Khoa Múa chưa có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại: Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của NH về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa tiếp tục rà soát và phổ biến quy trình khiếu nại KQHT trên website của Trường, Khoa Múa.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa và Phòng KT&ĐBCLGD tần suất 2 lần/năm, thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại của NH. Tiến hành khảo sát việc tiếp cận quy trình khiếu nại của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

**Điểm mạnh nổi bật:* Việc đánh giá KQHT NH ngành BDM được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN. Khoa Múa luôn tập trung đánh giá năng lực của NH thông qua kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

**Điểm tồn tại:* Việc lấy ý kiến phản hồi các BLQ về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, 4 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc quy hoạch đội ngũ GV của CTĐT ngành BDM trong những năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCD. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của CTĐT BDM nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các hoạt động NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng GV. GV của Khoa được tham gia các lớp bồi

đường nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hoạt động đoàn thể và hoạt động PVCD luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân ngành BDM được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn 2030 và Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo [H6.06.01.03]. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch [H6.06.01.04]. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo quy trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.05]. Dựa theo yêu cầu về công việc của GV và kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.01.06]. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H6.06.01.07]. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho ngành BDM trong 5 năm qua đã đáp ứng cả về lượng và chất cho CTĐT [H6.06.01.08]. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và PVCD.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện quy trình. Phát triển được đội ngũ GV trẻ có trách nhiệm và nhiệt huyết với nghề, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động PVCD. Một số GV năng nổ trong phong trào giúp đỡ, PVCD nhằm lan tỏa giá trị nghệ thuật tới đông đảo quần chúng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT ngành BDM còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp cần phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ của Khoa thấp, tỷ lệ GV nam/nữ mất cân đối.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Nhà trường và Khoa Múa xây dựng cơ chế thu hút GV có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ GV học thạc sĩ, tiến sĩ hoặc nâng cao tu nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp phòng HCTH(TCCB) tiến hành rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học PVCD.

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 8 năm 2023, Khoa Múa có 08 GV (07 nữ và 01 nam), trong đó có 01 Nghệ sĩ ưu tú (NSUT), 06 thạc sĩ, 02 đại học. Độ tuổi trung bình của GV là 37 tuổi **[H06.06.02.01]**.

Thực hiện hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân BDM cho Bộ môn Nghệ thuật biên đạo. Bộ môn có 2 GV (1 nữ và 1 nam), trong đó 01 GV là nghệ sĩ ưu tú, 1 GV trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 40 - 50 chiếm tỷ lệ 50 %, độ tuổi 50 - 60 chiếm 50 %. Ngoài ra có sự tham gia của các GV cơ hữu trong Khoa, Trường và các GV thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT **[H6.06.01.02, H6.06.01.03]**.

Tỷ lệ GV/SV của ngành BDM trong 05 năm gần đây (2018-2023) có kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV của ngành BDM phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT và Thông tư số 32/2015/ TT/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tỷ lệ GV/NH quy đổi không quá 10 SV/GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH **[H6.06.01.04, H6.06.01.05]**. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và QĐ số 1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV **[H06.06.02.06]**. Từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của GV cơ sở giáo dục đại học và QĐ 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV **[H06.06.02.07]**.

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ

làm việc của GV Trường ĐHSKĐAHN (Điều 9 và Điều 10). Ngoài ra còn có điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV (Điều 12). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể, dùng chung **[H06.06.02.07.DC]**

Việc đánh giá cán bộ, viên chức căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị, hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, GV phải có biên bản giao, nhận nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công nhiệm vụ trong năm học mới sao cho hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối lượng giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, để hưởng lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, Bộ môn; phòng chức năng của Trường kiểm tra, giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó bảo đảm chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả trong 5 năm qua, toàn bộ GV của Khoa đều hoàn thành nhiệm vụ, nhiều GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt GV của Khoa đạt nhiều giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận **[H06.06.02.11]**. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NH về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV Khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H6 06.02.12]**.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể, hoạt động PVCD của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2023-2024, Phòng HCTH (Bộ phận TCCB), Phòng ĐTQLKH&HTQT và Khoa Múa phối hợp cùng giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động PVCD.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng CTHSSV bám sát quy định “Hoạt động kết nối và PVCD của Trường ĐHSKĐAHN” xây dựng Kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCD theo từng năm học, đồng thời tổ chức đánh giá hằng năm đối với nội dung này.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN thuộc BVHTTDL quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên (hoặc được công nhận nghệ sĩ ưu tú) đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ nhân dân) đối với GV giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.

Đối với ngành đào tạo BDM, ngoài các tiêu chí trên, còn có những tiêu chí đặc thù như: Nếu chưa có danh hiệu (NSND, NSUT) nhưng có thời gian công tác từ 10 năm trở lên - có từ 03 tác phẩm để tham gia giảng dạy cho ngành BDM [H6.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa; gửi Thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước [H6.06.03.02]. Trường đã xây dựng và thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, GV phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù cao. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, GV riêng của Trường, những năm qua Trường đã

thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của BVHTT&DL. Từ năm 2021 đến nay Nhà trường đã tổ chức 02 đợt tuyển viên chức, mỗi đợt tuyển đều thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng. Trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông, thông tin về tiêu chuẩn và số lượng vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, GV của Trường trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại Trường và hội đồng tuyển dụng cấp BVHTTDL **[H6.06.03.03]**. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường **[H6.06.03.04]**.

Sau mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên bảng tin của Trường. Các cán bộ, GV đã trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, cán bộ, GV sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**.

Đối với những GV được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm bảo đảm việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và sự đồng thuận tập thể **[H6.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua ở bộ môn, dự giờ các GV khác và tiến hành giảng thử tại Bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của Nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là Khoa chuyên môn có liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, Khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV **[H6.06.03.07]**.

Do đặc thù của ngành BDM là học Nghệ thuật biên đạo, trải nghiệm thực hành, thực tế chiếm 60 % các ĐVHT trong CTĐT, do đó Khoa Múa đã mời nhiều chuyên gia trong giới nghệ về cộng tác giảng dạy (PGS, TS, NSND Ứng Duy Thịnh; NSND Nguyễn Công Nhạc; TS, NSND Phạm Anh Phương; TS, NSND Nguyễn Thị Thu Hà; TS Trần Quốc Tuấn; Th.S, NSUT Nguyễn Thị Hiền Trang...) **[H6.06.03.08]**. Tuy nhiên, một số NGND, NGUT có uy tín, hoặc đã từng làm công tác quản lý đa phần nhiều tuổi, đã nghỉ hưu hoặc bị rào cản bởi quy định bằng cấp khiến việc mời những nhà giáo gạo cội như vậy cộng tác với Khoa ngày càng khó khăn.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT BDM được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm có những trở ngại, mâu thuẫn nhất định đối với thực tế nguồn lực của GV Khoa Múa trong những năm tới (chỉ bổ nhiệm người đã có trình độ thạc sĩ trở lên, dù đã là nghệ sĩ nhân dân hoặc là tiêu chí trưởng Khoa phải là tiến sĩ đúng chuyên ngành), do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo hoặc có thâm niên, tầm ảnh hưởng trong nghề... gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm học 2023-2024, Nhà trường giao cho Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên phương tiện truyền thông (Khi có kế hoạch tuyển dụng).

Khắc phục điểm tồn tại: Năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) tiếp tục rà soát Chiến lược phát triển nguồn nhân lực; Xây dựng đề xuất với BVHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù. Có chính sách thu hút mạnh hơn

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm GV của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về GV đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do BVHTT&DL tổ chức (nếu có). Cụ thể: 100% GV của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của Khoa nói chung và GV ngành BDM tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức hoạt động đặc thù của ngành: Tham gia viết giáo trình; tham gia viết sách nghiên cứu chuyên ngành, hội thảo nghề; tham gia viết báo cho tạp chí có uy tín, tham gia dàn dựng, biên đạo cho chương trình liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp, các hội diễn... chia sẻ giữa các Khoa trong Trường **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa Múa tham gia nhiều chương trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐHSKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ GV về số lượng, đặc biệt là chất lượng luôn là mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của GV là mục tiêu phấn đấu của GV Khoa Múa **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ tiêu chí phân loại mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn

nghịp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... [H06.06.04.06]. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn [H06.06.04.07], văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản [H06.06.04.08].

Hằng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV [H6.06.04.09]. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để Bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% GV Khoa Múa hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều GV hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H6.06.04.10].

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai đa dạng, bên cạnh việc bám sát tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị BVHTTDL khen tặng đối với GV có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp (được giải trong các hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc); hoặc vinh danh GV có thành tích trong Hội nghị viên chức, người lao động, Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Kỷ niệm ngày thành lập trường (17/12)... [H6.06.04.11].

Phòng KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV [H6.06.04.12].

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa Múa chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV Khoa. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành BDM đánh giá còn định tính.

2. Điểm mạnh

GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa Múa chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa Phối hợp với Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Trường, Khoa Múa, Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) phối hợp xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực GV giảng dạy của Khoa Múa.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước, nước ngoài; có chính sách khuyến khích GV nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với GV học thạc sĩ, tiến sĩ, đào tạo ở nước ngoài [H06.06.05.01]. Bên cạnh đó, Trường/Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập tại nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... ở nước ngoài [H06.06.05.02].

Quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước, nước ngoài; nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường [H06.06.05.03].

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, tham gia các hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc, cuộc thi cho SV các trường Nghệ thuật toàn quốc, tham gia giao lưu bồi dưỡng nghiệp vụ từ các chuyên gia nước ngoài, các cuộc điền dã tìm hiểu thu thập chất liệu mùa của các dân tộc, các trại sáng tác cho các BDM, các buổi tọa đàm về nghệ thuật mùa... do Hội nghệ sĩ mùa, các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế tổ chức [H06.06.05.04].

Tuy nhiên, Khoa Múa chưa khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV từ đó chưa nắm bắt được nhu cầu thiết yếu của từng GV để từ đó có thêm hướng đầu tư chuyên môn nghiệp vụ cho họ, nhất là những GV trẻ.

2. Điểm mạnh

GV có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa Múa chưa tổ chức khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Nhà trường và Khoa Múa tiếp tục duy trì, nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) Khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và được BVHTT&DL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của GV [H6.06.06.01], theo đó, với từng chức danh công việc, Trường quy định về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng đối tượng cán bộ giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (GV) theo năng lực làm việc [H6.06.06.02].

GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học [H6.06.06.03]. Hằng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Trường với quy định về khối lượng công việc cũng như quy chế về khen thưởng, kỷ luật làm cơ sở bình xét hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04].

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá GV để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với GV, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,...

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV tạo động lực cho GV phát huy cao năng lực trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.04.05].

Tính đến tháng 12 năm 2022, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết

quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đối với GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H06.06.06.06].

Về nghiên cứu khoa học và PVCD, các GV tham gia giảng dạy hoặc hoạt động thực tiễn có liên quan đến chuyên môn như tham gia là ban giám khảo cho các cuộc thi tài năng SV, được mời làm chuyên gia cho các đợt tập huấn của các trường nghệ thuật chuyên nghiệp, tham gia dàn dựng cho chương trình hội diễn của ngành, được mời cộng tác giảng dạy cho trường nghệ thuật chuyên nghiệp, trung tâm đào tạo uy tín, có bài báo nghiên cứu được đăng trên các tạp chí... Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của GV cũng như giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm nghiên cứu khoa học cho các GV Khoa Múa.

2. Điểm mạnh

Trường có quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp cũng như giải thưởng trong nước.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2018-2023, các hoạt động nghiên cứu khoa học (mang tính lý luận) của GV Khoa Múa chưa nhiều, chỉ có đề tài cấp Trường, chưa có GV tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Nhà trường và Khoa Múa tổ chức đánh giá về sự đáp ứng của GV Khoa đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và hoạt động PVCD.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng HCTH (Bộ phận TCCB) thực hiện khảo sát lấy phiếu phản hồi của GV về quy trình và tiêu chí đánh giá chất lượng công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát về chỉ số quy đổi trong cách tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

VSKĐA; Trường ĐHSKĐAHN là đầu mối xây dựng kế hoạch về KHCN của

Nhà trường **[H6.06.07.01]**. Nhà trường ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN **[H6.06.07.02]**.

Các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) bảo đảm số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm bảo đảm về số lượng hoạt động nghiên cứu của GV **[H6.06.07.03]**.

Nhà trường có quy định về hướng nghiên cứu đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia giảng dạy, hoạt động trong ngành BDM đều có văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức nghiên cứu khoa học. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác giảng dạy, dàn dựng đạt giải cao trong các kỳ thi hội diễn **[H6.06.07.04]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản cụ thể hoá quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ **[H6.06.07.05]**; có biện pháp để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ **[H6.06.07.06]**. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ được thông qua bởi Hội đồng nghiệm thu với thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV **[H6.06.07.07]**.

Hoạt động NCKH của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của BDM mang tính thực tiễn, NCKH thể hiện trong chương trình thi, lớp học và sự thành công của SV sau khi ra trường được làm việc và công tác trong cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp trên cả nước.

Khoa nhận định GV chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong hội thảo và tạp chí quốc tế chưa nhiều. Do đó, hiện nay đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của hoạt động NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về loại hình và số lượng hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của Khoa Múa chưa có đề tài nghiên cứu lý luận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-20234, Nhà trường/Khoa Múa phát huy cơ chế hiện có (quy đổi, khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp cùng Viện SKĐA; Phòng KT&ĐBCLGD định kỳ 2 năm một lần tổ chức tọa đàm, hội thảo để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học trong CTĐT ngành BDM, nâng cao số lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của GV để ngày một hoàn thiện hơn về chất lượng.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

* *Điểm mạnh nổi bật*: Đội ngũ GV trong ngành BDM có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; PVCD của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và nhiều GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, đội ngũ GV của Khoa tích cực tham gia các loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

**Điểm tồn tại cơ bản*: Các GV thuộc CTĐT BDM chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước.

Kết luận đánh giá về Tiêu chuẩn 6: Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt, trong đó 2 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên (ĐNNV) Trường ĐHSKĐAHN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng HCTH; Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng CTHSSV; Phòng KT&ĐBCLGD; Trung tâm TTTV). Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm Thực hành Sân khấu - Điện ảnh (Xưởng phim Thực nghiệm; Nhà hát Thể nghiệm; Trung tâm Âm thanh, Ánh sáng) và bộ phận hỗ trợ SV tại phòng chiếu phim/trường quay/phòng tin học. ĐNNV của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc, đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa Múa nói riêng.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch ĐNNV thực hiện theo quy định của BVHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển ĐNNV. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng **[H07.07.01.01]**. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và PVCĐ **[H07.07.01.02]**. Việc xác định nhu cầu về ĐNNV nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm **[H07.07.01.03]**; **[H07.07.01.04]**.

Bên cạnh ĐNNV làm việc tại TTTTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, Trung tâm âm thanh, ánh sáng sân khấu, Nhà hát, Xưởng trường... các đơn vị phòng chức năng (Phòng DTQLKH& HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng HCTH; Phòng CTHSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa Múa **[H07.07.01.05]**. Nhà trường có chính sách phát triển ĐNNV thể hiện trong văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường ĐHSKĐAHN **[H07.07.01.06]**; Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN **[H07.07.01.07]**; Quy chế chi tiêu nội bộ **[H07.07.01.08]**. Cụ thể, Nhà trường thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức **[H07.07.01.09]**, chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ **[H07.07.01.10]**.

Bên cạnh ĐNNV của Trường, Khoa Múa còn có GV kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hỗ trợ NH, giúp NH hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập **[H07.07.01.11]**.

ĐNNV thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ, được bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 100 %**[H07.07.01.12]**.

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có kế hoạch tuyển dụng nhân sự hằng năm.

2. Điểm mạnh

ĐNNV của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển ĐNNV.

3. Điểm tồn tại

Chưa định kỳ khảo sát phản hồi của BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp cùng Phòng

HCTH, Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện quy định lấy phản hồi của BLQ về mức độ đáp ứng của ĐNNV.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp cùng Phòng KT&ĐBCLGD định kỳ hằng năm khảo sát NH, GV về chất lượng phục vụ của ĐNNV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm bảo đảm chất lượng nhân viên khi tuyển dụng và để phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt, Trường đã ban hành văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định khác của Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn ĐNNV được phổ biến công khai trên phương tiện truyền thông đại chúng [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04].

Trường, Khoa Múa tuân thủ nghiêm quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên (chuyên viên chính) [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số GV được thay đổi sang vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của BLQ về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao Khoa Múa phối hợp với P.HCTH (TCCB) và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho ĐNNV trong đề án nhân sự giai đoạn tiếp theo của Trường.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, PHCTH (TCCB) phối hợp cùng Khoa Múa định kỳ 2 năm 1 lần tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ về vị trí việc làm của ĐNNV để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, đơn vị triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định **[H07.07.03.01]**. Theo đó, căn cứ yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Trường phải thực hiện đăng ký thi đua hằng năm **[H07.07.03.02]**. Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học **[H07.07.03.03]**. Việc tự đánh giá căn cứ chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ **[H07.07.03.04]**. Như vậy, năng lực đội ngũ NV được đánh giá theo quy trình thủ tục.

Hằng năm, quy định, quy trình đánh giá năng lực NV được cải tiến dựa trên ý kiến đóng góp của cán bộ NV **[H7.07.03.05]**. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của ĐNNV hằng năm (kể từ năm 2018 đến 2023) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng và được xét đề nâng lương trước hạn **[H7.07.03.06]**. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa Múa được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí **[H7.07.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực ĐNNV của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng; bản mô tả vị trí việc làm; kết quả làm việc được đánh giá hằng năm. Các nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của NH đối với ĐNNV thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường/Phòng chức năng tiếp tục thực hiện chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho ĐNNV. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của ĐNNV để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/Khoa.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường giao Phòng HCTH (TCCB) phối hợp cùng Khoa Múa Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NH về thái độ, năng lực làm việc của ĐNNV. Duy trì hoạt động này hằng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường chú trọng việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, chính sách này được thực hiện từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch **[H7.07.04.01]**. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho ĐNNV tham gia khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ **[H7.07.04.02]**. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của ĐNNV, Trường lập danh sách gửi về BVHTTDL hoặc đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng **[H7.07.04.03]**. ĐNNV được tham gia khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH, Nhà trường và Khoa Múa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng **[H7.07.04.04]**. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận tổ chức cán bộ, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm **[H7.07.04.05]**. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, hằng năm Trường luôn xác định cụ thể nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và phân bổ ngân sách đào tạo **[H7.07.04.06]**. Từ năm 2016-2021, nhiều nhân viên của Trường đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ **[H7.07.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Trường/Khoa luôn xác định rõ những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của ĐNNV và có giải pháp để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa Múa luôn cử ĐNNV của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn bảo đảm sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành BDM.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhất là bộ phận hỗ trợ cho Khoa Múa còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa, Phòng HCTH (Bộ phận TCCB), Trung tâm Thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV hằng năm, các phòng chức năng khuyến khích nhân viên tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao phòng chức năng chủ động đề xuất lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp cùng Phòng HCTH (TCCB) và các phòng chức năng, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, Trung tâm TTTV chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của ĐNNV và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho ĐNNV theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để việc quản trị kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt, tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCD, Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của ĐNNV dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và quy định trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01], [H07.07.05.02]. Nhân viên được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức (hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ). Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình khoa học được đăng trên Tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề (đối với ngành BDM được quy đổi thành các tác phẩm/sáng tác/hoạt động nghề nghiệp được ghi nhận bằng giải thưởng...). Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06] H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường/Khoa tiếp thu ý kiến của ĐNNV để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện chính sách của Nhà trường. Tính đến năm 2022, Nhà trường không nhận được những ý

kiến khiếu nại về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng **[H07.07.05.09]**.

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

ĐNNV rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKH hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm) theo quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Phòng HCTH (TCCB) phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường Hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường ĐHSKĐAHN rà soát bản mô tả vị trí việc làm. Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

**Điểm mạnh nổi bật:* Trường có ĐNNV (cán bộ hỗ trợ) bảo đảm về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để ĐNNV học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

**Điểm tồn tại cơ bản:* Nhà trường/Khoa chưa khảo sát các BLQ (nhất là NH) về mức độ đáp ứng của ĐNNV; kinh phí hỗ trợ cho ĐNNV về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 7: Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, có 4 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN và Khoa Múa luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng một vai trò rất quan trọng trong bảo đảm chất lượng của CTĐT. Giai đoạn 2018-2023, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai minh bạch; hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy và học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN, Khoa Múa luôn được coi là khâu khởi đầu rất quan trọng của chuỗi quá trình đào tạo, do đó những chính sách/quy định về tuyển sinh của Trường/Khoa đều thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết nhằm cung cấp thông tin về các hình thức tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh đến với những thí sinh có nhu cầu. Ngành BDM được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí và thời gian thi tuyển. Hằng năm, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/Trường; trong chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách Khoa, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**. Ngoài ra thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới sở GD&ĐT các tỉnh thành phố, trường THPT trên toàn quốc; đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương **[H08.08.01.03]**.

Bên cạnh quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong văn bản của Trường, Khoa Múa còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh. Trước một ngày thi của kỳ thi sơ tuyển, Khoa cùng Nhà trường hỗ trợ, giải đáp các thắc mắc của thí sinh trực tiếp tại Trường, từ chuyên môn tới thủ tục hành chính giúp thí sinh tránh được sai sót đáng tiếc **[H08.08.01.04]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến địa phương khác, Nhà trường thành lập Tổ truyền thông đi đến từng địa phương quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các Trường THPT đưa học sinh đến thăm quan hướng nghiệp, trải nghiệm tại Nhà trường **[H08.08.01.05]**.

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo quy định hiện

hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm **[H08.08.01.06]**.

Tuy nhiên, Trường/Khoa Múa chưa phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các BLQ để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

(Xem ở Bảng 14, Phụ lục 1, Danh mục các bảng biểu của trong báo cáo tự đánh giá chương trình BDM).

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh thực hiện đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các BLQ trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng DTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường/Khoa, thực hiện tuyển sinh đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban tuyên truyền để thực hiện tốt hơn nữa công tác quảng bá tuyển sinh và hoạt động chung của Nhà trường.

Khắc phục điểm tồn tại: Năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng DTQLKH&HTQT thực hiện khảo sát SV; cựu SV; NTD, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực ngành BDM của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

6.Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN, Khoa Múa thực hiện tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH căn cứ quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước **[H08.08.02.01]**. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường **[H08.08.02.02]**.

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát

toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh **[H08.08.02.03]**. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển **[H08.08.02.04]**.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, đề rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh, đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện về công tác tổ chức để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh **[H08.08.02.05]**.

Thông tin về kết quả tuyển sinh được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website và Facebook của Trường ĐHSKĐAHN **[H08.08.02.06]**. Tính đến thời điểm hiện tại, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH **[H08.08.02.07]**. Theo đánh giá của GV Khoa Múa: ThS. Phùng Quang Minh *“Tiêu chí và phương pháp lựa chọn NH ngành BDM đã được xây dựng từ hơn 40 năm trước (K1 - 1981). Một trở ngại là trong bối cảnh thực tế tỷ lệ học sinh vừa tốt nghiệp phổ thông trung học tham gia tuyển sinh ngày càng tăng, khi đào tạo chuyên môn thuần túy ở độ tuổi quá trẻ, sự lựa chọn nghề nghiệp của các em chưa hoàn toàn chính xác và cũng khó khăn hơn trong công tác đào tạo nghề nghiệp đặc thù cần sự trải nghiệm tối thiểu. Bên cạnh đó, do bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Khoa phải thực hiện biện pháp tuyển chọn NH bằng hình thức trực tuyến”*.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để bảo đảm tuyển chọn được thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành BDM.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH bằng hình thức trực tuyến chưa được đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐT QLKH&HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để thu hút được đa dạng đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Viện SKĐA, Phòng ĐTQLKH&HTQT tổ chức tọa đàm, hội thảo để đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trong bối cảnh mới, đặc biệt là khi phải tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

7. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7)

(Xem ở Bảng 15, Phụ lục 1, Danh mục các bảng biểu của trong báo cáo tự đánh giá chương trình BDM).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

NH được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học. Trước hết, Nhà trường có quy trình, công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng của NH. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về việc xây dựng ĐCCT, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng CDR tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02]. Sự tiến bộ, KQHT và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của SV ngành BDM được quản lý bởi Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng Công tác học sinh, SV (CTHSSV), Phòng KT&ĐBCLGD, trợ lý Khoa Múa và giáo viên chủ nhiệm, GV chuyên môn [H08.08.03.03]. Giáo viên chủ nhiệm, các GV trong bộ môn và Khoa căn cứ KQHT để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá xếp loại SV, khen thưởng, kỷ luật theo quy định hiện hành [H08.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của SV được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với BGH Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần) [H08.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó Hiệu trưởng phụ trách CTHSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV [H08.08.03.07].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố thời khóa biểu của từng Khoa trong đó có thông tin về lớp học, GV, thời gian học, môn học [H08.08.03.08]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, bảo đảm người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/học phần được phân bổ hợp lý giữa các kỳ, trong đó các môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kỳ để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kỳ đầu tiên khi SV mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành không cần điều kiện tiên quyết để GV của bộ môn tiếp cận SV ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân SV trong từng bài giảng chuyên môn và trong đời sống. Do số lượng SV học ngành BDM luôn ít hơn các ngành khác, do đó sự dôi thừa của GV giúp cho SV có được sự định hướng phát triển và lựa chọn NTD ngay cả khi chưa tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các học phần trong khung CTĐT của BDM đã được Khoa Múa xây dựng chặt chẽ, trong đó lấy vai trò của ngành học BDM làm trung tâm đúng như vai trò của họ trong công việc sau này. Mỗi quan hệ tương tác với các thành

phần sáng tạo trong sáng tạo nghệ thuật biên đạo là: Kịch bản văn học, kịch bản múa, BDM, diễn viên thực hiện, đạo cụ, trang phục, âm thanh, ánh sáng.... Vì vậy, hầu hết các bài tập trong các học phần của BDM đều có sự cộng tác, đánh giá cùng của các GV và học viên của các chuyên ngành nói trên và ngược lại **[H08.08.03.09]**.

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để NH phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để bảo đảm hầu hết SV có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. SV ngành BDM có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp về nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành Sổ tay SV, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân.

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa Múa tổ chức buổi sinh hoạt lớp để trợ lý Khoa/giáo viên chủ nhiệm của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của SV. Qua đó phối hợp với Ban chủ nhiệm Khoa có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. SV được đối thoại trực tiếp với toàn bộ GV trong Khoa để giải đáp thắc mắc của SV về đào tạo, học tập. Qua đây, Khoa, Nhà trường tổng hợp ý kiến, đề xuất của NH để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ NH (các bản tổng hợp ý kiến được đưa ra Hội nghị đối thoại với SV). Hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với SV, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho SV những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với SV, quyền và nghĩa vụ của SV trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của SV nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện **[H08.08.03.10]**.

KQHT từng môn học của NH được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P.ĐTQLKH&HTQT **[H08.08.03.11]**. Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học, phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của SV được Phòng KT&ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H08.08.03.12]**. KQHT là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng CSVN **[H08.08.03.13]**. Trường có văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của NH, tuy nhiên Trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của NH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của NH kịp thời, chính xác. Cán bộ GV trong Khoa Múa là những người giàu kinh nghiệm thực tế, hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với SV nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của SV gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ NH.

3. Điểm tồn tại

KQHT từng môn học của NH chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho SV. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp P.ĐTQLKH&HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng ĐTQLKH&HTQT, P Phòng KT&ĐBCLGD, P.CTHSSV xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát KQHT của SV; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho SV; mở tài khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của NH.

5.Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như dịch vụ hỗ trợ khác đối với NH của Trường ĐHSKĐAHN, Khoa Múa được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở trường đại học cho đến khi tốt nghiệp.

Phòng CTHSSV của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV [H8.08.04.01]. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn được thực hiện bởi ĐTNCSHCM; đội ngũ GV chuyên môn; giáo viên chủ nhiệm; trợ lý của Khoa Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp [H8.08.04.02.DC], phân công cán bộ lớp [H8.08.04.03], đây là đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với NH.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H08.08.04.03.DC] giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong trường đại học. Bên cạnh đó, Trường cung cấp sổ tay SV để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học [H08.08.04.04]. Ngoài ra, Trường phân công Khoa Múa tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa [H08.08.04.05].

Trong suốt quá trình học, NH được hỗ trợ chính sách như: học bổng, tiền thanh

sắc trợ cấp nghề nghiệp và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, SV **[H08.08.04.06]**, miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) **[H08.08.04.07]**, đăng tải thông tin tuyển dụng; báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp **[H08.08.04.08]**.

SV ngành BDM được tham gia hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia chương trình biểu diễn của quận, thành phố, thực hiện theo lịch (và bất thường) tùy theo sự kiện, diễn ra trong đời sống nghệ thuật múa Việt Nam cũng như Quốc tế; tham dự các buổi biên đạo, dàn dựng theo sự hướng dẫn của GV (cho ngành BDM đại chúng) của Khoa; tham gia các Liên hoan, hội diễn tài năng SV toàn quốc; các Hội thảo, buổi tọa đàm về nghệ thuật múa hoặc tham gia trải nghiệm nghề nghiệp tại các nhà hát, trường học và các nhóm biểu diễn, trung tâm dạy thiếu nhi, biên dựng các chương trình của nhà trường, đoàn thanh niên, hoạt động cộng đồng, giao lưu với các trường đại học trong nước... **[H08.08.04.09]**. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù này đã giúp cho SV BDM có được trải nghiệm nghề nghiệp ngay từ khi còn đang theo học tại Trường **[H08.08.04.10]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học tập theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường rà soát, Phòng CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời **[H08.08.04.11]**.

Đặc biệt, đối với những SV xuất sắc, Khoa Múa đều đề nghị Nhà trường xem xét để xét danh hiệu khen thưởng, giúp SV có điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp **[H08.08.04.12]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn Trường, nhằm tập trung giải đáp thắc mắc của SV về hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ NH, Ngoài ra, Khoa chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hằng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV **[H08.08.04.13]**.

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu NH để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV **[H8.08.04.14]**.

Ngoài ra, ĐTNCSHCM của Trường thường xuyên tổ chức hoạt động ngoại khóa như hoạt động thể thao phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV

các khóa, ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV [H08.08.04.15].

Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [H8.08.04.16]. Công tác tổ chức hoạt động ngoại khóa cho SV ngành BDM đã ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn.

Từ năm 2018-2023, Nhà trường/Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ SV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020 do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi SV với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường và Khoa chưa khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH, cụ thể NH về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi SV.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD không ngừng hỗ trợ cho mọi hoạt động của NH trong Khoa. Rà soát tất cả các hoạt động hỗ trợ NH các chuyên ngành trong Khoa. Định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của NH, cụ thể NH đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về bảo đảm môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho NH, các hoạt động này được giao cho Phòng HCTH chủ trì và phối hợp các đơn vị trong toàn Trường. Để có được cảnh quan sạch đẹp, Nhà trường hợp đồng với đội vệ sinh của công ty Hoàn Mỹ làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H08.08.05.01].

Sơ đồ Trường ĐHSKĐAHN được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, Trung tâm Thực hành Sân khấu - Điện ảnh, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập, khu thủy đình... Đặc biệt, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Trường (1980-2020), Nhà trường đã thiết kế, trang trí tầng 7 khu nhà A2 của Trường (nơi có sự bố trí văn phòng Khoa Múa) với 5 phòng học múa có sân tập gỗ đẹp, gương xung quanh, gióng.... việc tái hiện những dấu ấn, khung cảnh mang tính nghệ thuật, sáng tạo **[H08.08.05.02]**. Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng riêng cho các trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt Đoàn TNCS Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường **[H08.08.05.03]**.

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi NH, nhân viên luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân. Sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ SV về vấn đề y tế cơ bản **[H08.08.05.04]**. Giai đoạn 2018- 2023, 100% SV Khoa Múa được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hằng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H8.08.05.05]**. SV được cung cấp Sổ tay SV và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, SV trong Nhà trường **[H8.08.05.06]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả. Hằng năm, Nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/phòng chống dịch theo quy định, nhất là giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua.

Ngoài ra, Nhà trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc được trang bị đầy đủ, được lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ **[H08.08.05.07]**. Ngoài ra, định kỳ Nhà trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kỹ năng bảo đảm an toàn về cháy nổ trong Nhà trường. Trường quy định cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với SV và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại Trung tâm TTTV.

Hình thức NCKH đặc thù và hiệu quả ngành học BDM là xây dựng các bài thi múa, các tác phẩm múa (ở các thể loại khác nhau), Nhà trường có Trung tâm thực hành Sân khấu - Điện ảnh, ở đây có đầy đủ trang thiết bị (ánh sáng, âm thanh, sân khấu khang trang...) để hỗ trợ các SV làm bài tập, bài thi hết môn, báo cáo các tác

phẩm múa dự thi các liên hoan múa trên toàn quốc. Nhiều chương trình thi tốt nghiệp được các khóa học tổ chức ngay tại đây [H08.08.05.08].

Định kỳ, Khoa và Trường tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV, từ đó đưa ra giải pháp cho các vấn đề SV gặp phải. Đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường mang lại [H08.08.05.09].

2. Điểm mạnh

NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do BVHTTDL quản lý riêng, do đó quần thể thể SV rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV, Phòng HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng HCTH tiến hành định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của NH tại Khoa, tại Trường (đề xuất Nhà trường khi xây dựng Khu B, bố trí thêm khu thể dục thể thao).

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành BDM. Chất lượng NH thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến KQHT và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Trường của NH được lưu trữ tại PĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV của Nhà trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Bên cạnh đó, Trường vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hằng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 8: Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, 2 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay (Trung tâm Âm thanh, Ánh sáng) và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Thông tin, Thư viện của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) Khoa Múa đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích là 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/SV là 8,77 m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện, hội trường, các phòng chức năng và Khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp SV [H09.09.01.01].

Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của Khoa Múa được đặt tại tầng 7 khu A2, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng Trưởng Khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 25 m² (bình quân 7,5 m²/1 GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc. BĐM là chuyên ngành đặc thù, giờ học lý thuyết và thực hành xen lẫn nên SV của Khoa Múa còn được trang bị riêng 5 sàn tập có diện tích từ 80 - 100m² cùng với gương, sàn gỗ, gióng múa và đàn piano, trống, âm thanh, ánh sáng... phục vụ cho việc học tập của SV được tốt hơn [H9.09.01.02].

Công tác bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho các khu vực trong Trường và các khu giảng đường, khu vực các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng [H09.09.01.02.DC]. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc BVHTTDL quản lý [H09.9.01.03].

Trường giao cho Phòng HCTH (bộ phận Hành chính, Quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch, sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng [H09.09.01.04]; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hằng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp cơ sở vật chất [H09.09.01.05]. Nhà trường có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả

hoạt động đối với các CSVCS hiện có [H09.09.01.06]. Bên cạnh đó, hằng năm, trong Hội nghị cán bộ viên chức, người lao động, Trường công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và phòng chức năng đến cán bộ và GV [H09.09.01.07].

Trong Báo cáo đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo [H09.09.01.08].

Mặc dù cơ sở vật chất của Nhà trường thường xuyên được BVHTTDL đầu tư, nâng cấp nhưng từ năm học 2021-2022, với số lượng 175 SV chính quy, số phòng tập rất cần được bổ sung thêm để phục vụ đủ các lớp.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quay... với nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. Cơ sở vật chất được đầu tư nâng cấp thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Khu vực các lớp học có sàn tập hiện chưa đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của NH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp P.HCTH tiếp tục có biện pháp để nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và SV các lớp.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp P.HCTH đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa Múa nói chung và ngành BDM nói riêng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

TTTTTV của Trường ĐHSKĐAHN được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m² [H09.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại

Trường, phục vụ việc học tập của SV và giảng dạy của viên chức Nhà trường.

Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của BVHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học **[H09.09.02.02]**. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin, Thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) **[H09.09.02.03]**. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, Khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội nghệ sĩ Múa Việt Nam,... **[H09.09.02.04]**.

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT BDM và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi học phần thuộc CTĐT **[H09.09.02.05]**.

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, NH dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại Trường ĐHSKĐAHN). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ GV và SV (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn) **[H09.09.02.06]**.

Hệ thống máy tính trong Trung tâm Thông tin, Thư viện được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch **[H09.09.02.07]**.

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho ngành BDM là: 110 tựa/2212 bản sách, 80 tựa luận văn ThS, chuyên đề tốt nghiệp và 02 tạp chí chuyên ngành, cùng các tài liệu

phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các CSDL dùng chung [H9.09.02.08].

(Xem ở Bảng 16, Phụ lục 1, Danh mục các bảng biểu trong báo cáo tự đánh giá chương trình BDM).

2. Điểm mạnh

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và GV của Trường nói chung và của ngành BDM, Khoa Múa nói riêng. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV và NH tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa Múa có lưu trữ tư liệu riêng mang tính chuyên sâu cho chuyên ngành đào tạo. Phòng tư liệu của Khoa được bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Khoa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ và SV.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện. Các đầu mục sách về múa khá ít, chưa phong phú nên chưa hình thành thói quen lên thư viện tìm sách tài liệu, sách tham khảo cho SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Trung tâm TTTV xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Trường giao cho Trung tâm TTTV tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường. Đối với ngành BDM cần bổ sung danh mục sách, video, clip; đầu tư hệ thống lưu trữ kỹ thuật số để lưu trữ video, clip và số hóa 1 số tài liệu cần thiết (Ổ cứng dung lượng cao).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường, Trung tâm TTTV, Khoa Múa căn cứ việc rà soát CTĐT, đề cương các môn học/học phần để đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu. Xây dựng chiến lược hợp tác và liên kết với các thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá (mức 5/7).

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có đủ phòng thực hành và thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù

của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, Trung tâm Thực hành SK-ĐA, Nhà hát (sân khấu biểu diễn), xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 Khoa **[H09.09.03.01]**.

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3, Khu thủy đình. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của SV các Khoa **[H09.09.03.02]**. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng Khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của Khoa Múa, Khoa Truyền hình, Khoa Kịch hát dân tộc v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của SV **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hành của SV (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: phòng tập cho diễn viên, phòng tập múa, trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Nhiếp ảnh, Khoa Sân khấu, Khoa Múa. Các phòng thực hành của Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Công nghệ điện ảnh - truyền hình được đầu tư để phục vụ việc thực hành của SV như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính... Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của SV **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng, được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, bảo đảm an toàn điện, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây. Tất cả các phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, bảo đảm việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để bảo đảm thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho Phòng HCTH làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận Hành chính, Quản trị), Phòng có kế hoạch

thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H09.09.03.08]. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (Bộ phận HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khoa Múa căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ [H09.09.03.09]. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H09.09.03.10]. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT [H09.09.03.11]. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho SV của Trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp (Học viện Múa Việt Nam, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội, Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc,...). Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, Khoa Múa còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường [H09.09.03.12].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, GV và NH có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng thực hành [H09.09.03.13]. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị [H09.09.03.14]. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về phương tiện thiết bị hỗ trợ học đặc thù về không gian (đủ rộng và đủ cao để làm các bài tập múa) hiện còn là yêu cầu cần thiết của Khoa Múa. Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Khoa Múa có phòng thực hành được bố trí hợp lý và được trang bị phù hợp với môn học và đặc thù. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng (các trường đào tạo nghệ thuật) hỗ trợ thực hành, thực tập.

3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Cần nâng cao hơn nữa công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thực hành. Hiện nay số phòng học đã bị thiếu so với số lượng SV của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường (Phòng HCTH) tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường ĐHSKĐAHN (Phòng HCTH) định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các

phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Trường giao cho Phòng HCTH tham mưu và phối hợp Khoa Múa để xây dựng cơ chế phối hợp với NTD, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại để nâng cao hiệu quả hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho phòng làm việc, văn phòng các Khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện đều được phủ sóng wifi; tất cả máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý NH, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm [H09.09.04.02]. Thư viện trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho NH. Cán bộ GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng... @skda.edu.vn [H09.09.04.03].

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, Khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc [H09.09.04.04]. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị Trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H09.09.04.05].

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường [H09.09.04.06]. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và các đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, NH sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả thiết bị tin học trong hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn [H09.09.04.07].

Nhà trường thường xuyên quan tâm trong việc ký kết các hợp đồng mua sắm phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm **[H09.09.04.08]**. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ được tổ chức thường xuyên **[H09.09.04.09]**. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2018, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy GV, NH cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường **[H09.09.04.10]**.

Năm học 2020-2021, nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để GV, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa Múa đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. SV ngành BDM có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của GV, khoá học tốt nghiệp năm 2020 đã được thực hiện bảo đảm đúng quy định **[H09.09.04.11]**.

Mặc dù đã được đầu tư về cơ sở vật chất cho việc đào tạo, tuy nhiên thiết bị như Tivi, máy tính tại Khoa Múa còn ít và đã cũ, quá nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện trong thời đại mới ngày nay.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa, sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ,... còn hạn chế. Tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng ban chưa thực hiện thường xuyên. Việc khảo sát ý kiến của GV, nhân viên hỗ trợ và NH về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy / học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Phòng HCTH hợp thực hiện bảo dưỡng định

kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Phòng HCTH tăng cường công tác quản lý thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính tại các phòng để hỗ trợ giảng dạy nâng cao đối với chuyên ngành đào tạo; tăng cường CNTT trong hoạt động văn thư lưu trữ, quản lý đào tạo, thư viện; xây dựng hệ thống sao lưu dữ liệu liên quan đến đào tạo thường xuyên với tần suất an toàn (khoảng tuần/lần hoặc lâu hơn tùy vào mức độ thông tin quan trọng).

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, NH trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H09.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường ĐHSKĐAHN luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và NH của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên Khu thủy đình được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho NH **[H09.09.05.02]**. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và NH trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường **[H09.09.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường làm việc hằng ngày để bảo đảm vệ sinh các phòng học, khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường **[H09.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H09.09.05.05]**.

Việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và SV, học viên, hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19- Nhà trường đã nghiên túc, khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 theo quy định của Chính phủ **[H09.09.05.06]**. Nhà trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho SV và viên chức, người lao động phối hợp thường xuyên với các bệnh viện

để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và bảo đảm công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và NH **[H09.09.05.07]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho SV năm nhất và cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho SV **[H09.09.05.08]**.

Vấn đề bảo đảm an toàn trường học, Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của Công an Quận Cầu Giấy tổ chức các hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, PCCC cho viên chức, người lao động, SV. Để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân. Hằng năm, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng ban, Khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước **[H09.09.05.09]**.

Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H09.09.05.10]**.

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được bảo đảm và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H09.09.05.11]**; điều động SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản **[H09.09.05.12]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ **[H09.09.05.13]**. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng **[H09.09.05.14]**.

Để bảo đảm an ninh, Nhà trường xây dựng quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ cho viên chức, người lao động, NH thống nhất thực hiện trong toàn Trường **[H09.09.05.15]**.

Giai đoạn 2018-2023, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và SV.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC, người lao động, NH về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối văn hóa nghệ thuật.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường ĐHSKĐAHN tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho viên chức, người lao động, NH. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn (ban hành quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường ĐHSKĐAHN).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường ĐHSKĐAHN quy hoạch khu nhà B với những khuôn viên hợp lý bảo đảm hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

**Điểm tồn tại nổi bật:* Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; Phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của viên chức, người lao động và NH của Trường.

Điểm tồn tại cơ bản: Thiết bị cho ngành BDM vẫn chưa cập nhật kịp thời với sự phát triển của thế giới, tài liệu vẫn còn hạn chế và chậm được cập nhật thường xuyên, chưa có những phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 9: Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đạt, trong đó có 2 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để bảo đảm SV đạt được CĐR (CĐR) ngành BDM, đáp ứng nhu cầu của xã hội và NTD, Trường ĐHSKĐAHN nói chung và Khoa Múa nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (GV, NH, cựu SV, NTD) để thiết kế và phát triển CTDH (CTDH) đến việc bảo đảm chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, bảo đảm tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời bảo đảm sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa trong đó có Khoa Múa **[H10.10.01.01]**.

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHSKĐAHN. Năm 2019, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như Khoa Múa đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) **[H10.10.01.02]**.

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. Tuy nhiên, hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hằng năm, việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành BDM chưa được thường xuyên **[H10.10.01.03]**.

Hiện nay, công tác khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV (GV) đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của NH được Nhà trường/Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và biện pháp khắc phục, lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. **[H10.10.01.04]**. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân

[H10.10.01.05]. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của GV sau khi nhận được phản hồi của NH **[H10.10.01.06].**

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (SV, cựu SV, người sử dụng lao động, GV, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa Múa thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của NH được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Trường có quy định/quy trình về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tuy nhiên do mới ban hành nên chưa đánh giá được kết quả thực hiện. Công tác lấy ý kiến phản hồi các BLQ về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhà trường/Khoa tuy có ký kết với các trường, các đoàn nghệ thuật, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của NTD, việc ký kết trên đối với các NTD ngành BDM còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV Trường giao cho Khoa Múa quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về NH, cựu SV, nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường giao cho Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐT QLKH&HTQT hoàn thiện dự thảo quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

8. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTDH (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi học phần. CTĐT ngành BDM được thiết kế theo 3 khối: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CDR cần đạt được của NH **[H10.10.02.01].**

Nhà trường giao cho Phòng ĐTQLKH&HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT **[H10.10.02.02].** Khoa là đơn vị trực

tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá **[H10.10.02.03]**. CTĐT trình độ đại học ngành BDM được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các BLQ. Căn cứ vào các CDR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2019 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học ngành BDM được điều chỉnh, cập nhật **[H10.10.02.04]**.

Việc xây dựng ĐCCT các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành **[H10.10.02.05]**; Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường họp và thông qua ĐCCT các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CDR CTĐT **[H10.10.02.06]**. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các BLQ, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành **[H10.10.02.07]**. Việc rà soát, đánh giá CTDH thực hiện nghiêm túc nhằm bảo đảm chất lượng dạy và học.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với ngành BDM. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của GV và các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐT QLKH&HTQT, Phòng CTHSSV tiếp tục khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành BDM. Xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV tiếp tục khảo sát các BLQ để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của ngành BDM. Xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được quy định trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN*” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.03.01]. Trong đó, có quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR; các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của NH. Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi bảo đảm chất lượng đào tạo [H10.10.03.02].

Để làm tốt công tác đánh giá KQHT của ngành BDM, Khoa Múa có quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, và bài tập BDM, chương trình thi thực hành đối với đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04].

Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. GV dựa vào tiêu chí trong mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học phần bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa học phần và đánh giá kết thúc học phần [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá KQHT được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá KQHT thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm.

100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành BDM đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ NH và người dạy, Nhà trường, Khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở cuộc họp cấp Trường cũng như cấp Bộ môn; qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Múa với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của GV, hồ sơ GV chủ nhiệm, văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch khoa học của GV. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và rà soát CTĐT để điều chỉnh kịp thời [H10.10.03.07].

Đầu mỗi năm học, GV của Khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về Phòng KT & ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh

truyền thông khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của GV là sổ đầu bài **[H10.10.03.08]**. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp Trường đến từng Bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân ngành BDM. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của GV và NH đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được mở rộng mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV. Phòng KT & ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra - thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2023-2024, Khoa Múa phối hợp P.ĐTQLKH&HTQT tiếp tục bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá KQHT của NH nhằm bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2023, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của GV được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặc thù riêng, như việc dựng vở diễn, biên đạo một tiết mục múa trong một chương trình biểu diễn, quay một bộ phim... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường **[H10.10.04.01]**. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học mang tính đặc thù, sản phẩm không phải là một cuốn sách là một tác phẩm nghệ thuật được biểu diễn (được ghi lại, lưu trữ dưới dạng đoạn video, clip...) trong nhiều chương trình khác nhau, được thẩm định bởi người xem (khán giả), giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những trải nghiệm thực tế đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy - học **[H10.10.04.02]**.

Bên cạnh đó, Khoa Múa có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là giáo trình giảng dạy: Múa Dân gian Dân tộc, Múa Cổ điển Châu Âu, giáo trình Nghệ thuật biên đạo, Múa Hiện đại... Các đề tài NCKH bổ ích, có giá trị thực tế cho chuyên ngành học BDM, Huấn luyện múa và BDM đại chúng và danh sách những tác phẩm múa, đạt giải thưởng của GV và SV Khoa Múa **[H10.10.04.03]**, **[H10.10.04.04]**.

Các kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức. Về khách quan, sau các công trình NCKH, giáo trình được nghiệm thu, sau mỗi tác phẩm múa đạt giải, các bài báo, bài phân tích được đăng tải trên các trang thông tin điện tử, các tờ tạp chí chuyên ngành của các GV và SV... chính những NCKH này là phần thông tin quan trọng để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho bài giảng ngành BDM **[H10.10.04.05]**. Các giáo trình đã được Khoa Múa thực hiện: Giáo trình múa dân gian dân tộc (DGDT) Dao; Giáo trình múa DGDT Kinh, Lô Lô, Tày, Mông - Học phần 1; Giáo trình múa DGDT Thái, Khơ Mú, Cao Lan - Học phần 2; Giáo trình múa dân gian các dân tộc Tây Nguyên: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Cờ Ho, Ê Đê; Giáo trình múa CĐCÂ (dành cho BDM đại chúng); Giáo trình phương pháp huấn luyện múa CĐCÂ (dành cho Biên đạo - Huấn luyện múa năm thứ nhất)... **[H10.10.04.06]**.

Nhà trường đưa ra quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy - học. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và NH trong toàn Trường **[H10.10.04.07]**.

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học. Qua việc tổng kết kinh nghiệm từ việc viết giáo trình, GV dùng chính những nội dung mình viết và nghiên cứu để làm ví dụ cho bài giảng của mình, SV đánh giá, phân tích để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết nghiên cứu về nghệ thuật múa được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác

[H10.10.04.08]. Hằng năm, GV Khoa Múa luôn tích cực tham gia hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như NH trong toàn Khoa với những GV, chuyên gia từ nhiều nước trên thế giới **[H10.10.04.09].**

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2016, có 1 giáo trình múa DGDT Cờ Ho; Năm 2020, có hai giáo trình cấp cơ sở được sử dụng trong giảng dạy: Giáo trình Phương pháp huấn luyện múa DGDT Dao (dành cho ngành Huấn luyện múa) và Giáo trình múa CĐCẢ (dành cho BDM đại chúng). Năm 2021 có một giáo trình múa DGDT Kinh, Lô Lô, Tày, Mông - Học phần 1 (dành cho BDM đại chúng) và một đề tài nghiên cứu khoa học “Thuật ngữ múa Ballet - Tập 1” ra đời. Năm 2022, có hai giáo trình cấp cơ sở (múa DGDT Kinh, Lô Lô, Tày, Thái, Khơ Mú và Cao Lan - Học phần 2 (dành cho BDM đại chúng và một đề tài nghiên cứu khoa học “Thuật ngữ múa Ballet - Tập 2”). Đặc biệt năm 2022, Khoa Múa đã hoàn thành 01 giáo trình múa dân gian dân tộc Dao (dành cho ngành Huấn luyện múa) và 1 giáo trình múa DGDT Kinh, Lô Lô, Tày, Mông (dành cho ngành BDM đại chúng đã được xuất bản thành sách, sử dụng trên toàn quốc. **[H10.10.04.10].**

Những giáo trình này là tâm huyết của các GV Khoa Múa, nhằm mang lại cho NH tài liệu chất lượng chuyên ngành.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại Hội nghị của Trường (Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11; Kỷ niệm ngày thành lập Trường 17-12...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, điều này có tác động rất lớn đối việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục NH.

Tuy nhiên, Nhà trường mới xây quy định riêng về hoạt động NCKH của SV (chưa tổ chức tổng kết đánh giá việc thực hiện quy định này), gắn với quản lý và sản phẩm KHCN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có ngành BDM.

2. Điểm mạnh

Khoa Múa có đội ngũ GV tích cực tham gia hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học/hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành BDM.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, ngành BDM chưa có đề tài lý luận khoa học cấp Bộ và Nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hằng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy - học. Số lượng công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Nhà trường

trong việc tham mưu BVHTTDL về việc tính điểm NCKH đối với những sản phẩm văn hóa như các giải thưởng cho các tác phẩm múa. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các GV trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường phối hợp cùng Viện SKĐA, Khoa Múa và các đơn vị đào tạo trong Trường ban hành, rà soát, tổng kết việc thực hiện văn bản về tổ chức và quản lý hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường như: Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ, Quy định về NCKH của SV,... Xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, GV tham dự hội nghị, hội thảo Khoa học quốc gia và quốc tế.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN luôn xác định chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc bảo đảm chất lượng CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/Trung tâm đào tạo. Sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa Múa có trợ lý đào tạo, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ NH. Để nâng cao chất lượng dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của NH, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau.

SV ngành BDM thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website/facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm; cuộc họp với Phòng CTHSSV; sinh hoạt lớp theo định kỳ hằng tháng; hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường... **[H10.10.05.02]**.

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ

theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm **[H10.10.05.03]**. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hằng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, Nhà trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị viên chức, người lao động **[H10.10.05.04]**.

Trong quá trình sử dụng thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (Bộ phận Hành chính, Quản trị) kiểm tra để sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế thiết bị được tiến hành kịp thời, bảo đảm hiệu quả sử dụng trong dạy - học phục vụ CTĐT. Đặc biệt, bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường thường xuyên rà soát để xử lý vấn đề phát sinh. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các Khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường **[H10.10.05.05]**.

Năm 2022, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NH về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, GV, NH) về thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, GV nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B **[H10.10.05.06]**. Hằng năm, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu **[H10.10.05.07]**. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C **[H10.10.05.08]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình BVHTTDL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo **[H10.10.05.09]**. Năm 2015, Trường đã được BVHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa **[H10.10.05.10]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học tầng 7 (nhà A2) được trang bị thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như sàn tập, gióng, đàn piano, đạo cụ... Có phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của nghệ thuật múa. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống cổng thông tin và dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để nguồn lực để đầu tư và cải

tiền cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của BVHTTDL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư cơ sở vật chất của Trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống âm thanh và ánh sáng chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của ngành BDM. Ngoài ra, một số phản hồi của các BLQ về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao cho Phòng HCTH phối hợp cùng các đơn vị quy hoạch lại không gian riêng cho bố trí không gian riêng cho SV ngành; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường để hỗ trợ kinh phí xây dựng trường quay riêng cho Khoa, khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ GV kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Múa tổ chức lấy ý kiến của các BLQ về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm 2022, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN nói chung và Khoa Múa nói riêng. Những nội dung phản hồi bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong Nhà trường.

Trong năm 2014, Trường chính thức thành lập Phòng KT&ĐBCLGD (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục [H10.10.06.01]. Phòng KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Bảo đảm chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước [H10.10.06.02].

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng

giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các BLQ. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá cơ sở giáo dục, CTĐT; đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về các hoạt động của Nhà trường; khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động **[H10.10.06.03]**. Khoa Múa phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường ban hành quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của NH với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống **[H10.10.06.04]**. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN, vào cuối năm học hằng năm, tất cả các GV cơ hữu của Khoa Múa phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**.

Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và Khoa Múa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng đến cấp lãnh đạo thông qua phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV”; “Hội nghị viên chức, người lao động”, “Diễn đàn trao đổi với NTD”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa,... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hằng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có giải pháp cụ thể, hiệu quả **[H10.10.06.06]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Quy trình lấy ý kiến phản hồi của các BLQ mới được xây dựng, chưa đánh giá hiệu quả thực hiện. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường phối hợp Khoa Múa tiếp tục duy trì hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/NTD (Tăng cường khảo sát các đối tượng ngoài trường) tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Trường phối hợp cùng Khoa Múa và các phòng chức năng thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng giáo dục bằng cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

**Điểm mạnh nổi bật:* Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Biên đạo múa được Nhà trường và Khoa Múa quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và NTD. Việc thu thập thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, GV, NH, NTD và cựu SV được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Hoạt động nghề nghiệp tương đương NCKH được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được rà soát và nâng cao chất lượng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy - học và NCKH, PVCD.

**Điểm tồn tại cơ bản:* Việc lấy thông tin phản hồi từ các BLQ, trong đó có các GV về CTĐT và dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ; việc thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 10: Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường ĐHSKĐAHN. Nhà trường là cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho nền sân khấu và điện ảnh nước nhà. Ngành BDM là một ngành đào tạo đặc thù, số lượng SV của Khoa không nhiều như các ngành học khác trong Trường, tính từ Khóa đào tạo Đại học đầu tiên 1980 đến nay - Khoa Múa đã đào tạo khoảng 250 BDM hệ chính quy. Học viên những khóa đầu tiên sau gần 40 năm ra trường đã hầu hết trở thành NSUT, NSND đã và đang là những cán bộ chủ chốt của ngành Múa. Quan trọng hơn, họ làm nên diện mạo của nền nghệ thuật Múa trong giai đoạn này (khoảng 50 % là SV của Khoa Múa, chuyên ngành Biên đạo múa, với những nghệ sĩ/ nhà giáo tên tuổi như: NSND. Nguyễn Minh Thông; NSND. Đỗ Tiến Định; NSND. Lữ Kiều Lê; TS.NSUT. Trần Văn Hải; NSND. Nguyễn Kim Chung; NSUT. Lê Khánh Toàn; NSUT. Trần Ly Ly; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Minh; NSUT. Nguyễn Quỳnh Dương; NGND. Phạm Minh Phương, NGUT. Nguyễn Mai Hương, NGUT. Đỗ Thu Hằng, NGUT. Phạm Minh Khánh, NGUT. Trần Quốc Minh, NGUT. Đoàn Phúc Linh Tâm...

Hiện nay, ngành BDM của Khoa vẫn là nơi đào tạo tốt nhất của quốc gia. Số lượng thí sinh dự tuyển vẫn duy trì ở mức cao. Ngành thu hút được sự quan tâm của NH và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các diễn viên chuyên nghiệp tại các nhà hát, các đoàn nghệ thuật, học sinh đã tốt nghiệp trung cấp múa tại các trường đào tạo

nghệ thuật trên toàn quốc. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Múa đã thực hiện giám sát việc đạt CDR (CDR), tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV BDM mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học các cấp, mà là một tác phẩm múa, chương trình nghệ thuật hay các phần của một chương trình biểu diễn, các phần của một vở diễn sân khấu... Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với CDR của CTĐT ngành BDM, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, NH, cựu NH, thị trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, Phòng CTHSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp **[H11.11.01.01]**. Bên cạnh đó, tình hình của SV ngành BDM luôn được giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa, Phòng ĐTQLKH&HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hằng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, qua đó có báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có hướng giải quyết phù hợp khi tình hình phát sinh **[H11.11.01.02]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp xét kỷ luật **[H11.11.01.03]**. Do đó, với SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Phòng CT HSSV **[H11.11.01.04]**. Ban cán sự lớp và Ban Chấp hành chi đoàn. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo **[H11.11.01.05]**. Căn cứ quy định về đào tạo, quản lý HSSV, hằng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành BDM được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên quy định về điều kiện tốt nghiệp; quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hằng năm **[H11.11.01.06]**. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện ở dữ liệu về NH trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH trong 05 năm gần

nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số NH nhập học, số NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số NH thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm **[H11.11.01.07]** được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

(Xem ở Bảng 17, Phụ lục 1, Danh mục các bảng biểu trong báo cáo tự đánh giá chương trình BDM).

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành BDM hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm Khoa có họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV. Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của SV ngành BDM hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học, bảo lưu vì lý do sức khỏe, quá khó khăn về tài chính, hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu nhưng không có điều kiện học tiếp; một số SV không cần làm bài tốt nghiệp **[H11.11.01.08]**.

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm bảo đảm tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp **[H11.11.01.09]**. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi NH gặp khó khăn, duy trì chế độ họp lớp định kỳ hằng tháng **[H11.11.01.10]**.

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ NH tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với Nhà trường. Tỷ lệ NH ngành BDM bị buộc thôi học ít, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm nhưng Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hằng năm Khoa chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện

việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH & HTQT phối hợp Khoa Múa tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành BDM. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện CDR, bảo đảm việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho NH yêu ngành học đã chọn và nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Bước đầu tiến hành đối sánh với các trường khác trong nước và quốc tế về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học của SV ngành BDM bằng việc Khoa phối hợp với Phòng CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết cho SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho Phòng ĐTQLKH&HTQT chủ trì phối hợp với Phòng CTHSSV, Khoa Múa và các đơn vị khác (Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng HCTH) theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT BDM. Để tốt nghiệp, SV phải có đủ điều kiện về điểm, kết quả đi thực tập, bài thi tốt nghiệp, và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn lý luận chính trị...). CTĐT thực hiện theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính quy của Khoa Múa là 4 năm. Đặc thù ngành BDM tốt nghiệp bằng bài thi thực hành, biên đạo các tác phẩm múa, dàn dựng một chương trình thi tốt nghiệp, một sản phẩm mang tính đặc thù được xây dựng bởi 1 tập thể, trong đó NH biên đạo là người chịu trách nhiệm chính. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa tuyển sinh từ 2018 đến 2022 của ngành BDM được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1 [H11.11.02.02]. Trong 5 năm gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 80% đến 90% SV ngành BDM hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân BDM.

Bên cạnh đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn hơn so với thời gian yêu cầu vẫn tồn tại (như đã giải thích ở trên). Một số nguyên nhân khiến SV tốt nghiệp không đúng hạn như: Gặp khó khăn về tài chính để thực hiện chương trình thi tốt nghiệp; muốn có sự chuẩn bị tốt hơn về mọi mặt (nghệ thuật; tài chính; nhóm thực hiện); có tỷ lệ nợ môn

nhưng không trả kịp... **[H11.11.02.03]**. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SV tốt nghiệp trễ hạn, Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các học phần, kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp (ví dụ: do dịch Covid 19) **[H11.11.02.04]**.

Để hỗ trợ NH bảo đảm CTĐT, Nhà trường quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV nợ môn nhưng hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp **[H11.11.02.05]**. Nhà trường gặp khó khăn khi tìm thông tin để đối sánh vì các đơn vị khác không công khai thông tin này.

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của SV; Nhà trường có chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV bảo đảm tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của việc tốt nghiệp ngành BDM cũng như kinh phí làm bài tốt nghiệp nên thời gian tốt nghiệp của SV có thể bị kéo dài để đạt được chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, SV sẽ bị vi phạm quy chế do kéo dài thời gian học và ảnh hưởng đến việc được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD & ĐT (Công văn số: 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng - KĐCLGD).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng ĐTQLKH & HTQT tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ NH hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp Phòng ĐTQLKH&HTQT xây dựng quy trình thực hiện việc tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH, từ đó xây dựng quy định hỗ trợ SV (như nếu là SV giỏi, có nhiều triển vọng nhưng gặp khó khăn về tài chính hoặc muốn xin cơ chế/chính sách của Trường về thời gian tốt nghiệp để hoàn thành chương trình thi thực hành tốt nghiệp đạt chất lượng). Nghiên cứu triển khai việc đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập để đánh giá chất lượng đào tạo. NH luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD & ĐT **[H11.11.03.01]**, Nhà trường đã phân công Phòng CTHSSV phụ trách công tác hỗ trợ NH; khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Hiện nay, hoạt động này được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định **[H11.11.03.02]**. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng SV tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do SV cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện trực tiếp đối với các đối tượng SV tốt nghiệp hộ khẩu tại Hà Nội và vùng phụ cận; SV về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; SV tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ) **[H11.11.03.03]**.

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gần bó mật thiết với các cơ sở hoạt động nghệ thuật về Múa, Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, SV tốt nghiệp của Trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp **[H11.11.03.04]**.

Cần phải nói thêm về đặc thù của ngành BDM, SV ra trường không thể ngày một ngày hai trở thành một BDM giỏi hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo nhưng có thể làm những công việc liên quan như trợ giảng cho các thầy cô dạy lâu năm, hoặc dạy múa tại cung thiếu nhi cho các lớp múa không chuyên, tổ chức các hoạt động biểu diễn ở trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, biên dựng các chương trình nghệ thuật trong các cơ quan, tổ chức không chuyên... Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên một BDM chuyên nghiệp trong tương lai (số tuổi thành danh của nghề này từ 35 - 70). BDM là một nghề đặc biệt, việc xây dựng một hoặc nhiều tác phẩm múa có chất lượng trong một thời gian ngắn là không dễ dàng. Một số lượng BDM tại các nhà hát, cơ quan nghệ thuật trên toàn quốc rất lớn. Thực tế cho thấy, vẫn có nhiều SV chọn cách mở xây dựng các đội nhóm biểu diễn, biên đạo và dàn dựng các chương trình truyền hình, dựng múa cho các đoàn nghệ thuật Sân khấu truyền thống, mở các trung tâm nghệ thuật, đào tạo năng khiếu, các em trở thành người làm ở vị trí như giám đốc điều hành. Điều này cho thấy sự đa dạng về kiến thức

của ngành học BDM.

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành BDM có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, một tỷ lệ nhất định SV ngành BDM làm trái ngành, nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội và những điểm đặc thù về nghề đã phân tích ở trên. Nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các SV ở các môi trường làm việc.

Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của SV còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của SV để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại do đơn vị đào tạo khác có cùng CTĐT không công khai các số liệu này.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Trường phối hợp cùng Khoa Múa và P.CTHSSV tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của SV ngành thuộc Khoa Múa đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Tổ chức liên kết với các đơn vị/doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp, Rà soát CDR CTĐT đối với mục cơ hội việc làm/ vị trí đảm nhận sau tốt nghiệp CTĐT BDM.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh tạo điều kiện và khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học [H11.11.04.01]. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện theo quy định hiện hành [H11.11.04.02].

Hàng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập

nguồn tin khoa học và công nghệ (sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, lưu trữ luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác) **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của ngành BDM, sản phẩm nghiên cứu khoa học không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặc thù riêng, như việc dựng các tác phẩm múa, dạy các lớp thiếu nhi không chuyên, tham gia biểu diễn các chương trình nghệ thuật... Kinh nghiệm tích lũy được từ hoạt động này được coi là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường” **[H10.10.04.01.DC]**. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành hoạt động nghề nghiệp để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy - học **[H10.10.04.04.DC]**.

Từ năm 2018 đến nay, SV của Khoa Múa - ngành BDM đã đạt được nhiều giải thưởng **[H11.11.04.04]**, đây là những sản phẩm nghiên cứu khoa học đặc thù. Giải thích cho tính đặc thù này, ThS. Phùng Quang Minh chủ nhiệm Khoa Múa phân tích: *“Cùng một nội hàm kiến thức lý thuyết khi áp dụng vào thực hành, mỗi SV có 1 sự lựa chọn cách làm khác nhau, vì vậy mỗi bài thi thực hành của SV cùng với GV, thời gian tương tác của SV và GV suốt học phần là một quá trình hoạt động nghiên cứu”*.

Lớp có bao nhiêu SV là có bấy nhiêu hoạt động nghiên cứu và hình thức trả bài tập trước các GV và toàn bộ SV trong lớp thật sự là một biện pháp giúp SV và GV phân biện, đối sánh kiến thức và kết quả học và dạy của chuyên ngành (mở rộng việc trả các bài tập quan trọng với quy mô mở rộng ở cả các chuyên ngành khác trong Khoa). Hầu hết trong toàn bộ học phần nghiệp vụ sáng tác của ngành học không có học phần nào là lý thuyết thuần túy. Nhiều bài tập thực hành có trước trong chương trình học để SV rút ra, chứng minh cho lý thuyết nghề nghiệp.

Với phân tích trên cho thấy GV và SV ngành BDM đã thực hiện phương châm “giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH”. Nhà trường có quy định về việc khen thưởng đối với SV đạt giải trong các cuộc thi Tài năng học sinh, SV toàn quốc hoặc các cuộc thi SV của Trường tham gia được giải **[H11.11.04.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa tổ chức tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Đặc biệt cuộc thi tài năng SV Khoa Múa, đây là cuộc thi hoạt động nhân kỷ niệm thành lập Trường ĐHSKĐAHN (17-12-1980) nhằm khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo của những BDM và giáo viên dạy múa trẻ, thúc đẩy phong trào xây dựng các tác phẩm múa trong giới SV toàn quốc **[H11.11.04.06]**. Có một thực tế động viên SV làm bài thi, xây dựng tác phẩm múa, tham gia công việc của hoạt động nghệ thuật múa có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm,

trải nghiệm). Nó không (hoặc rất ít) hiện hữu tất yếu ở một bài viết, bài báo hay "công trình" nào đó. Người GV xem các tác phẩm múa, bài thi múa của họ để phân tích cho họ thấy họ đã trưởng thành như thế nào.

2. Điểm mạnh

Một số GV của Khoa cũng như GV thỉnh giảng của Khoa là những nhà BDM, Huấn luyện múa có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn đồng nghiệp và SV NCKH/ sáng tác. Hằng năm, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/ sáng tác thông qua hoạt động hỗ trợ như đã đề cập ở phần mô tả.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới xây dựng quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV Trường ĐHSKĐAHN (chưa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện), chưa làm rõ nội dung liên quan đến công tác NCKH trong SV của Trường, đồng thời có đề cập đến loại hình nghiên cứu khoa học đặc thù cho SV BDM.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng ĐTQLKH&HTQT, Viện SKĐA, Phòng CTHSSV rà soát, đánh giá việc thực hiện quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV Trường ĐHSKĐAHN (trong đó có tiêu chí cho Khoa Múa), thể hiện được đặc thù của ngành BDM, có thể quy đổi loại hình NCKH thành tác phẩm múa do SV dàn dựng có giải thưởng hoặc giải thưởng cho hình thức múa solo, múa tập thể.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Nhà trường giao khoa Múa phối hợp Phòng CTHSSV xây dựng hệ thống quản lý các hoạt động về NCKH SV. Hằng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH SV trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ GV đối với SV; nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. GV và

chuyên viên của Khoa được tham dự các hội nghị trên. Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng khoa học và đào tạo Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo của các đơn vị trong đó có Khoa Múa kiến nghị. Mỗi học kỳ, Trường và Khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như dịch vụ công để điều chỉnh, cải tiến CTDH và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.02]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2021, Nhà trường ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ **[H11.11.05.03]**.

Ngoài ra, hằng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để nghe ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV công khai và có giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa (nếu có) **[H11.11.05.04]** để báo cáo Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới NH về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ cựu NH, Nhà trường/ Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu NH nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CDR của CTĐT **[H11.11.05.05]** để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

Trường/ Khoa tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của NTD **[H11.11.05.06]**. Nhìn chung, đa số NTD đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân ngành BDM - Khoa Múa. Tuy nhiên, NTD cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường/Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và NTD. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NTD cho thấy tỷ lệ đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao.

2. Điểm mạnh

CTĐT và CDR của CTĐT ngành BDM được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ với nhiều hình thức. Đại đa số BLQ hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ BLQ được Khoa/ Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các BLQ đối với hoạt động của Nhà trường, Khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các BLQ về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2024, Nhà trường giao cho Khoa và các phòng ban liên quan Thực hiện “Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ” nhằm đưa hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Khắc phục điểm tồn tại: Từ năm 2024, Khoa Múa phối hợp với Phòng CTHSSV, Phòng KT&ĐBCLGD Tổ chức lấy phản hồi của các BLQ đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

**Điểm mạnh nổi bật*: SV ngành BDM có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững kiến thức được học để tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và NTD đánh giá hài lòng về CTĐT.

* *Điểm tồn tại cơ bản*: Trường mới ban hành *Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV Trường ĐHSKĐAHN* nên chưa đánh giá hiệu quả thực hiện quy định.

Kết quả đánh giá về Tiêu chuẩn 11: Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm, 2 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường ĐHSKĐAHN là cái nôi nuôi dưỡng những tài năng nghệ thuật, là cơ sở đầu tiên trong cả nước đào tạo về văn hóa nghệ thuật, qua nhiều năm đào tạo đã cung cấp nhiều BDM, giáo viên giỏi và là địa chỉ uy tín, có thương hiệu, thu hút NH, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn và sự phát triển của xã hội.

Giữ gìn thương hiệu là một quá trình xây dựng, phát triển bền vững, phải căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn và từng bước thực hiện trong lộ trình.

Căn cứ sứ mạng của Trường ĐHSKĐAHN là trường đào tạo nhân tài có chất lượng cao trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và công nghệ điện ảnh - truyền hình cho ngành sân khấu, điện ảnh; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường với hơn 40 năm xây dựng, phát triển là cơ sở đầu tiên trong cả nước đào tạo chuyên sâu về văn hóa nghệ thuật và điện ảnh truyền hình. Đáp ứng được những nhu cầu của thực tiễn đã góp phần rất lớn trong công việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng. Thực hiện những kế hoạch, chiến lược về sự nghiệp giáo dục và đào tạo của chính phủ. CTĐT ngành BDM được coi là ngành xây dựng và thương hiệu của Khoa, được tạo dựng từ những ngày đầu khi thành lập Trường đại học với chức năng trang bị những kiến thức có hệ thống bài bản – sáng tạo về múa đầu tiên trong cả nước. Được xem là một ngành phát triển có chiến lược dần trở thành ngành then chốt cùng các ngành mũi nhọn khác tạo nên thương hiệu của Trường ĐHSKĐAHN. Do đó, việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng theo tiêu CDR của ngành đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành BDM trong vòng 5 năm qua (2018 - 2023) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CDR của CTĐT ngành BDM đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng CB, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của NH, thông qua CDR của từng môn học/học phần bằng CLOs để đối chứng mục tiêu đào tạo, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất, tư duy, sáng tạo, phát huy năng lực cá nhân cần thiết. CDR ngành BDM được công bố công khai đến từng SV thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kỳ học, năm học.

Thứ hai, các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành BDM được công bố rõ ràng, đầy đủ và chi tiết. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật theo xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực BDM.

Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các ĐCCT môn học/học phần của chương trình (mẫu CTĐT 16). ĐCCT của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Thứ ba, CTDH của ngành BDM được thiết kế với các bộ môn/học phần có nội dung bao trùm CDR của CTĐT. Hội đồng của Khoa Múa. Bộ môn đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm bảo đảm cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự có hệ thống lý thuyết và thực hành đan xen, từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành BDM trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực sáng tạo của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng thực hành; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên môn được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức, kỹ năng cả về lý thuyết và thực hành.

Thứ tư, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành BDM phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập độc lập, suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với NH. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV, các GV luôn tôn trọng và lấy NH làm trung tâm.

Thứ năm, việc đánh giá KQHT của SV ngành BDM, Khoa Múa được thực hiện chuyên nghiệp, bám sát quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN để bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá KQHT của SV. Khoa Múa tập trung sâu vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đạt được những mục tiêu theo CDR của môn học CLOs và CDR của CTĐT PLOs, đa dạng hóa các phương thức kiểm tra, đánh giá, phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ sáu, đội ngũ GV trong ngành BDM có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc, năng động và nhiệt huyết, không ngừng nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn, bổ sung những kiến thức mới, cập nhật các thành

tự trong lĩnh vực sáng tạo. Do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng NH như hiện tại, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ GV của Khoa đã tích cực tham gia tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá của hội đồng nghệ thuật chuyên ngành. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Khoa đáp ứng và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. ĐNNV hỗ trợ cho CTĐT ngành BDM có trình độ chuyên môn về kiến thức – kỹ năng chuyên môn tốt, dựa theo CDR của ngành đào tạo, đáp ứng nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai đúng tiến độ, phối hợp chặt chẽ với phòng chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp vào sự phát triển ngày càng vững mạnh của Khoa và được hưởng chế độ khen thưởng phù hợp.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hằng năm ngành BDM tuyển chọn được nhiều SV có năng lực đạt yêu cầu chuyên môn, đáp ứng đầu vào. Bên cạnh đó, NH được hỗ trợ những chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước về ngành đặc thù, được quan tâm thường xuyên và hiệu quả của Khoa - Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Thứ tám, Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, GV và NH của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành BDM được Nhà trường/Khoa quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội. Việc thu thập thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, GV, NH, NTD và cựu NH được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được GV và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng chiếu phim, trung tâm âm thanh, ánh sáng, phòng tập) được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và NH trong dạy - học và nghiên cứu khoa học.

Thứ mười, SV ngành BDM có tỷ lệ tốt nghiệp đạt bằng khá và giỏi cao. Khi ra

trường SV nắm vững kiến thức, kỹ năng thủ pháp sáng tạo nghệ thuật một cách có hệ thống, kỹ năng thực hành để có thể tham gia vào thị trường lao động. NTD đánh giá tốt và hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành BDM có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các NTD, sự phản hồi của cựu SV và SV.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các BLQ còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của NTD; cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá KQHT một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay. Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường nhưng chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học. Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV và SV. CDR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Thư viện chưa bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV, các sách về ngành còn thiếu, ít đầu sách. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành BDM được thể hiện thông qua bảng sau:

**BẢNG TỔNG BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT
CỬ NHÂN NGÀNH BIÊN ĐẠO MÚA**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **52210244**

Tên CTĐT: **Cử nhân Biên đạo múa**

Mã CTĐT: **7210243**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3				x						
Tiêu chuẩn 2								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1					x					
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1					x					
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3					x					
Tiêu chuẩn 5								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1					x					
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5				x						
Tiêu chuẩn 6								4,70	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5					x					
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								4.60	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5				x						
Tiêu chuẩn 10								4,50	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5					x					
Đánh giá chung CTĐT								4,59	50/50	100%

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày / /2023.

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà

Nội Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: skd@moet.edu.vn

Website: www.skda.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1984

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Múa

Tiếng Anh: Department of Dance

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

14. Tên CTĐT

Tiếng Việt: BDM

Tiếng Anh: Choreographer

15. Mã CTĐT: 7210243

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 7 nhà A, Trường ĐHSKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
18. Số điện thoại liên hệ: 02437648628; Email: khoamua.skda@moet.edu.vn
Website: Khoamua Skda
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1980
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1984

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Khoa Múa được thành lập ngày 17/12/1980 với nhiệm vụ đào tạo chuyên sâu 2 ngành: BDM, Huấn luyện múa với hệ chính quy bậc đại học là cơ sở đầu tiên, duy nhất trong cả nước. Từ đó cho đến nay, Khoa Múa là một trong những khoa đang từng bước phát triển dần trở thành trụ cột, thước đo cho sự hưng thịnh của Trường ĐHSKĐAHN.

Những ngày đầu thành lập, Khoa chỉ đào tạo hai ngành: Huấn luyện múa, BDM do NSƯT. Ngân Quý là chủ nhiệm Khoa (Kiêm nhiệm chủ nhiệm lớp ngành Huấn luyện múa và BDM do NSƯT. Trần Đình Quý chủ nhiệm).

Thế hệ cán bộ, GV đầu tiên của Khoa là các lưu học sinh được đào tạo từ Bungaria và Liên Xô cũ. Sau khi trở về nước là những viên gạch đầu tiên để xây dựng nền móng cho khoa. Trong quá trình giảng dạy, vừa giảng dạy vừa nghiên cứu khoa học, hoàn thiện khung chương trình, giáo trình, những gương mặt đó là: NSƯT. Ngân Quý chủ nhiệm khoa; NSƯT. Trần Đình Quý; NGƯT. Trương Lê Giáp và sự cộng tác của các GV là những nhà quản lý có nhiều thành tựu trong lĩnh vực sư phạm và sáng tạo như: NSND. Nguyễn Công Nhạc; Cố NSND. Đoàn Long; Cố NSND. Đỗ Minh Tiến; Cố GS.TS.NSND. Lê Ngọc Canh; Cố NSND. Trịnh Xuân Định...

PGS.TS.NSND. Nguyễn Thị Hiền là chủ nhiệm Khoa thứ 2 (sau khi NSƯT. Ngân Quý nghỉ chế độ). Bộ môn Phương pháp Huấn luyện múa chiêu mộ được NGƯT. Trương Lê Giáp (mới tốt nghiệp từ Liên Xô cũ trở về) Chủ nhiệm ngành Huấn luyện múa. Từ những ngày đầu GV cơ hữu còn ít, khoa vừa đào tạo, vừa bồi dưỡng để SV K1, K2 và các khóa sau nữa khi ra trường trở thành GV bổ sung vào đội ngũ của khoa và các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật trên phạm vi toàn quốc như: NGƯT. Nguyễn Mai Hương; NGND. Phạm Minh Phương được bổ nhiệm là trưởng Khoa Múa DGDĐT Trường Cao Đẳng Múa Việt Nam; NSND. Văn Quang giữ chức vụ Hiệu

trưởng Trường Cao Đẳng Múa Việt Nam; NGƯT. Nguyễn Thị Thu Hằng Phó Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Múa Việt Nam; NGƯT. Cao Chí Hải, Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Thừa Thiên Huế; NGƯT. Ngô Văn Thành Hiệu trưởng trường Cao Đẳng Văn Hóa Nghệ Thuật Việt Bắc; NSƯT. Vũ Anh Quân, Trưởng bộ môn múa nước ngoài; NSND. Ngô Kiều Ngân, Phó Giám đốc Nhà hát nhạc Vũ Kịch Việt Nam.

NGƯT. Trương Lê Giáp là chủ nhiệm khoa (sau khi PGS.TS.NSND. Nguyễn Thị Hiền nghỉ quản lý).

Khoa Múa vẫn luôn cộng tác với các chuyên gia đầu ngành, các thế hệ GV có nhiều thành tựu trong công tác huấn luyện và sáng tạo như: NSND. Nguyễn Công Nhạc; NSND.TS. Phạm Anh Phương; PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh; NGND. Phạm Minh Phương; NGƯT. Nguyễn Mai Hương; TS.NSND. Nguyễn Thu Hà; NGƯT. Kiều Thị Cây, Nhà lý luận phê bình múa Bùi Đình Phiên.

Năm 2002, Khoa Múa mở thêm ngành Lý Luận Phê Bình Múa. Các thế hệ tiếp nối: NSND. Nguyễn Minh Thông; NSƯT.TS. Trần Văn Hải; ThS. Phùng Quang Minh; TS. Nguyễn Lan Hương cùng các GV thỉnh giảng có nhiều đóng góp cho nghệ thuật múa Việt Nam và gắn liền với sự nghiệp đào tạo của Khoa Múa, Trường Đại Học Sân Khấu – Điện Ảnh Hà Nội.

TS.NSƯT. Trần Văn Hải được bổ nhiệm Trưởng Khoa Múa.

Từ năm 2014 đến nay, khoa có thêm ngành BDM đại chúng để đáp ứng được nhu cầu của xã hội, khoa vẫn tiếp tục mời các cộng tác viên giảng dạy, nghệ sĩ đang giữ những trọng trách ở các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật, hội nghề nghiệp như: NSND. Nguyễn Công Nhạc; NSND.TS. Phạm Anh Phương; PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh; NGND. Phạm Minh Phương; NGƯT. Nguyễn Mai Hương; NGƯT. Kiều Cây; NGƯT. Trịnh Quốc Minh; NSND. Văn Quang; NSND. Nguyễn Thu Hà; NGƯT.TS. Tạ Duy Hiên; NSƯT.ThS. Nguyễn Thị Hiền Trang; TS. Trần Quốc Tuấn; Th.S. Phùng Văn Khải... Hiện nay, Khoa Múa có 02 Phó Trưởng Khoa: ThS. Phùng Quang Minh; ThS. Hoàng Kim Anh.

Đến nay, có nhiều nghệ sĩ - những cây đa cây đề của ngành nghệ thuật múa đã yên nghỉ, nhưng những đóng góp về đào tạo và kiến thức nghề nghiệp của các thầy vẫn tồn tại và được nuôi dưỡng, nhân lên trong thế hệ các GV trẻ kế cận.

Với hai ngành/chuyên ngành: Huấn luyện múa, BDM, BDM đại chúng, thước đo KQHT (KQHT) của SV chính là những sản phẩm của các thế hệ SV đã tốt nghiệp ngành Huấn luyện múa và BDM bằng những sản phẩm nghệ thuật cụ thể; nhiều lớp học sinh trong các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật đã tốt nghiệp, các tác phẩm múa, những bài tiểu luận nghiên cứu khoa học, kết quả sưu tầm điền dã của SV được thể hiện khả năng

sáng tạo của mình dưới sự gợi ý, chỉ bảo tận tình của GV - những nghệ sĩ có nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp. Bằng phương pháp học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, SV thường xuyên được xem các chương trình nghệ thuật - video trong nước và quốc tế. Các chương trình nghệ thuật; các kỳ hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc và hội diễn toàn quân.

Mỗi năm, Khoa Múa đào tạo được trung bình 45 SV của ba chuyên ngành và khi ra trường các SV hầu hết được các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật, các nhà hát, các đoàn nghệ thuật, các tổ chức nghề nghiệp tuyển dụng. Nhiều SV đã làm vẻ vang cho trường bằng những giải thưởng trong nước và quốc tế, giữ những cương vị chủ chốt, quản lý trong các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật và các nhà hát, đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa, các tổ chức nghề nghiệp.

Nhiều SV - cựu SV ra trường đạt được các giải thưởng trong nước và quốc tế, các kỳ hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc, toàn quân:

* Năm 2020:

- SV Phạm Thẩm Khánh Vân (BĐM đại chúng K39): Giải A Liên hoan Nghệ thuật múa không chuyên.

- SV Phạm Thị Duyên Hồng Ngọc (BĐM đại chúng K41): Giải nhất chương trình thi đua chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam.

- SV Lê Mạnh Hùng (BĐM đại chúng K41): Giải nhất cuộc thi Showcase Hiphop night – The Debut (EP.00) Quán quân High School Best Dance Crew 2020. Giải yêu thích nhất cuộc thi Vũ điệu SYM 50cc năm 2020

- SV Nguyễn Thu Thùy (Huấn luyện múa K39): Giải nhì cuộc thi biểu diễn múa toàn quốc năm 2020.

* Năm 2021:

- SV Nguyễn Huy Thông (BĐM K39): Bằng khen diễn viên múa. Cuộc thi Ca, múa, nhạc Việt Nam, nhân dịp Nhà hát đón nhận danh hiệu: "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới". Bằng khen BĐM phục vụ chương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- SV Lộc Thị Hoa Lan (BĐM K38): Huy chương Bạc Múa: “Nhị tình”, Liên hoan ca Múa nhạc Toàn quốc năm 2021.

- SV Nguyễn Thu Thùy (Huấn luyện múa K39): Giải nhì cuộc thi Army game tại Liên Bang Nga năm 2021.

- SV Phạm Đắc Hải (BĐM K41): Huy chương Bạc – Biên đạo Hát múa: “Hòa sông mã”, Liên hoan ca Múa nhạc Toàn quốc năm 2021.

- SV Nguyễn Thu Thảo (BĐM đại chúng K41): Giải nhất, Fusion cuộc thi Miss Belly Dance in Malaysia và giải tài năng trẻ cuộc thi Unlimited bellydance

competitino năm 2021.

* Năm 2022:

- SV Nguyễn Thu Thùy (Huấn luyện múa K39): Giải ba cuộc thi Army game tại Liên Bang Nga năm 2022.

- SV Nguyễn Thị Thanh Truyền (Huấn luyện múa K40): Huy chương vàng - Diễn viên múa: “Đời dệt” và Huy chương Bạc - Diễn viên múa: “Lúa mới trên nương” trong Liên hoan ca Múa nhạc Toàn quốc năm 2022.

- SV Phạm Đắc Hải (BĐM K41): Huy chương Bạc - Biên đạo tiết mục “Tình ca Hòn trống mái” và Huy chương Bạc - tiết mục: “Nét quê” Hội thi múa không chuyên năm 2022.

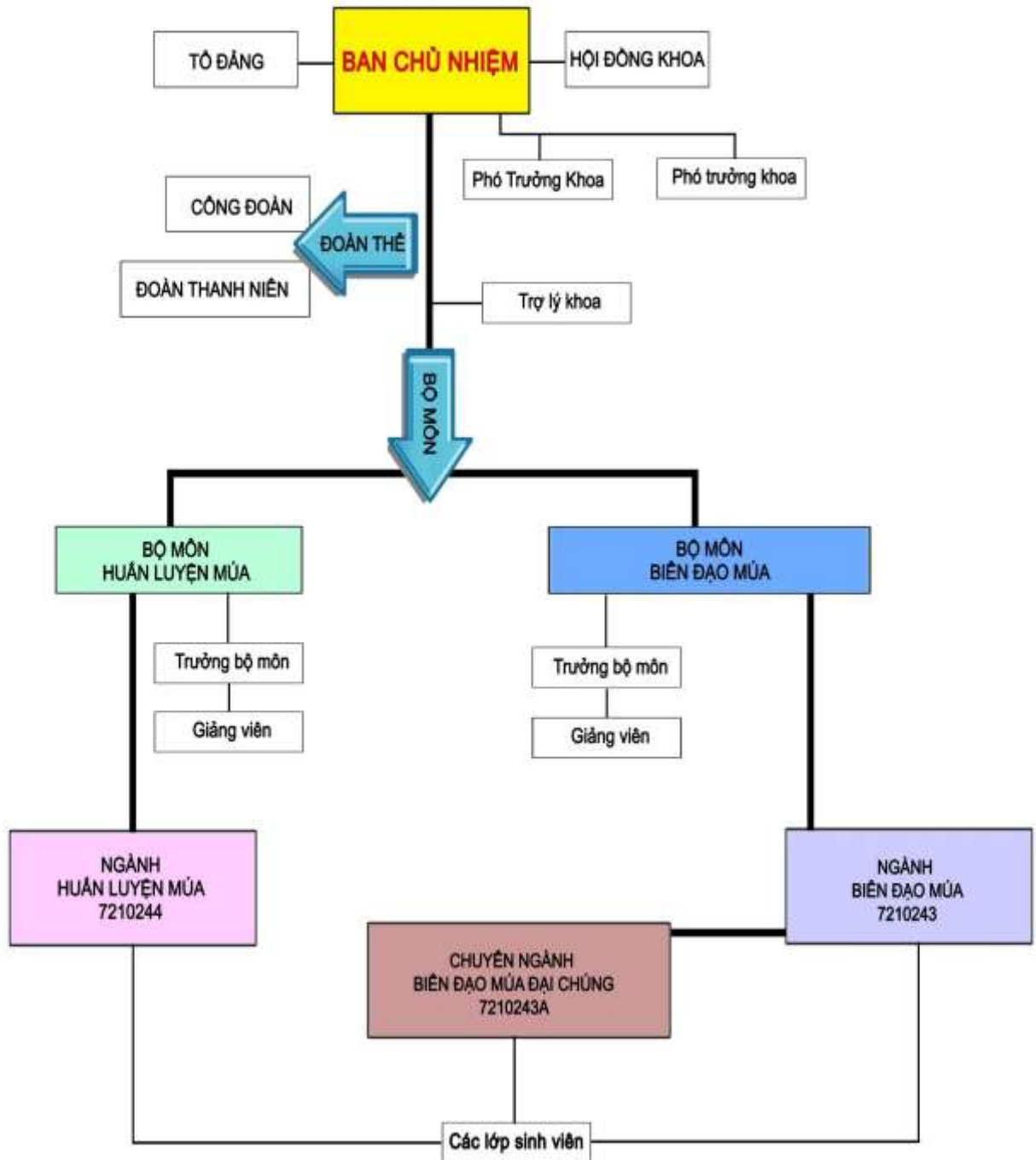
- SV Nguyễn Thu Thảo (BĐM đại chúng K41): Giải ba, cuộc thi Trbal Fusion giải Unlittmed bellydance competitino năm 2022.

Với sự đổi mới trong lĩnh vực đào tạo, tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã kết hợp mời các chuyên gia múa từ các nước:Thụy Điển, Úc, Nhật, Italia, Singapore... tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn để SV được tiếp cận với các phương pháp, giảng dạy và học tập tiên tiến, đa học thuật.

Khoa Múa đang được tiếp thêm sức mạnh với thế hệ GV trẻ chính là những SV xuất sắc của Khoa được giữ lại trường hoặc đã từng có thời gian công tác tại các nhà hát như: ThS. Phùng Quang Minh; ThS. Hoàng Kim Anh; NSUT.ThS. Lưu Thị Thu Lan; ThS. Nguyễn Thị Thùy Châu; ThS. Ngô Thị Thùy Trang... cùng với những GV thỉnh giảng đã nhiều năm gắn bó: NSND. Nguyễn Công Nhạc; NSND.TS. Phạm Anh Phương; PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh; NGND. Phạm Minh Phương; NGUT. Nguyễn Mai Hương là những chuyên gia đầu ngành có nhiều thành tựu về giảng dạy và sáng tạo để cùng đội ngũ GV cơ hữu của Khoa luôn vững vàng về kiến thức nghề nghiệp, tự tin, nhiệt huyết, có trách nhiệm với sứ mạng đào tạo, tận tâm truyền dạy là niềm tin cho sự tồn tại và phát triển vững bền của Khoa Múa.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

SƠ ĐỒ CƠ CẤU KHOA MÚA



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT:

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND. Nguyễn Đình Thi, Hiệu trưởng
- TS. Phạm Đắc Thi, Phó Hiệu trưởng
- TS. Phạm Trí Thành, Chủ tịch Hội đồng trường

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- ThS. Phùng Quang Minh, Phó Trưởng Khoa Múa.
- ThS. Hoàng Kim Anh, Phó Trưởng Khoa Múa.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS.NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Phó Hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
3	Chủ tịch Hội đồng trường	Phạm Trí Thành	1966	TS	0906100882	phantrithanhts@gmail.com
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Phó Trưởng Khoa	Phùng Quang Minh	1964	ThS	0913225818	quangminhskda@gmail.com
2.	Phó Trưởng Khoa	Hoàng Kim Anh	1981	ThS	0914885858	kimanh81.hn@gmail.com
II.Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS.NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2.	Chủ tịch Công đoàn trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3.	Bí thư ĐTNCSHCM	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III.Các phòng, ban						
1.	Trưởng Phòng ĐTQLKH và HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2.	Trưởng Phòng CTHSSV	Trần Thị Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com
3.	Trưởng Phòng HCTH	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	TS	0906113599	nguyenhienskda@gmail.com
4.	Trưởng Phòng KT&ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
IV.Các bộ môn						
1.	Trưởng Bộ môn BDM	Lưu Thị Thu Lan	1973	ThS	0913305166	lanmua@yahoo.com
2.	Trưởng Bộ môn Huấn Luyện Múa	Nguyễn Thị Thùy Châu	1984	ThS	0904799336	Chau.nguyenthuy1234@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 03

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

- Ngành BDM tại chức

- (Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): ☐ ☐

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến thời điểm 6/2022)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	1	7	08
I.1	Đội ngũ trong biên chế	1	6	07
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	1	1
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	8	7	15
	Tổng số	10	26	31

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.=

34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư (NSND/NSUT)	5	0	0	0	5	0
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	4	0	0	0	3	0
5	Thạc sĩ	25	5	1	2	17	0
6	Đại học	4	1	0	0	3	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	38	6	1	2	28	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh Khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 08/159 người

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ Khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6	1	0	0	5	0	4
5	Thạc sĩ	1	22	5	0	2	15	0	8,6
6	Đại học	0,3	1	1	0	0	0	0	0,3
	Tổng		29	7	0	2	20	0	12,9

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*c

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	6	75,0	1	5	0	4	1	1	0
6	Đại học	2	25,0	0	2	0	2	0	0	0
	Tổng	8		1	7		6	1	1	

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 01/08 người

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 05/08 người

36.4. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ đại học trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 01/08 người

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	30%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	40%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30%	30%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. NH (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

38. NH bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2018 -2019	12	12	0	08	18.78	22.22	0
2019 - 2020	03	03	0	03	20.92	21.25	0
2020 -2021	09	09	0	07	20.16	21.75	0
2021 - 2022	13	13	0	11	20.96	22.65	0
2022 - 2023	08	08	0	08	21.00	22.68	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019 -2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	12	03	09	13	08
Hệ không chính quy					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019 -2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH					

41. NH của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4800	4800	4800	4800	4800
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	3	4	3	2	4
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	4 m ²	4 m ²	4 m ²	4 m ²	4m ²

42. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

	Năm học				
	2018-2019	2019 - 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV					

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019 - 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	12	06	07	04	02
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019 - 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	12	6	2	8	8
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	80%	80%	70%	80%	80%
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	80%	80%	80%	80%	80%
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	10%	10%	10%	10%	10%
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	10%	10%	10%	10%	10%
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	80%	80%	80%	80%	80%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019 - 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	70%	70%	70%	70%	70%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	80%	80%	80%	80%	80%
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	20%	20%	20%	20%	20%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.	5 triệu	5 triệu	6 triệu	6 triệu	8 triệu
5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	70%	70%	70%	70%	70%
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	30%	30%	30%	30%	30%
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	10%	10%	10%	10%	10%

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2018-2019	2019-2020	2020 - 2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	1	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	2	2	2	0	4.0
	Tổng							4.0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 3.5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 3.5/08

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	54 triệu VNĐ/03 người
3	2020	0	0	36 triệu VNĐ/02 người
4	2021	0	0	36 triệu VNĐ/02 người
5	2022	0	0	54 triệu VNĐ/03 người

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	9	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	4	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	2	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	0	3

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 2

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/08

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	2	0	9
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0	4

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	1	0	1
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	2	3	0	2,5
	Tổng							3,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 6

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 06/08

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	1	5
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	3

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng							0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục (CSGD) vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/08

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54.Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018 - 2019	0
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021- 2022	0
2022 - 2023	0

55.Nghiên cứu khoa học của NH

55.1.Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	9	0
Tổng số NH tham gia	0	0	4	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2.Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 50

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):.....

Nơi làm việc: 35 Nơi học: 11.257 (trong đó có 6682 m² phòng học và 4575 m² phòng thực hành)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6682
- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 8,77/1

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 2212

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 1310

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5
- Dùng cho NH học tập: 100

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 100/146

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 08

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 12,5%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 75%

2. NH:

Tổng số NH chính quy (người): 27

Tỷ số NH chính quy trên GV: 3.38/1

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100%

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: Tốt

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo

ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho

công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 80%

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 20%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 5 triệu VNĐ

5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80%

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 20%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,5/08

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/08 Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 06/08

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/08

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 0.68/1 Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 8,77/1

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 4 m²/1

CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH BDM

Bảng 1: Mục tiêu CTĐT (MTCTĐT) các năm

MTCTĐT BDM Năm 2018	MTCTĐT BDM Năm 2023
Mục tiêu của CTĐT ngành BDM: Nắm được quy luật động tác Múa, Mô tuýp chủ đạo. Đáp ứng sứ mạng: “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” và tầm nhìn của nhà trường: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội sẽ là một trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu. Tiến tới trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu – điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN”. SV học ngành BDM có Khối kiến thức giáo dục đại cương. Khối kiến thức cơ sở ngành. Khối kiến thức chuyên ngành. Có khả năng tư duy biên đạo có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thủ pháp sáng tạo, xây dựng chương trình nghệ thuật, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến BDM nói riêng và ngành múa nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành BDM có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng tư duy biên đạo, có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thủ pháp sáng tạo, xây dựng chương trình nghệ thuật, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến BDM nói riêng và ngành múa nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Bảng 2: Kết quả khảo sát của các BLQ đối với mục tiêu của CTĐT

Mức độ đồng ý với Mục tiêu CTĐT BDM	NTD	Cựu SV	SV	GV
Rất không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Không đồng ý	0%	0%	0%	0%
Phân vân	6%	4%	0%	0%
Đồng ý	15%	20%	30%	10%
Rất đồng ý	79%	76%	70%	90%

Bảng 3: CDR CTĐT ngành BDM các năm

Năm 2015	Năm 2018	Năm 2023
CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể: 1. Nắm vững các phương pháp sáng tác, các cấu trúc xây dựng tác phẩm từ ít người đến đông người, từ kết cấu hình thức và nội dung Múa Solo, DuO, Trio, tập thể các hình thức Tổ khúc múa, thơ múa ... 2. Các phương pháp sáng tác thủ pháp nghệ thuật, có đầy đủ các kỹ năng, Kiến thức và ý thức	CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể: a. Về mặt kiến thức nhằm trang bị cho SV những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện về hệ thống động tác, ngôn ngữ động tác, tính chất, phong cách, nét văn hoá đặc trưng của các ngôn ngữ múa dân gian dân tộc, múa cổ điển châu Âu, múa hiện đại, múa truyền thống... - Các kiến thức về: Phương pháp huấn luyện múa dân gian dân tộc; Phương pháp huấn luyện múa cổ điển châu Âu; Phương pháp huấn luyện múa hiện đại. - Cách tiếp cận đề	CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể: a. Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành BDM hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về múa và BDM, hiểu biết

nghề nghiệp sâu sắc đáp ứng được nhu cầu xã hội, như chương trình ca Múa nhạc, lễ hội ...	tài, hình thức, thể loại múa và phương pháp tư duy sáng tạo. - Các kiến thức chuyên sâu về: Nghệ thuật BDM; Kết cấu múa dân gian dân tộc; Kết cấu múa cổ điển châu Âu. - Các chuyên đề liên quan đến ngành BDM, đạo diễn chương trình nghệ thuật. b. Về mặt kỹ năng: Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện và các kiến thức chuyên ngành để thực hiện biên đạo tác phẩm múa. Có những kỹ năng cơ bản về lập báo cáo bằng các phương tiện khác nhau; thuyết trình, giải thích và thuyết phục người khác về những nội dung, giải pháp để thực hiện các ý tưởng trong lĩnh vực chuyên ngành. Có năng lực tham gia vào tổ chức các chương trình nghệ thuật, sự kiện, lễ hội. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. Có thể thực hiện tốt công việc trong nhiều vai trò khác nhau. Biên đạo tác phẩm múa, đạo diễn, dàn dựng chương trình nghệ thuật. Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các	phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành BDM: hệ thống những kiến thức kỹ năng về sáng tạo, phương pháp tư duy và các thủ pháp sáng tạo, phương pháp xử lý không gian sân khấu, phương pháp xử lý đạo cụ, xây dựng được hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa... với đầy đủ các hình thức, nội dung, thể loại vào nghiên cứu và ứng dụng cũng như phát triển hoạt động nghề nghiệp. b. Về mặt kỹ năng: Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CDR ngành BDM xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp SV phải đạt được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có kỹ năng sáng tạo múa. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm, trao đổi kiến thức và học hỏi kinh nghiệm cũng được chú trọng trong CDR
--	--	---

	nhiệm vụ ngành. c. Về thái độ: 1. Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật. 2. Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp. 3. Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ. d. Về vị trí của NH sau khi tốt nghiệp: 1. Đảm nhận công việc BDM ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp. 2. Tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, sự kiện, lễ hội, nghệ thuật Sân khấu. 3. Có thể tham gia vào công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; BDM tại các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc. e. Vị trí của NH sau khi tốt nghiệp: 1. Tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên	ngành BDM. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CDR ngành BDM cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật trong sáng tạo nghề nghiệp BDM. c. Về mức tự chủ và trách nhiệm: CDR cuối cùng SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành BDM, xác định được tác động giữa người sáng tạo các tác phẩm múa là 1 hoạt động nghề nghiệp nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. CDR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định
--	--	---

	nghệ của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; giáo viên các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc. 2. Đảm nhận công việc tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, sự kiện, lễ hội. 3. Đảm nhận vai trò huấn luyện, biên đạo dàn dựng tác phẩm múa ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp. f. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: 1. Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Huấn luyện múa, SV có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường ĐHSKĐAHN. 2. Tham gia các khoá học ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CDR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. d. Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM SV có thể đảm nhận công việc sáng tạo các tác phẩm múa cho mọi lứa tuổi và đối tượng. Nhờ vào độ thực tiễn của CTĐT, SV có thể nhanh chóng từng bước tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp; chịu được áp lực công việc, có khả năng làm việc độc lập tại các trung tâm đào tạo múa hay các nhà hát, đoàn nghệ thuật, trung tâm văn hóa
--	--	---

		thể thao & du lịch. CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập thực hành, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Khoa Múa còn thực hiện việc khảo sát NTD, các GV là các nhà chuyên môn, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng.
--	--	--

Bảng 4: Đối sánh CĐR các năm

Nội dung đối sánh	CĐR năm 2015	CĐR năm 2018	CĐR năm 2023
Giống nhau	1. Nắm vững các phương pháp sáng tác, các cấu trúc xây dựng tác phẩm từ ít người đến đông người, từ kết cấu hình thức và nội dung Múa Solo, DuO, Trio, tập thể các hình thức Tổ khúc múa, thơ múa ... 2. Các phương pháp sáng tác thủ pháp nghệ thuật, có đầy đủ các kỹ năng, Kiến thức và ý thức nghề nghiệp sâu sắc đáp ứng được nhu cầu xã hội, như chương trình ca Múa nhạc, lễ hội ... - Các kiến thức về: Phương pháp huấn luyện múa dân gian dân tộc; Phương pháp huấn luyện múa cổ điển châu Âu; Phương pháp huấn luyện múa hiện đại. - Cách tiếp cận đề tài, hình thức, thể loại múa và phương pháp tư duy sáng tạo. Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.	1. Nắm vững các phương pháp sáng tác, các cấu trúc xây dựng tác phẩm từ ít người đến đông người, từ kết cấu hình thức và nội dung Múa Solo, DuO, Trio, tập thể các hình thức Tổ khúc múa, thơ múa ... 2. Các phương pháp sáng tác thủ pháp nghệ thuật, có đầy đủ các kỹ năng, Kiến thức và ý thức nghề nghiệp sâu sắc đáp ứng được nhu cầu xã hội, như chương trình ca Múa nhạc, lễ hội ... - Các kiến thức về: Phương pháp huấn luyện múa dân gian dân tộc; Phương pháp huấn luyện múa cổ điển châu Âu; Phương pháp huấn luyện múa hiện đại. - Cách tiếp cận đề tài, hình thức, thể loại múa và phương pháp tư duy sáng tạo. Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.	1. Nắm vững các phương pháp sáng tác, các cấu trúc xây dựng tác phẩm từ ít người đến đông người, từ kết cấu hình thức và nội dung Múa Solo, DuO, Trio, tập thể các hình thức Tổ khúc múa, thơ múa ... 2. Các phương pháp sáng tác thủ pháp nghệ thuật, có đầy đủ các kỹ năng, Kiến thức và ý thức nghề nghiệp sâu sắc đáp ứng được nhu cầu xã hội, như chương trình ca Múa nhạc, lễ hội ... - Các kiến thức về: Phương pháp huấn luyện múa dân gian dân tộc; Phương pháp huấn luyện múa cổ điển châu Âu; Phương pháp huấn luyện múa hiện đại. - Cách tiếp cận đề tài, hình thức, thể loại múa và phương pháp tư duy sáng tạo. Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

	Đảm nhận công việc BDM ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp. Tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; giáo viên các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc. Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM, SV có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường ĐHSKĐAHN.	Đảm nhận công việc BDM ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp. Tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; giáo viên các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc. Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Huân luyện múa, SV có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường ĐHSKĐAHN.	Đảm nhận công việc BDM ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp. Tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; giáo viên các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc. Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM, SV có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường ĐHSKĐAHN.
Khác nhau	Không có	CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập thực hành, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương	CDR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập thực hành, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương

Bảng 5: Đối sánh về Bản mô tả CTĐT ngành BDM

Bản mô tả CTĐT năm 2018	Bản mô tả CTĐT năm 2023
CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể: a. Về mặt kiến thức nhằm trang bị cho SV những kiến thức về lý thuyết và thực hành một cách có hệ thống, toàn diện về hệ thống động tác, ngôn ngữ động tác, tính chất, phong cách, nét văn hoá đặc trưng của các ngôn ngữ múa dân gian dân tộc, múa cổ điển châu Âu, múa hiện đại, múa truyền thống... - Các kiến thức về: Phương pháp huấn luyện múa dân gian dân tộc; Phương pháp huấn luyện múa cổ điển châu Âu; Phương pháp huấn luyện múa hiện đại. - Cách tiếp cận đề tài, hình thức, thể loại múa và phương pháp tư duy sáng tạo. - Các kiến thức chuyên sâu về: Nghệ thuật BDM; Kết cấu múa dân gian dân tộc; Kết cấu múa cổ điển châu Âu. - Các chuyên đề liên quan đến ngành BDM, đạo diễn chương trình nghệ thuật. b. Về mặt kỹ năng: Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện và các kiến thức chuyên ngành để thực hiện biên đạo tác phẩm múa. Có những kỹ năng cơ bản về lập báo cáo bằng các phương tiện khác nhau; thuyết trình, giải thích và thuyết phục người khác về những nội dung, giải pháp để thực hiện các ý tưởng trong lĩnh vực chuyên ngành. Có năng lực tham gia vào tổ chức các chương trình nghệ thuật, sự kiện, lễ hội. Nhanh chóng thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp; có khả năng chịu được áp lực công việc cao. Có thể thực hiện tốt công việc trong nhiều vai trò khác nhau. Biên đạo tác phẩm múa, đạo diễn, dàn dựng chương trình	CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể: a. Về mặt kiến thức: Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ngành BDM hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp. Những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến các kiến thức và kỹ năng về múa và BDM, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành BDM: hệ thống những kiến thức kỹ năng về sáng tạo, phương pháp tư duy và các thủ pháp sáng tạo, phương pháp xử lý không gian sân khấu, phương pháp xử lý đạo cụ, xây dựng được hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm múa... với đầy đủ các hình thức, nội dung, thể loại vào nghiên cứu và ứng dụng cũng như phát triển hoạt động nghề nghiệp. b. Về mặt kỹ năng: Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CĐR ngành BDM xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp SV phải đạt

nghệ thuật.

Có khả năng tư duy, tìm kiếm, tổng hợp các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý thông tin để thực hiện các nhiệm vụ ngành.

c. Về thái độ:

1. Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các quy định liên quan đến lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

2. Phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, dễ hòa nhập với môi trường làm việc. Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

3. Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao trình độ, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

d. Về vị trí của NH sau khi tốt nghiệp:

1. Đảm nhận công việc BDM ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp.

2. Tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, sự kiện, lễ hội, nghệ thuật Sân khấu.

3. Có thể tham gia vào công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; BDM tại các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc.

e. Vị trí của NH sau khi tốt nghiệp:

1. Tham gia công tác giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp của trung ương và địa phương có đào tạo ngành múa; giáo viên các trung tâm văn hoá nghệ thuật trên toàn quốc.

2. Đảm nhận công việc tổ chức các dự án thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, sự kiện, lễ hội.

3. Đảm nhận vai trò huấn luyện, biên đạo dàn dựng tác phẩm múa ở các nhà hát, các đoàn nghệ thuật chuyên

được như sau: Sau khi tốt nghiệp, SV có kỹ năng sáng tạo múa. Bên cạnh đó, kỹ năng làm việc nhóm, trao đổi kiến thức và học hỏi kinh nghiệm cũng được chú trọng trong CDR ngành BDM. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật các kỹ năng mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CDR ngành BDM cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật trong sáng tạo nghề nghiệp BDM.

c. Về mức tự chủ và trách nhiệm:

CDR cuối cùng SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành BDM, xác định được tác động giữa người sáng tạo các tác phẩm múa là 1 hoạt động nghề nghiệp nghệ thuật với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. CDR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động

nghề nghiệp. f. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: 1. Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM, SV có thể đăng ký tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ ngành Nghệ thuật Sân khấu tại Trường ĐHSKĐAHN. 2. Tham gia các khoá học ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. d. Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành BDM SV có thể đảm nhận công việc sáng tạo các tác phẩm múa cho mọi lứa tuổi và đối tượng. Nhờ vào độ thực tiễn của CTĐT, SV có thể nhanh chóng từng bước tiếp cận với môi trường làm việc chuyên nghiệp; chịu được áp lực công việc, có khả năng làm việc độc lập tại các trung tâm đào tạo múa hay các nhà hát, đoàn nghệ thuật, trung tâm VH TT & DL. CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành BDM được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập thực hành, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp. Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CĐR ở mức độ khá cao theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Khoa Múa còn thực hiện việc khảo sát NTD, các GV là các nhà chuyên môn, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CĐR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy các đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CĐR đáp ứng được yêu cầu NH cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng.
---	---

Bảng 6: Cấu trúc ĐCCT học phần được thể hiện qua CTĐT BDM của các năm 2018 và 2023

Nội dung		Năm 2018	Năm 2023
Tổng số tín chỉ		146	148
Tổng số học phần		8	8
Số tín chỉ bắt buộc/tự chọn		146	148
Số học phần bắt buộc/tự chọn		8	8

Bảng 7: Đánh giá của cựu NH về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2018

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
ĐCCT học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CDR của từng học phần?	Số lượng						
	Tỷ lệ	15%	0%	20%	65%	0%	
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CDR của từng học phần	Số lượng						
	Tỷ lệ	17%	0%	15%	68%	0%	
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	23%	0%	16%	61%	0%	
	Số lượng						
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	11%	0%	19%	70%	0%	
	Số lượng						

Bảng 8: Đánh giá của NH về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2018, 2023

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
ĐCCT học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CDR của từng học phần?	Số lượng						
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	0%	100%	
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CDR của từng học phần	Số lượng						
	Tỷ lệ	0%	0%	0%	4%	96%	
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	0%	0%	0%	10%	90%	
	Số lượng						
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	0%	0%	0%	20%	80%	
	Số lượng						

Bảng 9: Đánh giá của GV về các vấn đề liên quan đến ĐCCT học phần năm 2023

Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
ĐCCT học phần cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung; phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra đánh giá giúp NH đạt được mục tiêu/ CĐR của từng học phần?	Số lượng						
	Tỷ lệ	0%	0%	6%	2%	92%	
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với CĐR của từng học phần	Số lượng						
	Tỷ lệ	0%	0%	4%	10%	86%	
GV áp dụng các phương pháp giảng dạy giúp NH phát triển và hoàn thiện các kỹ năng mềm thiết yếu	Tỷ lệ	0%	0%	5%	5%	90%	
	Số lượng						
Hoạt động dạy và học khuyến khích NH chủ động tự học và khám phá tri thức	Tỷ lệ	0%	0%	4%	16%	80%	
	Số lượng						

Bảng 10: Thống kê khả năng đáp ứng công việc của SV sau khi tốt nghiệp

STT	Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kém	0	0%
2	Trung bình	0	0%
3	Khá	5	45.5%
4	Tốt	5	45.5%
5	Rất tốt	1	9%
	Tổng cộng	11	100%

Bảng 11. Đánh giá của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp (SVTN)

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Kỹ năng mềm của SV tốt nghiệp (SVTN)									
1	Kỹ năng giao tiếp (với khán giả, đồng nghệ,...)	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
2	Kỹ năng làm việc nhóm	0	0%	3	27.3 %	5	45.5%	3	27.3%	
3	Kỹ năng thuyết trình	0	0%	2	18.2 %	6	54.5%	3	27.3%	
4	Kỹ năng lắng nghe	0	0%	1	9 %	8	72.7%	2	18.2%	
5	Kỹ năng quan sát	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
6	Tác phong (chuẩn mực đạo đức, hành vi, cách cư xử,...)	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
	Năng lực chuyên môn									
7	Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác chuyên môn	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
8	Năng lực làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động của cơ quan đơn vị được tuyển dụng.	0	0%	1	9 %	7	63.6%	3	27.3%	
9	Năng lực sử dụng các phương tiện hỗ trợ công tác (máy quay phim, thiết bị phục vụ biểu diễn...)	0	0%	5	45.5 %	5	45.5%	1	9%	

TT	Nội dung	Chưa đáp ứng		Đáp ứng một phần		Đáp ứng tốt		Đáp ứng rất tốt		Tổng cộng
10	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.	0	0%	3	27.3 %	5	45.5%	3	27.3%	
Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh										
11	Năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác.	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
12	Năng lực phối hợp với đồng nghiệp để triển khai công việc.	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
Năng lực phát triển cá nhân										
13	Năng lực tham gia các hoạt động xã hội	0	0%	2	18.2 %	5	45.5%	4	36.4%	
14	Năng lực tự đánh giá kết quả làm việc của bản thân	0	0%	2	18.2 %	5	45.5%	4	36.4%	
15	Năng lực tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
16	Năng lực thích nghi với môi trường làm việc	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
17	Khả năng chịu áp lực với công việc	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
Thái độ làm việc										
18	Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
19	Năng động, sáng tạo trong công việc	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
20	Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
21	Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
22	Kỹ năng mềm	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
23	Kiến thức xã hội	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	
24	Kiến thức chuyên môn	0	0%	1	9 %	5	45.5%	5	45.5%	

Bảng 12: Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT BDM áp dụng từ khóa năm 2018-2019

Khối kiến thức	Khóa 2019		Khóa 2023	
	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ	Số tín chỉ/ số đơn vị học phần	Tỷ lệ
Giáo dục đại cương	48	48%	37	37%
Cơ sở nhóm ngành	0	0%	0	0%
Cơ sở ngành	21	21%	21	21%
Chuyên ngành	77	77%	80	80%
Bổ trợ	0	0%	0	0%
Thực hành, Thực tập nghề nghiệp	10	10%	0	0%
Khóa luận tốt nghiệp	10	10%	12	12%
Tổng	166		150	

Bảng 13: Đánh giá của NH về sự phù hợp và tính hiệu quả của các hoạt động dạy học trong ĐCCT học phần và CTĐT ngành BDM năm học 2022 (cho Khoa chọn ít nhất 1 năm học)

Câu hỏi	Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
Câu 1	GV (GV) có tác phong sư phạm chuẩn mực.	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	
Câu 2	GV nhiệt tình hỗ trợ SV trong học tập và NCKH.	Số lượng	0	0	0	1	6	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	14.3%	85.7%	
Câu 3	GV có năng lực chuyên môn tốt	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	
Câu 4	GV có phương pháp truyền đạt cuốn hút, dễ hiểu.	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	
Câu 5	GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	
Câu 6	GV sử dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, phát huy	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	

Câu hỏi	Nội dung		Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý	Tổng
	tính tích cực của NH.							
Câu 7	GV tạo động lực để thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu của SV.	Số lượng	0	0	0	0	7	
		Tỷ lệ %	0%	0%	0%	0%	100%	
Câu 8	Hoạt động giảng dạy của GV gắn với định hướng nghề nghiệp cho SV.	Số lượng						

Bảng 14: Thống kê tình hình nhập học của NH năm thứ nhất
(từ năm 2018 đến 2023)

Năm học	Ứng viên			
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Điểm chuẩn	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm
2018-2019	12	12	18.00	18.78
2019-2020	03	03	19.00	20.92
2020-2021	09	09	19.00	20.16
2021-2022	13	13	19.00	20.96
2022-2023	08	08	20.00	21.00

Bảng 15: Thống kê số NH đang học CTĐT ngành BDM
(từ năm 2018 đến năm 2023)

Năm học	NH					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2018-2019	37	23	23	23		106
2019-2020	21	20	20	19		80
2020-2021	22	21	21	20		84
2021-2022	29	25	25	24		103
2022-2023	28	27	27	26		108

Bảng 16. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSKĐAHN

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Sách	2675 / 29437 cuốn sách	2690/ 29452 cuốn sách	2710/ 29472 cuốn sách	2727/ 29489 cuốn sách	2752/ 29514 cuốn sách
Khóa luận tốt nghiệp	2.521	2.721	3.052	3.325	3.574

Bảng 17. Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV ngành BDM từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023.

Khóa	Tổng số SV toàn khóa	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học trong năm thứ				
					1	2	3	4	Tổng
K35 (2015 - 2019)	06	100	4	0	0	0	0	0	0
K36 (2016 - 2020)	06	100	4	0	0	0	0	0	0
K37 (2017 - 2021)	07	100	4	0	0	0	0	0	0
K38 (2018 - 2022)	04	100	4	0	0	0	0	0	0
K39 (2019 - 2023)	02	100	4	0	0	0	0	0	0

* Số liệu tính đến thời điểm tháng 08/2023

Bảng 18. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	0	0	0	1
3	Tiến sĩ	1	1	0	5
4	Thạc sĩ	6	5	2	10
5	Đại học	2	2	0	2
6	Tổng số	9	8	2	18

Bảng 19. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

ST T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
			(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	1	12.5	1	0	0	0	0	0	1
4	Thạc sĩ	5	62,5	1	4	0	3	1	1	0
5	Cử nhân	2	25.0	0	2	0	1	1	0	0
	Tổng	08	100%	2	6	0	4	2	1	1

Bảng 20. Tỷ lệ GV/SV của ngành BDM

Năm học	Tổng số GV cơ hữu ngành BDM	Tổng số SV ngành BDM	Tỷ lệ GV/SV ngành BDM
2018-2019	07	22	1/3.20
2019-2020	07	22	1/3.20
2020-2021	07	20	1/2.85
2021-2022	08	41	1/5.85
2022-2023	08	41	1/5.85

Ghi chú: GV cơ hữu ngành BDM tính theo số lượng GV cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT BDM

Bảng 21. Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa Múa (2018-2023)

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Các giải thưởng
2018-2019	1	0	1	0
2019-2020	1	1	1	0
2020-2021	1	0	1	0
2021-2022	1	0	1	0
2022-2023	1	0	1	0

Bảng 22. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa Múa (2018 - 2023).

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2018-2019	0	0	0	0
2019-2020	2	0	0	2
2020-2021	2	0	0	2
2021-2022	3	0	0	3
2022-2023	2	0	0	2
Tổng số	7	0	0	9

Bảng 23. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Múa (2018 - 2023)

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	1	1
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	1	4	2,5

*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GSNN

**Bảng 24. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa Múa
giai đoạn 2018-2023**

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2018-2019	586/người	4.090/ 06 người	
2019-2020	586/người	3.770/ 06 người	
2020-2021	586/người	4.090/ 06 người	
2021-2022	586/người	4.090/ 06 người	
2022-2023	586/người	4.090/ 06 người	

DANH MỤC MINH CHỨNG SỬ DỤNG TRONG TĐG VÀ VIẾT BÁO CÁO TĐG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Các văn bản quy định trong việc xây dựng CTĐT BDM	-TT Số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015 - Luật Giáo dục Số 08/2012/QH13 ngày 06/08/2012 - Luật giáo dục Số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
			- Thông tư 07: Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu.		BGD&ĐT	
			Luật giáo dục ĐH 2012		Quốc hội	
			- Luật giáo dục 2015			
	2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H1.01.01.03	Mục tiêu đào tạo chương trình BDM	Ban hành kèm theo Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN, ngày 26/7/2018	Trường ĐHSKĐAHN	
	4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình BDM trước năm 2018	Ban hành kèm theo Quyết định số../QĐ-SKĐAHN, ngày ../...../20.....	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	5	H1.01.01.05	Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành BDM.	Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các GV thực hiện.	Khoa Múa	

	6	H1.01.01.06	Công văn lấy ý kiến các BLQ về CTĐT BDM	Phiếu khảo sát thông tin (trong chu kỳ đánh giá từ năm 2018-2023)	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	7	H1.01.01.07	Kết quả lấy ý kiến phản hồi các BLQ	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các BLQ (30/07/2022).	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01.	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Kế hoạch số 558/KH-SKĐAHN ngày 30/8/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H1.01.02.02.	- Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần; ma trận các kỹ năng - Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2018	Giai đoạn 2018 - 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H1.01.02.03.	Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2018	Trích bản mô tả CTĐT.	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT H1.01.02.02.DC
	5	H1.01.02.04	Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà chuyên môn, cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến Khoa Múa (ngành BDM)	Giai đoạn 2018 - 2023	Khoa Múa	Khoa Múa
			Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm và chất lượng khóa học dành cho cựu SV ngành BDM từ năm 2018 – 2023	Thư ngỏ của Nhà trường gửi các cựu SV kèm phiếu khảo sát	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
Tiêu chí 1.3	1	H1.01.03.01	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	2	H1.01.03.02	Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTĐT	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	3	H1.01.03.03	Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực ngành BDM trên thị trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	4	H1.01.03.04	Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên	Giai đoạn 2018-2023	Trường	

			gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các NTD.		ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
	5	H1.01.03.05	Quyết định ban hành, Biên bản họp rà soát CTĐT.	Biên bản họp 25/4/2018	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT H1.01.02.01
	6	H1.01.03.06	Sổ tay SV; đường link website để xem các thông tin về CĐR	http://skda.edu.vn/	Trường ĐH SKĐA HN	Website Trường
Tiêu chuẩn 2						
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01	- Các văn bản liên quan đến việc triển khai hoạt động cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT - CTĐT trước năm 2018 và CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến CTĐT BDM.	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT H1.01.02.01
	2	H2.02.01.02	Bản mô tả CTĐT BDM	Quyết định số ngày tháng	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
	3	H2.02.01.03	Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành BDM trước và sau điều chỉnh năm 2018	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
	4	H2.02.01.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các BLQ đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	B/bản họp năm 2018. Báo cáo của Khoa ngày 31/01/2018. Giấy đề nghị thông qua các nội dung sửa đổi CTĐT ngày 27/2/2018	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01	Quy trình xây dựng đề cương môn học	Mẫu thiết kế ĐCCT.	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
	2	H2.02.02.02	CTĐT ngành BDM.	Quyết định số 118/QĐ-SKĐA HN ngày 31/10/2018	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
	3	H2.02.02.03	ĐCCT các môn học/ học phần thuộc ngành	Giai đoạn 2018-2023	Trường	Phòng

			BĐM		ĐH SKĐA HN	ĐT QLKH & HTQT Khoa Múa
	4	H2.02.02.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các BLQ đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐT QLKH & HTQT Khoa Múa H2.02.01.04
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01	Website của Trường http://skda.edu.vn/	Web Trường	Trường ĐH SKĐA HN	Ban Quản trị website
	2	H2.02.03.02	Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị); thông báo về các thông tin thay đổi CTĐT BĐM cho chương trình học BĐM và Huấn luyện múa từ 2 năm còn 1 năm ĐT chung.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐT QLKH & HTQT
	3	H2.02.03.03	Phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV (có mục hỏi về việc công bố đề cương môn học/ học phần) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của GV Khoa Múa	Trích kết quả phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV Khoa Múa	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng KT & ĐBCLGD
	4	H2.02.03.04	Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ	Quyết định số ngày tháng	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chuẩn 3						
Tiêu chí 3.1	1	H3.03.01.01	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng CTDH (Biên bản họp Khoa, biên bản họp với Phòng ĐT QLKH & HTQT).	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐT QLKH & HTQT
	2	H3.03.01.02	Bản tổng hợp góp ý của các BLQ về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
	3	H3.03.01.03	ĐCCT các môn học/ học phần thuộc ngành BĐM	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa;

						Phòng ĐTQLKH&HTQT
	4	H3.03.01.04	Ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	5	H3.03.01.05	Bản mô tả CTĐT; Sơ đồ cấu trúc CTDH trình độ CN ngành BDM năm 2018 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp - đồ án TN; Sơ đồ cấu trúc CTDH trình độ CN ngành BDM năm 2018 phân theo thời gian (học kỳ)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	6	H3.03.01.06	Bản mô tả học phần/ môn học	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	7	H3.03.01.07	Kế hoạch giảng dạy	Kế hoạch giảng dạy từng kỳ giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa, P.ĐTQLKH &HTQT	Trường ĐH SKĐA HN
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01	- Bản mô tả CTDH; - Bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H3.03.02.02	- ĐCCT các môn học; - Hồ sơ GV. - Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT

	3	H3.03.02.03	- KQHT của các khóa ngành BDM từ 2018-2023; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV;	Giai đoạn 2018-2023	Phòng ĐTQLKH & HTQT; Khoa Múa	Khoa Múa; Phòng KT&ĐBCLGD H2.02.03.03
Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01	- Bản mô tả CTĐH và bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ cấu trúc CTDH phân theo nội dung - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa H1.01.02.01
	2	H3.03.03.02	- Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTĐH. - Ma trận kỹ năng	23 ý kiến (các ý kiến đánh giá tương đối tốt).	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H3.03.03.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐH. Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành BDM trước và sau điều chỉnh năm 2018	Biên bản họp	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
Tiêu chuẩn 4						
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.01	- Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường ĐHSKĐAHN; Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT; Trang Website của Trường	Quyết định số 273/QQD-SKĐAHN ngày 31/3/2017 Ngày tháng năm rà soát	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT H1.01.02.01
	2	H4.04.01.02	- Bản mô tả CTĐH và bản mô tả môn học/học phần; ĐCCT các môn học sau năm 2018	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H4.04.01.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTĐH.	QĐ số 869/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019. QĐ số 873/QQD-SKĐAHN ngày	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT

			Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của ngành BDM trước và sau điều chỉnh năm 2018 - Quy trình xây dựng CTĐT tài năng ngành BDM.	20/8/2019. B/bản họp Khoa ngày 15/10/2019		
	4	H4.04.01.04	Tổng hợp ý kiến khảo sát của bên liên kiến khảo sát của các bên liên	Thời gian khảo sát	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa; Phòng ĐTQLKH&HTQT H2.02.01.04
	5	H4.04.01.05	Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CĐR, ĐCCT các môn học ngành BDM	Thông báo số 158/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa Phòng ĐTQLKH&HTQT H1.01.02.02
	6	H4.04.01.06	Hồ sơ GV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa Phòng ĐTQLKH&HTQT H3.03.01.07
	7	H4.04.01.07	Sổ tay SV, các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường; tờ rơi quảng bá về Trường trong các ngày hội tuyển sinh	Dùng chung MC H8.08.04.02 Dùng chung MC H8.08.04.03	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa Phòng ĐTQLKH&HTQT H3.03.01.07
	8	H4.04.01.08	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Trích kết quả của Khoa Múa	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01	- Các văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT; - Quy chế khảo thí; - CTĐT BDM	Giấy đề nghị ngày 23/10/2017 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021.	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H4.04.02.02	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy	Hồ sơ lưu trong giai đoạn tự đánh giá 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	3	H4.04.02.03	Hồ sơ GV	Hồ sơ lưu các năm từ 2018-2023	Trường	Bộ phận Tổ chức cán

					ĐH SKĐA HN	bộ Khoa Múa
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả CTĐT	Năm 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	5	H4.04.02.05	Bản đối sánh CTĐT trước và sau 2018	Năm 2021	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	6	H4.04.02.06	Danh sách GV, kế hoạch giảng dạy ngành BDM 2018-2023	Hồ sơ lưu các năm từ 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
	7	H4.04.02.07	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ	Hồ sơ lưu các năm từ 2018-2023	Khoa Múa	Khoa Múa
	8	H4.04.02.08	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của GV; sổ tay GV; nhật ký giảng dạy...	Giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa	Khoa Múa
	9	H4.04.02.09	Kết quả khảo sát phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	T/báo số 217/TB-SKĐA ngày 14/6/2019 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2018-2019 T/báo số 286/TB-SKĐA ngày 14/8/2020 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2019-2020 T/báo số 284/TB-SKĐA ngày 05/7/2021 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ II năm học 2020-2021	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa , Phòng KT&ĐBCLGD
	10	H4.04.02.10	ĐCCT các môn học	Phiên bản các năm trước và trong thời kỳ tự đánh giá (2015-2021).	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
	11	H4.04.02.11	Minh chứng được trích từ kết quả phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Trích phần của K.Múa	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa Phòng KT&ĐBCLGD
	12	H4.04.02.12	Thống kê danh sách SV ngành BDM đạt được các giải thưởng	Năm 2018-2023	Khoa Múa	Phòng CTHSSV

Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01	Bản mô tả CTĐT/ môn học/ học phần; đề cương chi tiết các môn học; Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp	Năm 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa H1.01.02.02
	2	H4.04.03.02	ĐCCT môn học	Phiên bản các năm 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	3	H4.04.03.03	Phản hồi của NH	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H4.04.03.04	Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCS HCM	Hình ảnh, bài viết giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	ĐTNCSHCM H4.04.01.07
	5	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của Ngành BDM được bổ sung qua các năm (2018-2023)	Thống kê danh sách	Trường ĐHKĐAHN	Trung tâm TTTV
	6	H4.04.03.06	Minh chứng liên quan đến hội thi Tài năng SV toàn quốc	Thông báo áp phíc của Khoa	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	7	H4.04.03.07	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	8	H4.04.03.08	Trích số liệu khảo sát việc làm của SV ngành BDM; ý kiến phản hồi của các BLQ (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới).	Trong giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng CTHSSV
Tiêu chuẩn 5						
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của ngành BDM. Đề án tuyển sinh riêng	Đề án TS từ năm 2018 đến 2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	2	H5.05.01.02	Thông báo tuyển sinh năm văn bằng 2		Trường ĐHKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT H8.08.02.2
	3	H5.05.01.03	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25);	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo	BGD&ĐT	

			Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá Quy định khảo thí	Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng BGD&ĐT. QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021 về việc ban hành Quy định công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT/ĐC chi tiết các môn học	Phiên bản các năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	5	H5.05.01.05	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp, văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp	Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng BGD&ĐT	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	BGD&ĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H5.05.02.02	Quy định của Trường ĐHSKĐAHN về kiểm tra, đánh giá (quy chế khảo thí). Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa Múa ;	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN tháng 02/2021 Trích bản mô tả CTĐT	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H5.05.02.03	ĐCCT môn học/ học phần	Các phiên bản trong thời gian đánh giá 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	4	H5.05.02.04	Sổ tay SV	Phiên bản các năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV; Khoa Múa
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động của GV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01	Quy chế đào tạo hiện hành; quy chế khảo thí;	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	BGD&ĐT Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

			Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021 Quyết định số 1324/QĐ-SKĐAHN ngày 30/12/2015		
	2	H5.05.03.02	Các minh chứng, ví dụ cụ thể về bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận của ngành BDM	Liệt kê bài tập, bài thuyết trình 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	3	H5.05.03.03	Biên bản các cuộc họp đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa Phòng ĐT QLKH&HTQT
	4	H5.05.03.04	Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa Phòng KT&ĐBCLGD
	5	H5.05.03.05	Quy chế khảo thí, đáp án kèm ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	6	H5.05.03.06	Các phiếu coi thi, chấm thi của ngành BDM	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐT QLKH&HTQT
Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Văn bản quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của NH về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Quy định về công tác khảo thí của trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐT QLKH&HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H5.05.04.02	Website, fanpage của Khoa/ Trường		Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	3	H5.05.04.03	Sổ tay SV		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	4	H5.05.04.04	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại Khoa Múa	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021 Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	5	H5.05.04.05	Thông báo công bố kết quả phản hồi của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Văn bản quy định về thời gian GV chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của NH về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H5.05.05.02	Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay SV	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa ; Phòng CTHSSV
	3	H5.05.05.03	Biên bản họp lớp, sổ tay chủ nhiệm	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
Tiêu chuẩn 6						
Tiêu chí 6.1	1	H6.06.01.01	Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030 (Quyết định số 644/QĐ-SKĐAHN ngày 15/12/2011); Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013) Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL (09/01/2014); Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)	Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDT ngày 09/1/2014 Quyết định số 544/QĐ- SKĐAHN ngày 15/12/2011. Quyết định số 644/QĐ- SKĐAHN ngày 15/12/2011; Kế hoạch tháng 5 năm 2013	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	2	H6.06.01.02	Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường	Quyết định số 1596/QĐ- BVHTTDT ngày 19/5/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (Tổ chức cán bộ)
	3	H6.06.01.03	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2015-2020 và 2020 -2025	Quyết định số 1135/QĐ- SKĐAHN ngày 30/11/2015	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (Tổ chức cán bộ)

	4	H6.06.01.04	Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch	Hướng dẫn số 61/HD-BCSD-BVHTTDT ngày 30/11/2012 Công văn số 40/CV-BCS Đảng BVHTTDT ngày 11/4/2017 Hướng dẫn số 28/HD-BCSD-BVHTTDT ngày 15/3/2017 Công văn số 5212/CV-BVHTTDT ngày 19/11/2018	BVHTTDT	Phòng HCTH (Tổ chức cán bộ)
	5	H6.06.01.05	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ) Khoa Múa
	6	H6.06.01.06	- Thống kê số lượng cán bộ, GV của ngành BDM trong 5 năm (2018-2023); Trong đó trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2018 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, GV được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
	7	H6.06.01.07	Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường (2018-2023) Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Trích thông tin của các GV Khoa Múa - ngành BDM	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
	8	H6.06.01.08	Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của GV giảng dạy ngành BDM	Có tổng hợp danh sách và chứng chỉ .	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
Tiêu chí 6.2	1	H06.06.02.01	Hồ sơ GV; danh sách sơ yếu lý lịch GV Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
	2	H6.06.02.02	Hồ sơ GV; danh sách sơ yếu lý lịch GV bộ môn Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)

	3	H6.06.02.03	Danh sách GV thỉnh giảng Khoa Múa - Ngành BDM	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ) Khoa Múa
	4	H6.06.02.04	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT ngày 23/9/2015	BGDĐT
	5	H6.06.02.05	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT ngày 16/12/2015	BGDĐT
	6	H6.06.02.06	Thông tư 47/2014/TT- BGDĐT ngày 31/12/2014	Thông tư số 47/2014/TT- BGDĐT ngày 31/12/2014 Quyết định 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	BGDĐT
	7	H6.06.02.07	Thông tư 20/2020/TT- BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của GV cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 20/2020/TT- BGDĐT ngày 27/7/2020	BGDĐT
	8	H6.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
	9	H6.06.02.09	Biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho GV của Khoa đầu mỗi năm học	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN Khoa Múa
	10	H6.06.02.10	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)
	11	H6.06.02.11	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của GV Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN P.HCTH (bộ phận Tổ chức cán bộ)

	12	H6.06.02.12	Hồ sơ phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV (GV Khoa Múa)	Thông báo 32/TB- SKĐAHN ngày 17/1/2018 Thông báo 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 Thông báo 286/TB-SKĐAHN ngày 14/8/2020 Thông báo 284/TB-SKĐAHN ngày 5/7/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển GV (trích thông báo tuyển GV)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng năm 2018, 2021	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ GV/ hợp đồng giảng dạy	Bộ phận TCCB lưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch GV (hội đồng dự giờ giảng)	Quyết định. Số 1558/QĐ-SKĐAHN 30/12/2016 Quyết định. Số 430/QĐ-SKĐAHN 18/5/2020	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công GV hướng dẫn tập sự		Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	8	H6.06.03.08	Danh sách GV thỉnh giảng cho Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa H6.06.02.03

	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch GV (lưu tại bộ phận TCCB); hồ sơ năng lực GV.	Bộ phận TCCBlưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).	Trường ĐHSKĐAHN Bộ phận Tổ chức cán bộ	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho GV tham gia hoạt động sáng tác; Các minh chứng từ GV được tham gia các hoạt động sáng tác.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	3	H6.06.04.03	Danh sách GV Khoa Múa tham dự các hoạt động nghệ thuật được Nhà trường đề cử	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng GV Khoa Múa đã đạt được trong	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (Bộ phận Tổ chức cán bộ)
	6	H6.06.04.06	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV; văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	(Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015)	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ; Khoa Múa
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Quyết định số 1889/QĐ-BVHTTDT ngày 15/6/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ

	8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành	Thông báo số 582/TB-SKĐAHN ngày 8/9/2017 Có tổng hợp ý kiến	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	9	H6.06.04.09	Thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV qua các năm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá GV Khoa Múa); (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho GV (trong đó có Khoa Múa) tại hội nghị VC,NLĐ; Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Kỷ niệm ngày thành lập Trường (17/12); hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho BVHTTDL (2020-2025)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	12	H6.06.04.12	Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	Trích lục đối với Khoa Múa	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT &ĐBCLGD
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử GV đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo....(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.	Quyết định số 995/QĐ-SKĐAHN ngày 14/9/2018 Quyết định số 1288/QĐ-SKĐAHN ngày 5/11/2020 Quyết định số 302/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2020 Quyết định số 197/QĐ-SKĐAHN ngày 12/3/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ; Phòng CTHSSV
		H6.06.05.02	Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài; Quy chế đối ngoại	Công văn số 2360/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 25/6/2020 Công văn số 2481/QĐ- BVHTTDT-ĐT	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH &HTQT; Bộ phận đối ngoại

	2			ngày 07/6/2018		
	3	H6.06.05.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 36/QĐ-SKĐAHN ngày 05/01/2017	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH, Bộ phận Tài vụ
	4	H6.06.05.04	Thông tin do Khoa Múa cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các liên hoan tài năng của SV các trường văn hóa nghệ thuật toàn quốc	Có các MC về thông tin về các cuộc thi tài năng.	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa Múa	Dùng chung MC H6.06.01.06		
	2	H6.06.06.02	- Minh chứng về: phiếu phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV - Quy định chế độ làm việc đối với GV (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với GV (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Múa)	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV Kế hoạch kiểm tra số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021. Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H6.06.06.03	Kế hoạch giảng dạy của GV Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa

	4	H6.06.06.04	Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	5	H6.06.06.05	- Quy chế thi đua khen thưởng của Trường Văn bản quy định đánh giá, phân loại VC,NLD để xét nâng lương trước niên hạn.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Bộ phận Tổ chức cán bộ
	6	H6.06.06.06	Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2018 đến 2023) Danh sách đề nghị khen thưởng cho GV (trong đó có Khoa Múa) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho BVHTTDL (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Bộ phận Tổ chức cán bộ
Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các GV đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Bộ phận Tổ chức cán bộ
	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017.	Trường ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	3	H6.06.07.03	- Quy định chế độ làm việc đối với GV (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với GV(văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015) Kế hoạch số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021.	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Tổ chức cán bộ; Phòng KT&ĐBCLGD

			năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Múa) Kết quả đánh giá, phân loại GV	Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021		
	4	H6.06.07.04	Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài Danh mục giải thưởng của GV Khoa Múa (2018- 2023) (Khoa tổng hợp)	Công văn số 202/KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD H6.06.04.04
	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	Trường ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	Trường ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	Quyết định số 15/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2015 Quyết định số 996/QĐ-SKĐAHN ngày 16/10/2015 Quyết định số 79/QĐ-SKĐAHN ngày 28/1/2016 Quyết định số 714/QĐ-SKĐAHN ngày 17/5/2016 Quyết định số 280/QĐ-SKĐAHN ngày 14/4/2016 Quyết định số 1330/QĐ-SKĐAHN ngày 10/11/2016 Quyết định số 73/QĐ-SKĐAHN ngày 09/2/2017 Quyết định số 172/QĐ-SKĐAHN ngày 10/3/2017 Quyết định số 343/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2017 Quyết định số 374/QĐ-	Trường ĐHSKĐAHN	

				SKĐAHN ngày 4/5/2017 Quyết định số 235a/QĐ- SKĐAHN ngày 21/3/2017 Quyết định số 1285/QĐ- SKĐAHN ngày 13/11/2017 Quyết định số 28/QĐ- SKĐAHN ngày 9/01/2018 Quyết định số 190/QĐ- SKĐAHN ngày 27/2/2018 Quyết định số 1253/QĐ- SKĐAHN ngày 9/11/2018 Quyết định số 135/QĐ- SKĐAHN ngày 21/2/2019 Quyết định số 194/QĐ- SKĐAHN ngày 15/3/2019 Quyết định số 1161/QĐ- SKĐAHN ngày 7/01/2019 Quyết định số 154/QĐ- SKĐAHN ngày 2/3/2020 Quyết định số 411/QĐ- SKĐAHN ngày 18/5/2020 Quyết định số 1330/QĐ- SKĐAHN ngày 18/11/2020		
Tiêu chuẩn 7						
	1	H07.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển ĐNNV trước 2023 (2018-2023 và sau năm 2023 (2023-2025)).	Giai đoạn 2018-2023 và 2023-2025	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Tổ chức cán bộ
	2	H07.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của ĐNNV	Trích trong đề án VTVL	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Tổ chức cán bộ

Tiêu chí 7.1	3	H07.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phản phát triển đội ngũ)	Kế hoạch tháng 5/2013 Quyết định 84/QĐ- BVHTTDL ngày 09/01/2014 Quyết định số 34/QĐ- BVHTTDL ngày 09/01/2016	Trường ĐH SKĐA HN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	3	H07.07.01.04	Đề án vị trí việc làm	Công văn số 3403/BVHTTDL-TCCB ngày 30/9/2014.	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (Bộ phận Tổ chức cán bộ)
	5	H07.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa Múa	Năm 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (Bộ phận Tổ chức cán bộ) H6.06.01.6
	6	H07.07.01.06	Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Đề án vị trí việc làm	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH (Bộ phận Tổ chức cán bộ)
	7	H07.07.01.07	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Nghị quyết 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	8	H07.07.01.08	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận Tài vụ
	9	H07.07.01.09	Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	10	H07.07.01.10	Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ	Các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB

	11	H07.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB Khoa Múa
	12	H07.07.01.12	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.2	1	H07.07.02.01	Minh chứng về các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	2	H07.07.02.02	Hồ sơ của đội ngũ viên chức	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận web trường
	4	H07.07.02.04	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2020-2025)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	5	H07.07.02.05	Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H07.07.02.06	Minh chứng về việc điều chuyển viên chức	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.3	1	H07.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường	Các phiên bản của quy chế này từ năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	2	H07.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ viên chức	Văn bản thống kê các năm từ 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB

	3	H07.07.03.03	Báo cáo thành tích của ĐNNV (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	4	H07.07.03.04	Kết quả thi đua hằng năm (hồ sơ thi đua)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	5	H07.07.03.05	Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị)	Thông báo số 582/TB-SKDAHN ngày 8/9/2017	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	6	H7.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hằng năm của ĐNNV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	7	H7.07.03.07	Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa Múa được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.4	1	H07.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	2	H07.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách ĐNNV của trường tham gia học tập.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	3	H07.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	4	H07.07.04.04	Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB

	5	H07.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hằng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	6	H7.07.04.06	Danh sách ĐNNV được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.5	1	H07.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc	Quyết định số 4965/QĐ- BVHTTDL ngày 28/12/2018	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	2	H07.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	3	H07.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	4	H07.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	5	H07.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2018-2023)	Trích biên bản họp ngày 5/10/2016 Trích biên bản họp ngày 9/11/2017 Trích biên bản họp ngày 15/10/2018 Trích biên bản họp ngày 30/9/2019	Trường ĐHSKĐAHN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB

				Trích biên bản họp ngày 24/9/2020		
	6	H07.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Quy định thi đua khen thưởng	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	P.HC, TH; Bộ phận TCCB
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Ban Thanh tra nhân dân	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chuẩn 8						
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Thông báo TS số 142/TB-SKĐA HN ngày 20/3/2017; Thông báo TS số 102/TB- SKĐA HN ngày 28/2/2018; Thông báo TS số 89/TB- SKĐA HN ngày 11/3/2019; Thông báo TS số 139/TB- SKĐA HN ngày 6/4/2021 Đề án tuyển sinh từ năm 2018 đến 2023	Thông báo TS số 71/TB-SKĐA HN ngày 8/3/2016;	Trường ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT

	2	H08.08.01.02	http://skda.edu.vn . Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - thường tổ chức đầu năm ở Đại học Bách Khoa HN)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	3	H08.08.01.03	Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	4	H08.08.01.04	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2018-2023)	Kế hoạch số 102-KH-SKĐAHN ngày 28/2/2018 Kế hoạch số 89-KH-SKĐAHN ngày 11/3/2019	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	5	H08.08.01.05	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Kế hoạch số 418/KH-SKĐAHN ngày 8/11/2019	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT; Khoa Múa
	6	H08.08.01.06	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
	6	H08.08.01.06	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Khoa Múa
Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT các năm (2018-2023)	Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015	BGDĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H08.08.02.02	Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN	Đề án tuyển sinh của trường các năm 2019,2020,2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H08.08.02.03	Danh sách HĐTS, các Ban phục vụ TS, Ban coi thi, Ban Thanh tra (2018-2023)	Quyết định số 436/QĐ-SKĐAHN ngày 14/5/2019 Quyết định số 955/QĐ-SKĐAHN ngày 14/8/2020	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Bộ phận Tổ chức cán bộ
	4	H08.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Quy chế tuyển sinh 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ

	5	H08.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 14/8/2015 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 11/9/2015 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 12/8/2016 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 25/7/2017 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 4/8/2017 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 6/8/2018 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 1/8/2019 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 7/9/2020 của Trường	Trường ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	6	H08.08.02.06	website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường	Sử dụng MC H05.05.04.02	Trường ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
				- Chính quy Đại học, Trung cấp Quyết định số 676/QĐ- SKĐA HN ngày 14/7/2015 Quyết định số 756/QĐ- SKĐA HN ngày 11/7/2016 Quyết định số 756/QĐ- SKĐA HN ngày 11/7/2016 Quyết định số 689/QĐ- SKĐA HN ngày 27/6/2017 Quyết định số 611/QĐ- SKĐA HN ngày 04/7/2018 Quyết định số 192/QĐ-		

	7	H08.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2018-2023)	SKĐAHN ngày 15/3/2019 Quyết định số 561/QĐ-SKĐAHN ngày 27/5/2020 Quyết định số 954/QĐ-SKĐAHN ngày 14/8/2020 Hệ vừa làm vừa học Quyết định số 997/QĐ-SKĐAHN ngày 19/10/2015 Quyết định số 1222/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Quyết định số 1515/QĐ-SKĐAHN ngày 23/12/2016 Quyết định số 1039/QĐ-SKĐAHN ngày 27/9/2017 Quyết định số 1097/QĐ-SKĐAHN ngày 10/10/2018 Quyết định số 1068/QĐ-SKĐAHN ngày 14/10/2019 Quyết định số 1268/QĐ-SKĐAHN ngày 27/10/2020	Trường ĐHSKĐAHN; Bộ phận Tổ chức cán bộ	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006	BGD&ĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H08.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN;	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H08.08.03.03	Tập hợp các quy định do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.	Sổ tay SV	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	4	H08.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh SV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV

	5	H08.08.03.05	Mình chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2018-2023) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	6	H08.08.03.06	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	7	H08.08.03.07	Mình chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	8	H08.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2018-2023) - của Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Phòng ĐTQLKH&HTQT	Khoa Múa
	9	H08.08.03.09	Email trao đổi với GV Phùng Quang Minh - Phó trưởng Khoa Múa (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa	Khoa Múa
	10	H08.08.03.10	Mình chứng về Hội nghị đối thoại với SV hằng năm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	11	H08.08.03.11	Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH&HTQT	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH&HTQT Khoa Múa
	12	H08.08.03.12	Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	13	H08.08.03.13	Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp....	Các Biên bản đánh giá kết quả rèn luyện từ 2018 đến 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV

Tiêu chí 8.4	1	H08.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Tổ chức cán bộ
	2	H08.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2018-2023); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa Múa .	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB
	3	H08.08.04.03	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	4	H08.08.04.04	Sổ tay SV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	5	H08.08.04.05	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp SV đầu khóa của Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa
	6	H08.08.04.06	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	7	H08.08.04.07	Minh chứng miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	8	H08.08.04.08	Báo cáo hằng năm về tổng kết đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp (2018-2023); báo cáo ba công khai.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	9	H08.08.04.09	Minh chứng cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	10	H08.08.04.10	Minh chứng về việc SV được giải thưởng về múa.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa

	11	H08.08.04.11	Mô tả vị trí việc làm của GV Khoa Múa ; Kế hoạch hằng tháng (giao ban); Kế hoạch Phòng CTHSSV; Kết luận của HT về công tác HSSV.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV
	12	H08.08.04.12	Danh sách SV được đề nghị xét danh hiệu, khen thưởng các cấp.	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
	13	H08.08.04.13	Biên bản về việc tổ chức sinh hoạt lớp	Giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa	
	14	H08.08.04.14	Mình chứng được cung cấp từ Khoa về các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu NH để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV
	15	H08.08.04.15	Mình chứng được cung cấp từ Đoàn TNCS HCM	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Đoàn TN
	16	H08.08.04.16	Danh mục danh hiệu thi đua của SV Khoa Múa đạt được	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Khoa Múa
Tiêu chí 8.5	1	H08.08.05.01	Hợp đồng với đội vệ sinh của cơ sở Hoàn Mỹ	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH
	2	H08.08.05.02	Hình ảnh các phòng tập của Khoa Múa trên tầng 7 nhà A2	Giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa	Khoa Múa
	3	H08.08.05.03	Hình ảnh khu thể chất nơi học các môn GDTC	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH
	4	H08.08.05.04	Phòng y tế của nhà trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng HCTH
	5	H08.08.05.05	Văn bản kiểm tra sức khỏe định kỳ hằng năm cho NH của nhà trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV
	6	H08.08.05.06	Sổ tay học sinh SV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐH SKĐA HN	Phòng CTHSSV

	7	H08.08.05.07	Kiểm tra phòng cháy chữa cháy định kỳ hằng năm của nhà trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	8	H08.08.05.08	Các đĩa CD chương trình tốt nghiệp của SV Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Khoa Múa	Khoa Múa
	9	H08.08.05.09	Văn bản đối thoại với SV hằng năm của BGH, các phòng ban, lãnh đạo các đơn vị	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa ; Phòng CTHSSV; Phòng HCTH
Tiêu chuẩn 9						
Tiêu chí 9.1	1	H09.09.01.01	Công khai cơ sở vật chất hằng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Phụ lục 19, báo cáo Ba công khai hằng năm Quyết định 223/BC-SKĐAHN ngày 19/6/2019	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD; Phòng HCTH
	2	H09.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	3	H09.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc BVHTTDL quản lý.	Sơ đồ trường ĐHSKĐAHN - 2020	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	4	H09.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ Phòng HCTH)	Nghị quyết 04 - SKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	5	H09.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 112/TB-HCTH ngày 19/3/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	6	H09.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất (Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trường ĐH trọng	Quyết định số 1714 /QĐ-BVHTTDL	BVHTTDL	

			điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B	ngày 26/5/2021		
	7	H09.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH (Bộ phận Tài vụ)
	8	H09.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Năm 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (tiêu chí 9.2)	Năm 2015	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H09.09.02.02	Quyết định số 13/2008/QĐ- BVHTTDL ngày 10/3/2008 của BVHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ- BVHTTDL	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	3	H09.09.02.03	Sơ đồ bố trí thư viện.	Sơ đồ	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	4	H09.09.02.04	Minh chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Trung tâm TTTV
	5	H09.09.02.05	ĐCCT môn học/ học phần	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	K.Múa
	6	H09.09.02.06	Minh chứng về các tài liệu của thư viện điện tử	Số ngày tháng	Trường ĐHSKĐAHN	Trung tâm TTTV
	7	H09.09.02.07	Cơ sở dữ liệu của Trung tâm Thông tin, Thư viện	Danh sách thống kê thư viện	Trường ĐHSKĐAHN	Trung tâm TTTV
	8	H09.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu của ngành Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	K.Múa

Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, Trung tâm Thực hành SK-ĐA	Trong sơ đồ trường	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Hành chính, Quản trị
	2	H09.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Trong sơ đồ trường	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Hành chính, Quản trị
	3	H09.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH Bộ phận Hành chính, Quản trị
	4	H09.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành Khoa Múa sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị tại Nhà hát A3, các phòng tập múa trên tầng 7 nhà A701	Văn bản thống kê	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	5	H09.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành		Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	6	H09.09.03.06	Mình chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)		Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	7	H09.09.03.07	Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).		Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
		H09.09.03.08	Quy chế tổ chức hoạt động (Phòng HCTH - Bộ phận Hành chính, Quản trị) Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ) Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu,	Liệt kê văn bản	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị

	8		bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành). Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành			
	9	H09.09.03.09	Kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Múa (2018-2023);	Giấy đề nghị các năm	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	10	H09.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	11	H09.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	12	H09.09.03.12	Danh sách các nhà hát, các trung tâm văn hóa nghệ thuật,.. Danh mục thiết bị mua sắm cho Khoa Múa	biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	13	H09.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các BLQ về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị		Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	14	H09.09.03.14	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn (2018-2023)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
Tiêu chí 9.4	1	H09.09.04.01	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	2	H09.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐHSKĐAHN	(Năm 2018- tiêu chí 9.4)	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

3	H09.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2018-2023	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
4	H09.09.04.04	Thư viện điện tử; Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Trung tâm TTTV
5	H09.09.04.05	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử. Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng	Quyết định số 962/QĐ/-SKĐAHN ngày 16/9/2019	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH; Bộ phận Tổ chức cán bộ
6	H09.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
7	H09.09.04.07	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
8	H09.09.04.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQGHN; Báo cáo tài chính (2018-2023) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm 2018-2023).	Báo cáo tài chính 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD Bộ phận tài vụ
9	H09.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH

	10	H09.09.04.10	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN (để đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2018)		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	11	H09.09.04.11	Kết quả tốt nghiệp năm 2022 ngành BDM		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐT QLKH&HTQT
Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như: của Chính phủ quy định về môi trường dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục	Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 Chỉ thị số 6036/CT-BGDĐT ngày 17/12/2014	Chính phủ Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	2	H09.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Có minh chứng ảnh	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	3	H09.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	4	H09.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Hợp đồng 1/7/2021	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	5	H09.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	6	H09.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị

Tiêu chí 9.6	7	H09.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2018-2023)	Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	8	H09.09.05.08	Minh chứng khám sức khỏe cho SV năm nhất và bảo hiểm y tế cho SV.	Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018	Trường ĐHSKĐAHN Phòng CTHSSV	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	9	H09.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Thông báo 18/TB- SKĐA ngày 17/1/2020	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	10	H09.09.05.10	Thông báo kế hoạch triển khai về PCCC, tiết kiệm điện nước của Hiệu trưởng.	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	11	H09.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	12	H09.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ		Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	13	H09.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động		Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	14	H09.09.05.14	- Hệ thống camera - Minh chứng về - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng -Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các		Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Tổ chức cán bộ

			tình huống về môi trường, sức khỏe và an toàn hằng năm -Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,...			
	15	H09.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội trường và quy định về việc đeo thẻ	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/5/2016	Trường ĐHSKĐAHN Phòng HCTH	Bộ phận Tổ chức cán bộ
Tiêu chuẩn 10						
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Minh chứng về: năm học 2021-2022, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo.	Kế hoạch số 558/KHSKĐ HN ngày 30/8/2017	Trường ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H10.10.01.02	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này.	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2019	BGD&ĐT Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	3	H10.10.01.03	Danh sách các BLQ (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2018).	Danh sách các BLQ chuẩn bị cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD; Phòng ĐTQLKH&HTQT
			-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

	4	H10.10.01.04	CTĐT. Biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các BLQ -Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NH và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH	Tổng hợp kết quả khảo sát về CTĐT ,CĐR 2021- 2022		
	5	H10.10.01.05	Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của NH/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của NH	Thông báo kèm bảng thống kê từ 2018 đến 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	6	H10.10.01.06	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa Múa .	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2021 Kế hoạch 193 /KH-SKĐAHN Ngày 16/5/2021 Thông báo 192 TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021 - Kết luận thanh tra 274/KL SKĐAHN ngày 2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	Thông tư 7/2015/2017/TT -BGDĐT ngày 16/4/2015	BGD&ĐT	Phòng ĐTQLKH&HTQT
		H10.10.02.02	Phòng ĐTQLKH&HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT: Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của Phòng ĐT QLKH&HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT bảo đảm chất lượng đào tạo (Phòng ĐTQLKH&HTQT về sơ đồ này dựa	Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018 Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN ngày 26/7/2018 Quyết định số 1221/QĐ-SKĐAHN ngày 7/11/2017 Quyết định số 1476/QĐ-SKĐAHN ngày 28/12/2017 Quyết định số 357/QĐ-	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT

	2		trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019)	SKĐAHN ngày 4/5/2018		
	3	H10.10.02.03	Minh chứng về quá trình Khoa Múa rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)		Trường ĐHSKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	4	H10.10.02.04	Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (2018, 2023)		Trường ĐHSKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	5	H10.10.02.05	Các văn bản mẫu phiếu ĐCCT do Phòng ĐTQLKH&HTQT thiết kế	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN ngày 27/7/2018	Trường ĐHSKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	6	H10.10.02.06	Khoa thống kê các nội dung điều chỉnh CTĐT ngành BDM (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	7	H10.10.02.07	Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.	Biên bản họp hội đồng Khoa học cấp trường ngày 25/4/2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 12/2/2021	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD

	2	H10.10.03.02	Thông báo của Phòng KT&ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi	Thông báo số 506/TB-SKĐAHN ngày 22/11/2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: Khoa Múa cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	Mô tả quy trình	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ	Minh chứng nằm trong ngân hàng đề thi	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	5	H10.10.03.05	ĐCCT học phần	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN; Phòng ĐTQLKH&HTQT	Khoa Múa
	6	H10.10.03.06	Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành BDM đều được lấy ý kiến	Năm 2018-2023		Phòng KT&ĐBCLGD Khoa Múa
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Múa	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của GV	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH &HTQT; Khoa Múa
	Tiêu chí 10.4					
	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 371/QĐ-SKĐAHN ngày 02/08/2022	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê việc các tác phẩm múa đi dự thi, việc tham gia các hoạt động liên quan đến nghệ thuật múa được ghi nhận.	Các hoạt động nghề nghiệp cải tiến việc dạy học (2018-2023)	Trường ĐHSKĐAHN	Khoa Múa

	3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa Múa	Danh sách giải thưởng của GV Khoa Múa (2018-2023)	Khoa Múa	Khoa Múa
	4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa Múa	Danh sách giải thưởng của SV Khoa Múa (2018-2023)	Khoa Múa	Khoa Múa
	5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm múa được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV Khoa Múa)	Danh sách giải thưởng của GV Khoa Múa (2018-2023)	Khoa Múa	Khoa Múa
	6	H10.10.04.06	Quy định về chế độ làm việc của GV	Quyết định số 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	7	H10.10.04.07	Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức -Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.	Liệt kê văn bản	Trường ĐHSKĐAHN	Viện SKĐA
	8	H10.10.04.08	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm múa, giáo trình múa đạt giải có sự góp mặt của GV Khoa Múa		Tạp chí nghiên cứu SKĐA	Tạp chí nghiên cứu SKĐA
	9	H10.10.04.09	Danh sách chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường (2018-2023)	Bảng thống kê kế hoạch công tác với GV ,chuyên gia nước ngoài đến trường giảng dạy từ năm 2018 đến 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT Bộ phận Đối ngoại
	10	H10.10.04.10	Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV Khoa Múa thực hiện.	Danh sách giáo trình phục vụ học tập Khoa Múa (2018-2023)	Trường ĐHSKĐAHN	K. Múa
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2018-2023)	Kế hoạch và kết luận từ (2018-2023)	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị

	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hằng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	3	H10.10.05.03	Sổ theo dõi CSVC thường xuyên Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Biên bản kiểm kê tài sản ngày 31/12/2019	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, Quản trị
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị VC,NLD (các năm từ 2018-2023)	Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 2020 và dự toán ngân sách 2021	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tài vụ
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các Khoa, các phòng	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, quản trị
	6	H10.10.05.06	-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của Khoa Múa hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện	Biên bản bàn giao bài tốt nghiệp Khoa Múa từ K34 đến K39	Khoa Múa	Khoa Múa
	8	H10.10.05.08	Chính sách xã hội hoá (trích nội dung họp giao ban về vấn đề lắp điều hoà khu nhà C)		Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, quản trị
	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2020	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Hành chính, quản trị
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 1/9/2015	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quyết định số 3651/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 3651/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 01/10/2018	BVHTTDL	Bộ phận Tổ chức cán bộ

	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	NQ số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021 của HĐ Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hàng năm từ 2018-2023).	Kế hoạch, Bảng kế hoạch công tác, báo cáo tiến độ từ 2018 đến 2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT& ĐBCLGD
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV và tổng hợp phiếu phản hồi. - Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ	Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Giai đoạn 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Bộ phận Tổ chức cán bộ

Tiêu chuẩn 11

Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của Phòng CTHSSV)	NQ số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021 của HĐ Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng HCTH
	2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của K. TKMT về Phòng ĐTQLKH&HTQT.	Sổ tay GVCN năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	K. Múa
	3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản từ năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH&HTQT
	4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Phòng CTHSSV		Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
			Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN HN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV,

	5	H11.11.01.05	quản lý đầy đủ thông tin tại Phòng ĐTQLKH&HTQT, Phòng CTHSSV của Nhà trường).	ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp HLM K36		Phòng ĐTQLKH&HTQT
	6	H11.11.01.06	Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, HN ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của ĐH SKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH&HTQT
	7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2018-2023)	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	9	H11.11.01.09	Mình chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/202 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	10	H11.11.01.10	Mình chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình để 1 SV Khoa Múa được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐTQLKH&HTQT
	2	H11.11.02.02	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV ngành BDM từ khóa tuyển sinh 2018 đến 2023. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH&HTQT

	3	H11.11.02.03	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV BDM (2018-2023).	Biên bản từ năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV,
	4	H11.11.02.04	Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19. Hoặc các lý do khác....	Thông báo số ngày tháng năm ban hành	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV, Phòng ĐTQLKH &HTQT
	5	H11.11.02.05	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/ QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng ĐT QLKH&HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn 2919/BGDĐT- GDĐH của BGD&ĐT về Khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Công văn 3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31/8/2018 của BGD&ĐT về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của SV tốt nghiệp	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx https://www.dropbox.com/	BGDĐT	Phòng CTHSSV
	2	H11.11.03.02	Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp năm (2018-2023)	http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	3	H11.11.03.03	Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành BDM	Năm 2018-2023	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng CTHSSV
	4	H11.11.03.04	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN	Năm 2018	Trường ĐHSKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	Thông tư 22 Quy định về hoạt động Khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.	Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng BGD&ĐT	BGDĐT	Phòng CTHSSV

	2	H11.11.04.02	Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV trong các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 19/ 2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	BGDĐT	Phòng CTHSSV
	3	H11.11.04.03	Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện	Có danh sách hợp danh mục	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	4	H11.11.04.04	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành Biên đạo và Huấn luyện múa của Khoa Múa đạt được.	Danh sách tổng hợp giải thưởng	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	5	H11.11.04.05	Các quy định về khen thưởng học sinh SV	Từ năm 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng CTHSSV
	6	H11.11.04.06	Liên hoan tài năng học sinh SV Khoa Múa	Từ năm 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	7	H11.11.04.07	Liên hoan tài năng học sinh SV toàn quốc	Năm 2018, 2019	BVHTT&DL	Khoa Múa
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị viên chức, NLĐ và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2018-2023	Trường ĐHKĐAHN	Phòng HCTH
	2	H11.11.05.02	MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	3	H11.11.05.03	Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ		Trường ĐHKĐAHN	Phòng KT&ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp Khoa Múa	Biên bản họp	Trường ĐHKĐAHN	Khoa Múa
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu SV Khoa Múa	Danh sách		Khoa Múa

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
Số 357/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Biên đạo múa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Theo đề nghị của Trường Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Biên đạo múa gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình *Biên đạo múa* theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, NTP (25).



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH BIÊN ĐẠO MÚA**

*(Kèm theo Quyết định số 35/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	Phùng Quang Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Thư ký
5	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
6	Lại Thị Thanh Bình	TS. Trưởng Khoa Kiến thức cơ bản, Đại diện Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
9	Chế Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
12	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	Thành viên
16	Hoàng Kim Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Thành viên
17	Lưu Thị Thu Lan	NSUT.ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
18	Nguyễn Thị Thủy Châu	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
19	Phạm Anh Phương	TS.NSND. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên
20	Nguyễn Công Nhạc	CN. NSND. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên

13

21	Trần Quốc Tuấn	TS. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên
22	Phùng Văn Khải	ThS. Giảng viên thỉnh giảng Khoa Múa	Thành viên
23	Lê Trần Thảo Nhi	Sinh viên lớp Biên đạo múa K40	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người)

Ng



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Kim Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Trưởng Ban thư ký
2	Trịnh Thủy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
3	Nguyễn Thị Phương	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
4	Nguyễn Thị Thủy Châu	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	CN. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hằng	CN. Trợ lý Khoa Múa	Thành viên
7	Long Thanh Hà	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người)

R



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kiểm tra Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 4 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1,2,3	Phùng Quang Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hằng	CN. Trợ lý Khoa Múa	Thư ký
	Đào Thị Mỹ	CN. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
	Lưu Thị Thu Lan	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Nguyễn Thị Thùy Châu	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Nguyễn Thị Thu Hiền	CN. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4,5,8	Hoàng Kim Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hằng	CN. Trợ lý Khoa Múa	Thư ký
	Đào Thị Mỹ	CN. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
	Nguyễn Thị Phương	ThS. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Đặng Hồng Nhung	CN. Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
	Lê Trần Thảo Nhi	Sinh viên lớp Biên đạo múa K40	Thành viên
	Long Thanh Hà	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Ngô Thị Thùy Trang	ThS. Trợ giảng Khoa Múa	Thành viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6,7,9	Phùng Quang Minh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hằng	ThS. Trợ lý Khoa Múa	Thư ký
	Tạ Thu Phương	CN. Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, tổng hợp	Thành viên
	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên

	Lưu Thị Thu Lan	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Nguyễn Thị Thùy Châu	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Nguyễn Thị Thu Hiền	CN. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 10, 11	Hoàng Kim Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Múa	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hằng	CN. Trợ lý Khoa Múa	Thư ký
	Đặng Hồng Nhung	CN. Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
	Nguyễn Thị Phương	ThS. Chuyên viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên
	Long Thanh Hà	ThS. Giảng viên Khoa Múa	Thành viên
	Ngô Thị Thùy Trang	ThS. Trợ giảng Khoa Múa	Thành viên

(Danh sách gồm có 30 người)

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT CỬ NHÂN NGÀNH BIÊN ĐẠO MÚA

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội

Mã: 52210244

Tên CTĐT: Cử nhân Biên đạo múa

Mã CTĐT: 7210243

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3				x						
Tiêu chuẩn 2								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1					x					
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1					x					
Tiêu chí 4.2					x					
Tiêu chí 4.3					x					
Tiêu chuẩn 5								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1					x					
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3					x					
Tiêu chí 5.4					x					
Tiêu chí 5.5				x						
Tiêu chuẩn 6								4,71	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5					x					
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5				x						
Tiêu chuẩn 10								4,50	6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5					x					
Đánh giá chung CTĐT								4,59	50/50	100%

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Nguyễn Đình Thi